

HƯỚNG DẪN PHẦN MỀM VẬN CHUYỂN WINTA LOGISTICS

CẤU TRÚC HƯỚNG DẪN

A. NGHIỆP VỤ VẬN TẢI	4
I. Nhập các thông tin danh mục	4
II. Các chứng từ phát sinh hàng ngày	4
1. Phòng kinh doanh	4
2. Phòng chứng từ - Logistics (Nếu có)	4
3. Phòng kế hoạch vận chuyển	4
4. Phòng điều độ	4
5. Phòng kế toán	4
6. Phòng vật tư	5
7. Phòng kỹ thuật/tổng hợp	5
8. Phòng nhân sự	5
9.	5
HƯỚNG DẪN CHI TIẾT.	5
I. Thông tin Danh mục	5
1. Danh mục Xe	6
2. Danh mục Rơ moóc	7
3. Danh mục Tuyến đường	8
4. Danh mục nhân viên/tài xế	12
5. Danh mục Khoản mục phí	14
6. Danh mục Khách hàng/nhà xe/hãng tàu	16
7. Danh mục Cảng/cửa khẩu	19
8. Danh mục Cây xăng/dầu	20
9. Danh mục Vật tư hàng hóa/dịch vụ	21
10. Danh mục Kho hàng	23
11. Danh mục Bảng giá vận chuyển	23
12. Danh mục Hợp đồng vận chuyển	25
13. Danh mục chung	25
14. Danh mục khác	26



II. CHỨNG TỪ PHÁT SINH	26
1. Phòng kinh doanh	26
Báo giá vận chuyển	26
Đơn hàng vận chuyển	27
2. Phòng chứng từ	27
3. Phòng kế hoạch	28
4. Phòng điều vận	31
Lệnh điều xe	31
Lập lệnh điều xe theo kế hoạch vận chuyển	34
5. Phòng kế toán	37
Nhập sổ dư ban đầu	37
a. Sổ dư ban đầu Tài khoản	37
b. Sổ dư ban đầu Tồn kho	38
c. Sổ dư ban đầu Công nợ	39
Nghiệp vụ phát sinh hàng ngày	40
Phiếu thu/ chi tiền mặt/tiền gửi	40
Phiếu thu tiền mặt	40
Phiếu chi tiền mặt	41
Dịch vụ vận tải Container	42
Tài sản cố định	45
Công cụ dụng cụ, phụ tùng	49
Báo cáo vận tải:	59
6. Phòng vật tư	64
Phiếu nhập kho (Phiếu nhập mua)	64
Phiếu xuất kho	66
Phiếu chuyển kho	68
Mua nhiên liệu nhập kho	68
Báo cáo nhập xuất tồn kho	69
Kiểm kê kho	71
6. Phòng kỹ thuật/tổng hợp	73
Quản lý giấy tờ xe, đăng kiểm và thời gian hết hạn	74
Theo dõi bảo dưỡng sửa chữa, thay thế	76
Phiếu sửa chữa – Bảo dưỡng	77
Chuyển đổi phụ tùng giữa các xe	79
Xem hồ sơ lý lịch phương tiện	80
Xem báo cáo sửa chữa – bảo dưỡng	81
Xem trạng thái toàn bộ xe công ty đang hoạt động	81
7. Phòng nhân sự	82
Quản lý chung	82
Lập bảng lương vận chuyển	82

B. NGHIỆP VỤ LOGISTICS	87
I- Quy trình chứng từ nhập khẩu.	87
1. Các danh mục	87
2. Lịch tàu đi/đến	88
3. Báo giá gửi khách hàng	89
5. Tạo công việc hàng nhập	92
a) Vận đơn HBL – Bill Of Lading	97
b) Vận đơn MBL – Master Bill	109
c) Tạo tờ khai hải quan nhập khẩu	109
II- Quy trình chứng từ xuất khẩu.	126
a) Công việc/ Booking	127
b) Khai báo tờ khai và vận đơn: Tương tự như hướng dẫn trên quy trình nhập khẩu	128
III- Quản lý phân lệnh	130
1. Quản lý người dùng:	130
2. Phân lệnh	130
3. Lập phiếu chi tạm ứng nhanh. Dành cho kế toán	132
4. Báo cáo nghiệp vụ Logistics	133

A. NGHIỆP VỤ VẬN TẢI

I. Nhập các thông tin danh mục

- Đầu xe, Rơ moóc
- Tuyến đường
- Nhân viên/tài xế
- Khoản chi
- Khách hàng/nhà xe
- Cảng/cửa khẩu
- Cây xăng
- Vật tư/hàng hóa/dịch vụ
- Kho hàng
- Bảng giá vận chuyển
- Hợp đồng vận chuyển

II. Các chứng từ phát sinh hàng ngày

1. Phòng kinh doanh

- Lập báo giá báo khách hàng
- Lập đơn hàng (có thể chuyển từ báo giá khách hàng sang đơn hàng)
- Lập hợp đồng vận chuyển (chọn đơn hàng)

2. Phòng chứng từ - Logistics (Nếu có)

- Lập số bill/book, lô hàng, tờ khai XNK
- Phân lệnh nhân viên làm chứng từ

3. Phòng kế hoạch vận chuyển

- Lên phương án và Lập kế hoạch vận chuyển
- Thống kê vận chuyển

4. Phòng điều độ

- Lập lệnh điều xe, điều tài xế
- Quản lý lịch trình
- Cập nhật trạng thái xe

5. Phòng kế toán

- Lập phiếu thu/phiếu chi tiền chi phí, tạm ứng, hoàn ứng, vv....
- Lập phiếu dịch vụ vận chuyển ghi nhận doanh thu, công nợ, thu hộ, chi hộ.
- Quyết toán chi phí các khoản phát sinh trong quá trình xe vận chuyển hoặc chi phí làm chứng từ XNK.
- Quản lý khấu hao tài sản/xe/Rơ moóc, phân bổ dụng cụ, phụ tùng.
- Kế chuyển cuối kỳ lên báo cáo xác định kết quả kinh doanh.
- Lập bảng kê vận chuyển gửi khách hàng, xuất hóa đơn GTGT.
- Quản lý, đối chiếu công nợ phải thu/phải trả.

- Quản lý thu, chi hộ theo chủ hàng, hãng tàu, vv...
- Lập bảng kế thuế GTGT đầu vào/đầu ra.
- Lập các báo cáo tài chính theo tiêu chuẩn của Bộ tài chính.
- Và một số nghiệp vụ kế toán khác

6. Phòng vật tư

- Quản lý dụng cụ, phụ tùng nhập kho mua mới, điều chuyển giữa các kho.
- Quản lý chuyển phụ tùng giữa các xe.
- Quản lý nhiên liệu mua vào kho và xuất cho từng xe.
- Báo cáo tồn kho theo thẻ kho, sổ chi tiết của từng vật tư theo từng kho, từng xe.

7. Phòng kỹ thuật/tổng hợp.

- Quản lý giấy tờ xe, đăng kiểm và thời gian hết hạn
- Quản lý Đề xuất sửa chữa từ tài xế.
- Quản lý bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo xe/Rơ moóc
- Theo dõi hồ sơ lý lịch phương tiện.
- Báo cáo sử dụng nhiên liệu.
- Báo cáo sửa chữa bảo dưỡng.

8. Phòng nhân sự

- Thông tin về hồ sơ lý lịch
- Quản lý tuyển dụng
- Thông tin đào tạo
- Điều chuyển lao động
- Quản lý thời gian
- Khen thưởng kỷ luật
- Chăm công
- Tính lương (Lương tài xế, văn phòng, kỹ thuật, thời vụ,...)
- Quản lý Bảo hiểm
- Quản lý thuế TNCN
- Quản lý danh mục dùng chung
- Hệ thống báo cáo tổng hợp/chi tiết
- Xem file hướng dẫn chi tiết và đầy đủ trên Website

9.**HƯỚNG DẪN CHI TIẾT.****I. Thông tin Danh mục**Quy ước chung :

Quy ước mã : Mã của tất cả các Danh mục phải viết liền nhau không có dấu tiếng việt, khoảng cách, khoảng trắng, ký tự đặc biệt. Nếu người dùng nhập không đúng quy ước trên chương trình sẽ tự động loại bỏ những ký tự không đúng (khoảng trắng, ký tự đặc biệt,...) để tạo ra một mã chuẩn.

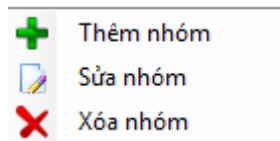
Các trường bắt buộc phải có : Mã, tên và một số trường khác do phần mềm quy định, nếu nhập thiếu thông tin chương trình sẽ cảnh báo khi lưu và nhảy con trỏ chuột tại trường đó để người dùng nhập bổ sung. Người dùng nên nhập đầy đủ thông tin nhất có thể để chương trình lên hệ thống chứng từ và báo cáo đầy đủ.



Qui ước nhóm : Ghi nội dung đầy đủ vào tên nhóm mang ý nghĩa của nhóm đó.
Chọn thuộc nhóm trên nào thì chọn nhóm đó (Có tối đa 8 cấp nhóm) sau đó nhấn **Đồng ý** để lưu lại.

Thao tác nhóm :

Người dùng Click vào các chức năng trên thanh công cụ ở vị trí cây thư mục danh sách nhóm để thao tác. Hoặc Click phải chuột để chọn menu chức năng như hình dưới.



❖ Muốn sửa nhóm nào Click chuột phải vào nhóm đó và chọn Sửa nhóm sau đó nhấn **Đồng ý** để lưu thông tin lại nhóm.

❖ Muốn xóa nhóm nào Click chuột phải vào nhóm đó sau đó chọn **Xóa nhóm**

Lưu ý : Ở bất cứ Danh mục nào bạn nên tạo nhóm trước rồi mới tạo đến đối tượng cần dùng

1. Danh mục Xe

Vị trí : Menu Danh mục => Đầu xe

Thêm

Xóa

Sửa

Cập nhật

Xem tin

Xuất Excel

Thông tin khấu hao

Refresh

Thoát

Đầu xe

Nhóm

<< Tất cả >>

Xe công ty

Xe ngoại

STT	Loại	Số xe	Số rơ moóc	Biển số cũ	Tên hiệu	Nhóm xe	Tên chủ xe	Khu vực	Xe ngoại
1	Xe cũ	34C08861			Xe 34C08861	Xe công ty			
2	Xe cũ	34C01490			Xe 34C01490	Xe công ty			
3	Xe cũ	34C08745			Xe 34C08745	Xe công ty			
4	Xe cũ	34C10520			Xe 34C10520	Xe công ty			
5	Xe cũ	34C10597			Xe 34C10597	Xe công ty			
6	Xe cũ	34C12429			Xe 34C12429	Xe công ty			
7	Xe cũ	34C14983			Xe 34C14983	Xe công ty			
8	Xe cũ	34C15018			Xe 34C15018	Xe công ty			
9	Xe cũ	34C14880			Xe 34C14880	Xe công ty			
10	Xe cũ	34C06244			Xe 34C06244	Xe công ty			
11	Xe cũ	34C12305			Xe 34C12305	Xe công ty			
12	Xe mới	34C04614			Xe 34C04614	Xe công ty			
13	Xe mới	34C14165			Xe 34C14165	Xe công ty			
14	Xe mới	34C14071			Xe 34C14071	Xe công ty			

Mục đích : Khai báo đầu xe để ghi nhận các phát sinh doanh thu/chi phí, định mức dầu, khấu hao giá trị xe và các thông tin khác của xe.

Thao tác : Bạn thao tác tại thanh công cụ khoanh màu đỏ các chức năng Thêm/Xóa/Sửa/....

Thêm **Đầu xe** mới : Người dùng nhấn **Thêm** ở thanh công cụ và nhập thông tin tại phần khoanh đỏ như hình dưới.

Thêm	Xóa	Sửa	Cập nhật	Xem lại	Xuất Excel	Thông tin khấu hao	Refresh	Thoát
Đầu xe								
Tìm kiếm								
Nhóm	STT	Loại	Số xe	Số rơ moóc	Biển số cũ	Tên hiệu	Nhóm xe	Tên chủ xe
<< Tất cả >>								
Xe công ty								
Xe ngoài								
Thêm dòng mới ở đây								
1	Xe cũ	34C08861				Xe 34C08861	Xe công ty	
2	Xe cũ	34C01490				Xe 34C01490	Xe công ty	
3	Xe cũ	34C08745				Xe 34C08745	Xe công ty	
4	Xe cũ	34C10520				Xe 34C10520	Xe công ty	
5	Xe cũ	34C10597				Xe 34C10597	Xe công ty	

Ghi chú : Đối với một số Danh mục thêm nhanh ngay tại danh sách (Giống như thêm dòng trên Excel chỉ khác là nhập liệu ở phía trên) tại ô khoanh vùng màu đỏ, người dùng nhập Loại xe, số xe, tên và một số thông tin cần thiết bằng cách nhập xong từng trường thông tin và nhấn Enter (Có thể thêm hoặc sửa nhiều Đầu xe cùng một lúc) sau đó nhấn **Cập nhật** để lưu lại các thông tin bạn mới nhập hoặc sửa.

Lưu ý : Bạn phải nhập thông tin bắt buộc cho các cột : Số xe, Tên hiệu, Chủ xe, Mức nhiên liệu tiêu hao...Cột <<Loại>> còn có mục đích quan trọng là ghi nhận các mức lương chuyển của tài xế theo từng loại xe. Người dùng có thể nhập mức tiêu hao nhiên liệu tại cột "Mức tiêu hao nhiên liệu/100km" cho mức nhiên liệu tiêu hao trung bình có tải và không tải. Trường hợp người dùng muốn chi tiết theo tải trọng phải khai báo như hình dưới.

Để sửa lại thông tin Đầu xe đã khai báo, sử dụng chức năng **Sửa** trên thanh công cụ sau đó sửa lại một hoặc nhiều Đầu xe cùng lúc sau đó nhấn **Cập nhật** để lưu lại thông tin đã sửa.

Định mức dầu tiêu hao theo từng xe, đầu kéo

Đầu xe					Số lít dầu tiêu hao / tấn									Tìm kiếm	
Nhóm	STT	Loại	Số xe	Mức tiêu hao nhiên liệu/100Km	Không tải	Tải 01 - 05 tấn	Tải 06 - 10 tấn	Tải 11 - 15 tấn	Tải 16 - 20 tấn	Tải 21 - 25 tấn	Tải 26 - 31 tấn	Tải 32 - 35 tấn	Tải trên 35 tấn		
<< Tất cả >> Xe công ty Xe ngoài	1	Xe cũ	34C08861	35	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		
	2	Xe cũ	34C01490	34	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		
	3	Xe cũ	34C08745	34	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		
	4	Xe cũ	34C10520	34	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		
	5	Xe cũ	34C10597	34	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		
	6	Xe cũ	34C12429	34	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		
	7	Xe cũ	34C14983	34	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		
	8	Xe cũ	34C15018	34	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		
	9	Xe cũ	34C14880	34	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		
	10	Xe cũ	34C06244	34	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		
	11	Xe cũ	34C12305	34	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		
	12	Xe mới	34C04614	34	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		
	13	Xe mới	34C14165	34	0	0.26	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31	0.32	0.35		

Nhập thông số dầu tiêu hao/tấn để chương trình tính số dầu tiêu hao/chuyến. Số lít dầu tiêu hao có tải trọng/chuyến = Số lít dầu tiêu hao theo tải trọng * số Km của tuyến đường.

2. Danh mục Rơ moóc

Vị trí : Tại danh mục Đầu xe có cột "Số rơ moóc" người dùng Click vào "+" để thêm số Rơ moóc hoặc có thể nhập số Rơ moóc tại Lệnh điều xe. Khi thêm số Rơ moóc chương trình sẽ xuất hiện như hình dưới. Người dùng có thể Thêm/Xóa/Sửa thông tin Rơ moóc.

Sổ moóc								
Sổ moóc								
STT	Số rơ moóc	Loại	Tải tr...	Tự trọng (Kg)	Trọng lượng toàn bộ ...	Kích cỡ	Xuất xứ	Ghi chú
▶	WL9400TJ2P	Rơ Moóc Sàn Phẳng	32,500	7,500	40,000	12,250x2,495x1,530	Hàng Nhập Khẩu Nguyên Chiếu	

3. Danh mục Tuyến đường

Vị trí : Menu Danh mục => Tuyến đường

Tuyến đường											
Mã số	Tên	Từ điểm	Đến điểm	Nơi hạ rơ	Số Km	ĐM đầu	Đơn giá VC	Lương chuyển	Tài xế ứng	Vé, phí cầu đường	Và vó, công an
CL_LA	Cát Lái - Long An	CL	LAN		135	0	0	0	0	0	0
PT_BP	Phủ thành - Bình phước	PT	BP		50	25	550,000	150,000	0	0	1
SEPO003_SEPO029	Bến cảng tổng hợp Cái Lân - Bến cảng cá Hạ Long	SEPO003	SEPO029	SEPO010	175	0	0	0	0	6,789,000	500,000
▶ SEPO003_SEPO071	Bến cảng tổng hợp Cái Lân - Bến cảng Đầm Môn	SEPO003	SEPO071	SEPO014	111	0	0	0	0	0	0
SEPO008_SEPO024	Bến cảng Vật Cách - Bến cảng đóng tàu Bạch Đằng	SEPO008	SEPO024		0	0	500,000	0	0	0	0
SEPO008_SEPO043	Bến cảng Vật Cách - Bến cảng Bến Thủy	SEPO008	SEPO043		0	0	0	0	0	0	0
SEPO012_SEPO015	Bến cảng Đoạn Xá - Bến cảng Container VN (Viconship) abcd	SEPO012	SEPO015		4	0	4	0	0	0	0
SG_BP	Sài Gòn - Bình Phước	SG	BP	SEPO001	175	0	0	0	0	1,234,000	550,000
SG_SEPO144	Sài Gòn - Bến cảng xăng dầu Trà Nóc	SG	SEPO144		0	0	0	0	0	0	0
TS_CL	Vật cách - AFC	VC	AFC		17	65	700,000	300,000	200,000	0	0
TS_DL	Phủ Thành - Vật Cách	PT	VC		55	0	800,000	125,000	0	0	0

Mục đích : Danh mục tuyến đường chỉ cần khai báo lần đầu. Người sử dụng khai báo các Tuyến đường nhằm phục vụ cho việc điều xe và tài xế có thể biết được nơi bắt đầu đi (Nhận hàng) và nơi đến (Nơi giao) thông qua các điểm (Từ điểm – Đến điểm). Ngoài ra việc khai báo tuyến đường trước để biết được số Km xe sẽ đi và là thước đo để tính cước vận chuyển cho chủ hàng và hỗ trợ chương trình tính được số dầu định mức tiêu hao. Phân tích kết quả kinh doanh theo tuyến đường.

Công thức tính Số dầu định mức tiêu hao : Số dầu định mức tiêu hao dựa trên Đầu xe (Số dầu tiêu hao/100km) và Tuyến đường (Số km) thông qua công thức : Số dầu định mức = ((Số dầu tiêu hao/100km * Số km) /100) + Số lít dầu tiêu hao có tải trọng (đã nêu ở trên).

Giải thích : Lý do định mức dầu không được ghi nhận trực tiếp tại Danh mục Tuyến đường mà phải được tính cả ở Đầu xe bởi vì cũng cùng tuyến đường đó nhưng có thể có nhiều loại xe khác nhau cùng chạy (Ví dụ : Xe tải 2.5 tấn, xe tải 5 tấn, xe đầu kéo,...) và còn phụ thuộc vào dòng xe, đời xe sẽ có mức tiêu hao nhiên liệu khác nhau.

Để thêm một tuyến đường mới. Người dùng click “Thêm” để nhập thông tin tuyến đường mới như hình dưới.

Thông tin chung

Từ điểm: Phú Thành + - Đến điểm: Bình Phước + -

Mã tuyến: PT_BP Nơi hạ rỗng: Chọn

Tên tuyến: Phú thành -> Bình phước

Số Km: 50 Đơn giá VC: 550,000

Lương chuyển: 150,000 Tài xế ứng: 0

Ghi chú:

Chi phí phát sinh theo tuyến

Tiền đường HR	300,000
Tiền đường HC	400,000
Vé, phí cầu đường	350,000
Vá vò, công an	150,000

Bảng giá Cập nhật Cập nhật & Thêm Đóng

Thao tác : Người sử dụng chỉ việc chọn Từ điểm, đến điểm, nơi hạ rỗng (nếu có xe Container). Chương trình sẽ tự động ghép mã và tên tuyến đường.

✓ Các trường bắt buộc nhập và không được để trống : Từ điểm, đến điểm, mã tuyến, tên tuyến.
 ✓ Những chi phí phát sinh theo tuyến là những chi phí cố định. Người sử dụng có thể thêm hoặc bớt các chi phí này bằng cách vào menu *Danh mục => Các khoản chi* và Tích chọn các khoản phí cố định theo tuyến đường tại cột “Là chi phí cố định”

- ✓
- Số km là số km từ điểm xuất phát tới điểm đến để chương trình tự động tính định mức tiêu hao nhiên liệu cho tuyến đường trên.
- Đơn giá vận chuyển dùng cho cơ sở sử dụng giá cố định của tuyến đường trên.
- Lương vận chuyển dùng cho cơ sở dùng lương cố định cho tuyến đường hoặc tính lương theo chuyển đổi với tài xế.
- Tài xế ứng: Là tiền tài xế ứng để vận chuyển tuyến đường trên.

Ghi chú : NSD khai báo đơn giá vận chuyển, lương chuyển, Phí cầu đường tại đây trong trường hợp chỉ có một loại xe và đơn giá cố định. Trường hợp NSD muốn tính giá vận chuyển, lương chuyển theo từng loại xe (xe Cont, xe tải, không tải) từng loại hàng (Hàng Cont, hàng rời, hàng ghép) và cước phí theo công ty, chủ hàng có thể lập "Bảng giá vận chuyển" theo 1 hoặc nhiều bảng giá.

Nơi nhận nơi/nơi giao/nơi hạ rỗng

Vào Menu Danh mục chọn Nơi giao/nhận nhấn Thêm để tạo mã nơi giao nhận.

Chú ý: Mã không được trùng

STT	Mã số	Tên	Địa chỉ	MST	Điện thoại
▶	VC	Vật cách			
	AFC	AFC			
	PT	Phú Thành			
	TL	Thiên Lý			
	SG	Sài Gòn			
	BP	Bình Phước			
	LAN	Long An			
	CL	Cát Lái			

Hướng dẫn thiết lập chi phí cố định theo tuyến đường.

Người dùng vào Menu Khoản chi sau đó Tick chọn những loại phí là cốt định tại cột "Là chi phí cố định" theo tuyến đường (Có nghiệp vụ = Vận tải). Hình dưới

4. Danh mục nhân viên/tài xế

Hồ sơ nhân sự - Sửa

Thông tin chung | Thông tin liên hệ | Thông tin công việc | Thông tin khác

Mã nhân viên: ANHDUNG | Mã chấm công: |
 Họ và đệm: Nguyễn | Tên: Anh Dũng
 Họ và tên: Nguyễn Anh Dũng | Ngày sinh: 03/10/1980 | Giới tính: Nam
 Nơi sinh: |
 Nguyên quán: <Xã/Phường - Huyện/Quận> | Tỉnh/Thành phố: |

Hình ảnh: 

Số CMND: | Ngày cấp: / /
 Nơi cấp CMND: |
 Số hộ chiếu: |
 Ngày cấp HC: / / | Ngày hết hạn: / /
 Nơi cấp HC: |
 TT hôn nhân: |
 TP gia đình: |
 TP bản thân: |
 Dân tộc: |
 Tôn giáo: |
 Quốc tịch: |

Trình độ văn hóa: Nhập trình độ văn hóa. Ví dụ 12/12
 Trình độ đào tạo: |
 Nơi đào tạo: |
 Khoa đào tạo: |
 Chuyên ngành: |
 Năm tốt nghiệp: 0
 Xếp loại: |
 Nghề nghiệp: |

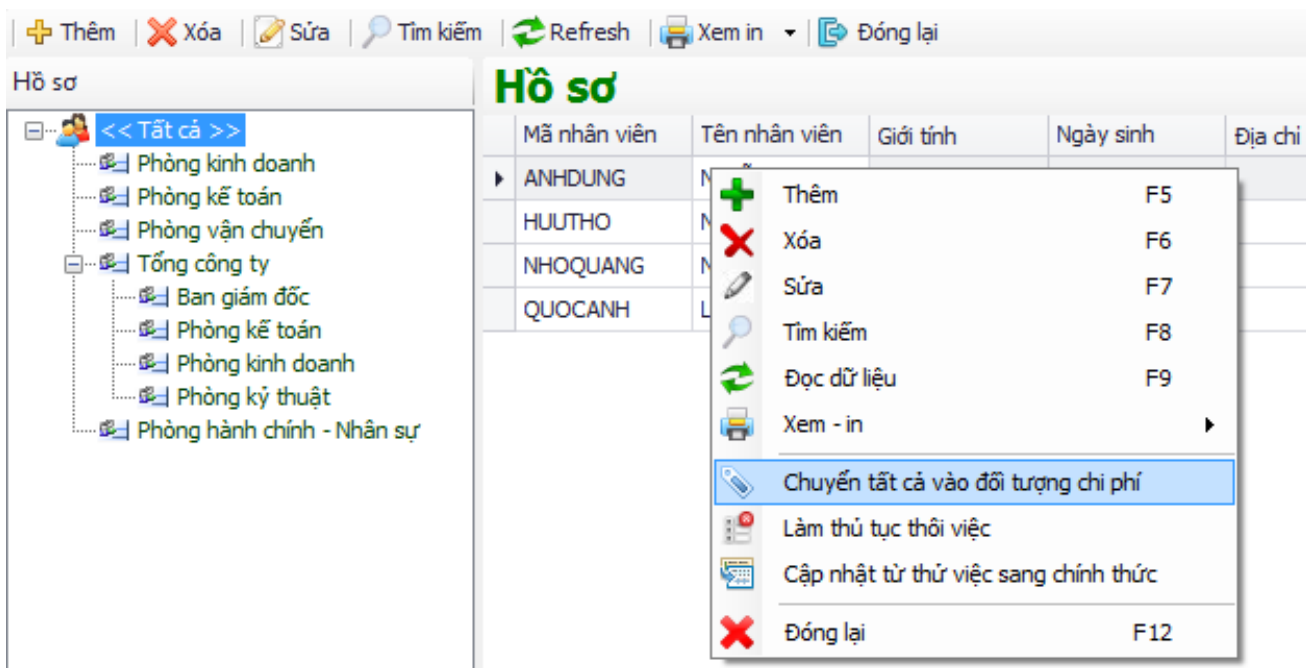
☒ Là khách hàng
☒ Là nhà cung cấp

☒ Là nhân viên lái | Số xe: 43c_00904
 Số giấy phép lái xe: GP123456 | Ngày cấp: 10/11/2017
 Nơi cấp GPLX: CA.BP | B2

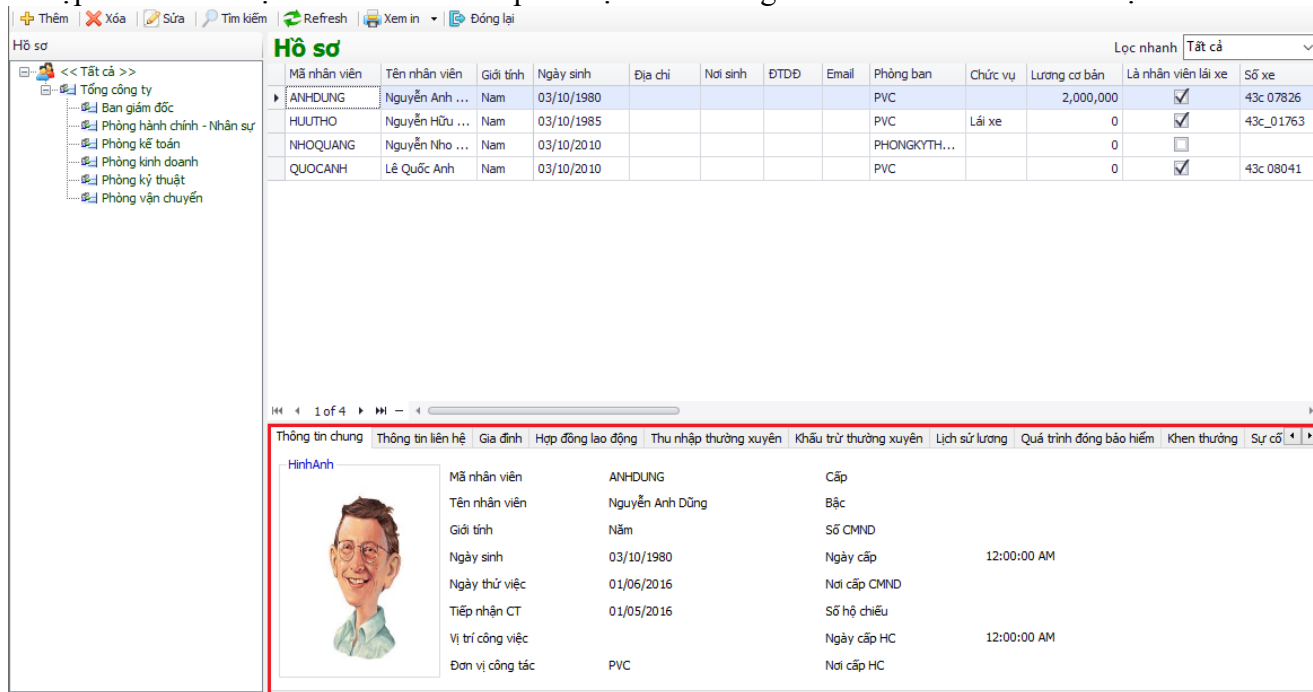
Xem in | Lưu | Hủy bỏ

Lưu ý : Nếu nhân viên là tài xế : Tick chọn “Là nhân viên lái xe” và chọn số xe lái (nếu là cố định) và Tick chọn “Là khách hàng” và “Là nhà cung cấp” vì nhân viên cũng vừa giống vai trò là khách hàng vừa là nhà cung cấp để ghi nhận công nợ và các chi phí/thu chi hộ.

- Nếu danh sách nhân viên đã tồn tại có thể cập nhật đồng loạt như hình dưới



Để lập hồ sơ nhân sự chi tiết. NSD vào phân hệ Tính Lương => Hồ sơ => Hồ sơ nhân sự.



Tab Thu nhập thường xuyên : Là các khoản thu nhập của nhân viên/tài xế cố định hàng tháng. Để NSD không phải đi qua nhiều thao tác chương trình sẽ cho phép bạn cập nhật các khoản đó ở đây .
Hình dưới

Thao tác : NSD chọn Tab như hình trên sau đó chọn tại cột “Mã khoản” là các khoản thu nhập và nhập số tiền nếu chưa nhập tại khoản lương.

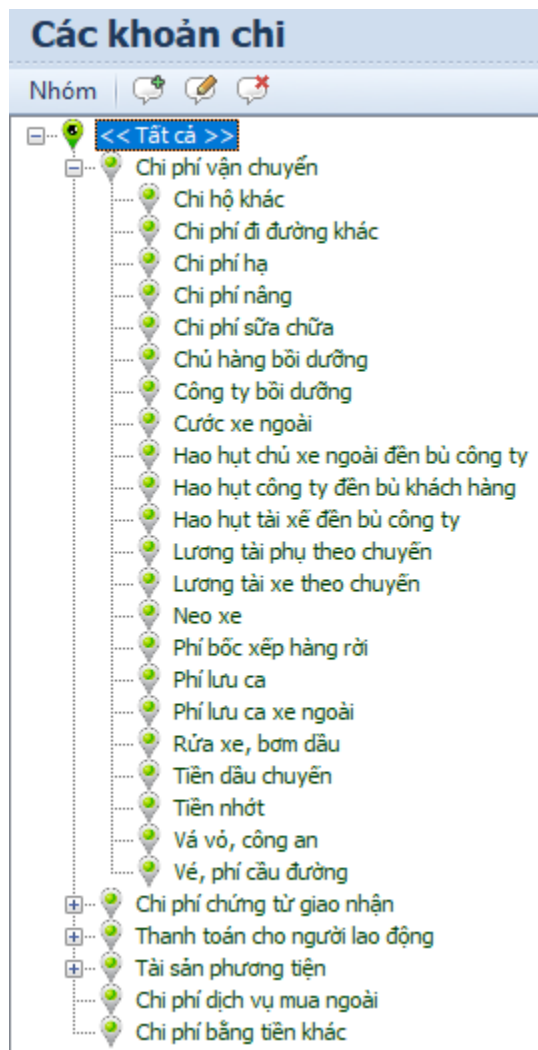
--	--	--	--	--	--	--

Khoản lương

	STT	Mã khoản	Tên khoản	Là Thu nhập	Tính chất	G.trừ khi tính thuế	Loại khoản lương	Số tiền	Chịu thuế	Hoạt động
▶	102	BHXH	Bảo hiểm xã hội	☐	Khấu trừ	☐				☒
	103	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp	☐	Khấu trừ	☐				☒
	104	PCD	Phí công đoàn	☐	Khấu trừ	☐				☒
	105	PC01	Phụ cấp tiền ăn	☒	Thu nhập	☐		500,000	Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	106	PC02	Phụ cấp chức vụ	☒	Thu nhập	☐		200,000	Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	107	PC03	Phụ cấp tiền xăng	☒	Thu nhập	☐			Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	108	PC04	Phụ cấp tiền điện thoại	☒	Thu nhập	☐		200,000	Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	109	PC05	Phụ cấp xâm lấn	☒	Thu nhập	☐			Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	110	PC06	Phụ cấp sinh hoạt	☒	Thu nhập	☐		500,000	Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	111	PC07	Phụ cấp trách nhiệm	☒	Thu nhập	☐		300,000	Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	112	PC08	Thâm niên công tác	☒	Thu nhập	☐		100,000	Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	113	PC09	Phụ cấp chuyên cần	☒	Thu nhập	☐		100,000	Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	115	PC11	Phụ cấp sinh nhật	☒	Thu nhập	☐		100,000	Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	116	PC12	Phụ cấp công trình	☒	Thu nhập	☐		300,000	Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	117	PC13	Phụ cấp giới thiệu	☒	Thu nhập	☐		200,000	Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	118	PC14	Hiệu quả công việc	☒	Thu nhập	☐		300,000	Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	120	KT01	Tiền đồng phục	☒	Thu nhập	☐		100,000	Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒
	121	KT02	Vì phạm nội quy	☐	Khấu trừ	☐				☒
	130	TN01	Trà tiền đồng phục	☐	Khấu trừ	☐		200,000		☒
	131	TNK	Khác	☒	Thu nhập	☐			Chịu thuế theo biểu lũy tiến	☒

Thiết lập Danh mục Hệ thống Tiện ích Trợ giúp

Với các khoản chi phí phát sinh vận chuyển NSD nên đưa vào nhóm “Chi phí vận chuyển” như hình dưới.



Mục đích : Với phần mềm quản lý vận tải các khoản chi luôn cần phải theo dõi và phát sinh hàng ngày nên NSD cần phải lập ngay từ ban đầu hoặc bổ sung (nếu thiếu). Các khoản này chỉ lập một lần.

Thêm Xóa Sửa Cập nhật Xem lại Xuất Excel Refresh Thoát Các khoản chi Tìm kiếm								
Nhóm	Mục chi	Tên chi phí	Ảnh	Mã TK có mặc định	Nghị vụ	Tự động thêm vào quyết toán	Tự động thêm vào tạm ứng	Là chi phí cố định
Tất cả - Chi phí vận chuyển - Chi hộ khác - Chi phí đi đường khác - Chi phí hạ - Chi phí nâng - Chi phí sửa chữa - Chủ hàng bồi dưỡng - Công ty bồi dưỡng - Cước xe ngoài - Hao hụt chủ xe ngoài đến bù công ty - Hao hụt công ty đến bù khách hàng - Hao hụt tài xế đến bù công ty - Lương tài phụ theo chuyến - Lương tài xe theo chuyến - Neo xe - Phí bốc xếp hàng rời - Phí lưu ca - Phí lưu ca xe ngoài - Rửa xe, bơm dầu - Tiền đầu chuyến - Tiền nhót - Vá vó, công an - Vé, phí cầu đường - Chi phí chứng từ giao nhận - Thanh toán cho người lao động - Tài sản phương tiện - Chi phí dịch vụ mua ngoài - Chi phí bằng tiền khác								
	SE01	Lương tài xe theo chuyến		3341	Vận tải	☒	☐	☐
	SE02	Lương tài phụ theo chuyến		3341	Vận tải	☒	☐	☐
	SE03	Cước xe ngoài		331	Vận tải	☒	☐	☐
	SE04	Hao hụt công ty đến bù khách hàng		1311	Vận tải	☒	☐	☐
	SE05	Hao hụt tài xế đến bù công ty		711	Vận tải	☒	☐	☐
	SE09	Tiền đầu chuyến		6427	Vận tải	☒	☐	☐
	SE12	Phí lưu ca xe ngoài		331	Vận tải	☒	☐	☐
	SE13	Vé, phí cầu đường		141	Vận tải	☒	☒	☒
	SE14	Chủ hàng bồi dưỡng		141	Vận tải	☒	☐	☐
	VE01	Vá vó, công an		141	Vận tải	☒	☒	☒
	VE04	Tiền nhót		141	Vận tải	☒	☐	☐
	VE05	Công ty bồi dưỡng		141	Vận tải	☒	☐	☐
	VE06	Chi phí sửa chữa		141	Vận tải	☒	☐	☐
	VE07	Rửa xe, bơm dầu		141	Vận tải	☒	☐	☐
	VE08	Chi phí đi đường khác		141	Vận tải	☒	☐	☐

Giải thích :

- ✓ Mục chi : Là mã mục chi được viết liền không dấu, không có khoảng cách và ký tự đặc biệt.
- ✓ Tên chi phí : Là diễn giải ghi rõ tên chi phí.
- ✓ Số tiền : Là số tiền cố định của mỗi mục khi phát sinh chứng từ (nếu có)
- ✓ Loại CP : Có 2 loại chính là chi phí thuộc Công ty hoặc chi phí thuộc Khách hàng. Nếu chọn chi phí thuộc Khách hàng thì đây là các khoản phí chi hộ cho khách hàng.
- ✓ Nhóm CP : Phân ra theo từng nhóm để dễ quản lý.
- ✓ Mã TK nợ/có mặc định : Là mã tài khoản khi hạch toán chi phí tự động.
- ✓ Nghiệp vụ : Là khoản phí được hạch toán ở nghiệp vụ nào (Có 2 loại chính : Chứng từ, vận tải). Nếu chi phí đó nằm ở cả hai thì chọn là "Tất cả".
- ✓ Tự động thêm vào QT : Những mục nào có Tick chọn vào mục này sẽ tự động thêm vào hạch toán ở các chứng từ chi phí và người sử dụng chỉ việc nhập số tiền tương ứng với từng mục.

Lưu ý

Các mã/tên chi phí có thể đặt tùy ý ngoài những mã cũ (Khách hàng đã dùng và các mã bắt đầu bằng chữ SE trong danh sách chi phí mới)

Người dùng có thể đặt tùy ý hoặc có thể theo gợi ý dưới đây

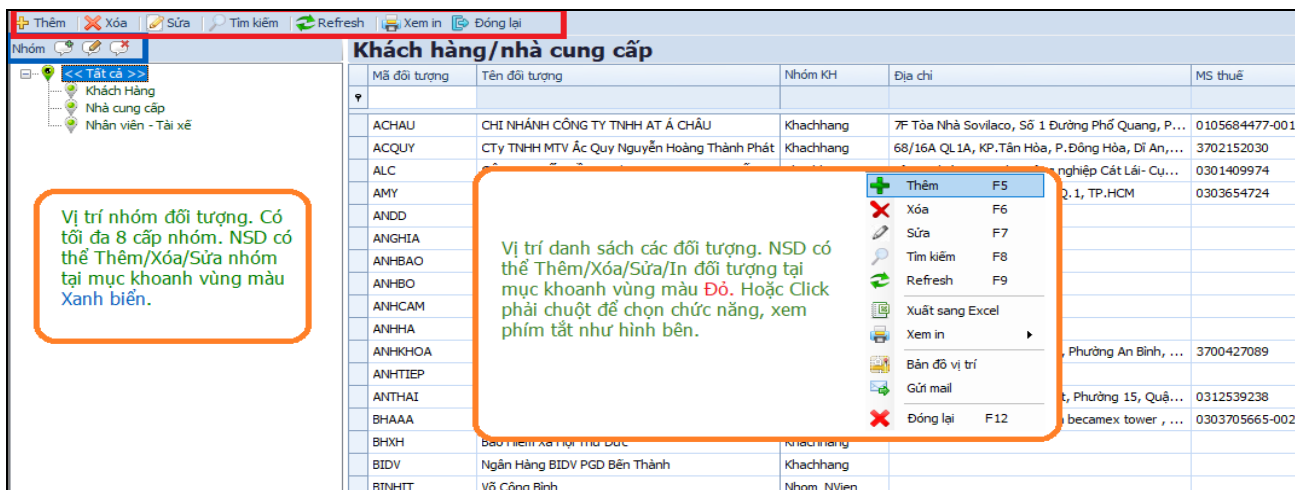
Quy ước	Nội dung	Phân hệ/nhóm	Ghi chú
Nhóm chi phí	Mã bắt đầu là ký tự G	Chứng từ & vận tải & kế toán	Hiện thị nhóm
Mã chi phí hệ thống bắt buộc có	Mã bắt đầu bằng chữ S	Chứng từ & vận tải & kế toán	Không xóa được trên chương trình, Không được sửa mã
Mã chi phí vận tải	Mã bắt đầu V	Vận tải	Có thể thêm/xóa/sửa
Mã chi phí chứng từ	Mã bắt đầu C	Chứng từ	Có thể thêm/xóa/sửa
Mã chi phí lương	Mã bắt đầu R	Nhân sự	Có thể thêm/xóa/sửa
Mã chi phí tài sản	Mã bắt đầu F	Tài sản	

6. Danh mục Khách hàng/nhà xe/hãng tàu

Vị trí : Menu Danh mục => Khách hàng/Nhà cung cấp

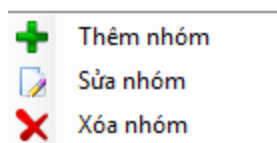
Cho phép khai báo thông tin liên quan đến khách hàng như: Mã, tên, địa chỉ, mã số thuế, tài khoản ngân hàng, thông tin về đối tượng liên hệ của khách hàng (nếu có)...

Sau khi chọn chức năng trên chương trình xuất hình danh sách như hình dưới.



Thao tác Nhóm Khách hàng

Người dùng Click vào các chức năng trên thanh công cụ (Khoanh vùng màu xanh biển) ở vị trí cây thư mục danh sách nhóm để thao tác. Hoặc Click phải chuột để chọn menu chức năng như hình dưới.



Thao tác : Người dùng click vào các chức năng trên thanh công cụ của nhóm hoặc click chuột phải vào cây thư mục sau đó chọn **Thêm nhóm** để thêm nhóm Khách hàng mới.

Khách hàng/nhà cung cấp - Thêm nhóm

Mã nhóm

G01

Tên nhóm

Khách hàng

Thuộc nhóm

Diễn giải

Đồng ý

Đóng

- ❖ Muốn sửa nhóm nào Click chuột phải vào nhóm đó và chọn Sửa nhóm sau đó nhấn **Đồng ý** để lưu thông tin lại nhóm.
- ❖ Muốn xóa nhóm nào Click chuột phải vào nhóm đó sau đó chọn **Xóa nhóm**

Thao tác Đối tượng khách hàng/nhà cung cấp

Thao tác : Để thêm một đối tượng khách hàng. Người dùng chọn một trong các cách như hình trên, nhấn “**Thêm**” trên thanh công cụ hoặc nhấn phím **F5**. Chương trình xuất hình như hình dưới.

Trên Tab **Thông tin chung**, khai báo các thông tin chi tiết về khách hàng

✓ Các trường bắt buộc phải khai báo : Mã đối tượng, Tên đối tượng, Địa chỉ, Loại khách hàng. Các trường còn lại không bắt buộc nhưng người dùng càng nhập đầy đủ thông tin càng tốt cho việc lập các chứng từ và báo cáo.

✓ Giải thích (Các mục khoanh vùng màu xanh)

- Lựa chọn đối tượng cần khai báo là khách hàng này thuộc Tổ chức (Cơ quan, công ty, ...) hay khách hàng là Cá nhân.
- Sau khi khai báo xong nhấn **Lưu** hoặc **Lưu & Thêm**

✓ **Lưu ý:**

• Trường hợp đối tượng khai báo đối tượng thuộc Khách hàng, nhà cung cấp, ký gửi, hoặc khách hàng thuộc tất cả các đối tượng trên người dùng chọn tại mục **Loại KH** được giải thích như sau :

- Ý nghĩa của ô này là để phân biệt đối tượng khách hàng hay nhà cung cấp.

KH: Khách hàng.

NCC: Nhà cung cấp.

KHNCC: Đối tượng vừa là khách hàng vừa là nhà cung cấp.

KG: Ký gửi.

KHNCCKG: Đối tượng vừa là khách hàng, nhà cung cấp, ký gửi.

Tùy vào loại khách hàng mà bạn khai báo chương trình sẽ xuất hiện đối tượng khách hàng trên từng chứng từ tương ứng. Ví dụ : Nếu bạn khai báo đối tượng này thuộc Loại KH = NCC chương trình sẽ xuất hiện đối tượng này trên chứng từ mua hàng, nhập xuất kho, phiếu chi tiền mặt tiền gửi,... thuộc loại phải trả mà không hiển thị trên chứng từ bán hàng. Ngược lại nếu bạn khai báo Loại KH = KH chương trình chỉ xuất hiện trên chứng từ bán hàng, phiếu thu tiền mặt, tiền gửi... thuộc loại phải trả. Trường hợp bạn khai báo Loại KH = KHNCC thì chương trình xuất hiện đối tượng trên tất cả các chứng từ.

- Để sửa lại thông tin khách hàng đã khai báo, sử dụng chức năng **Sửa** trên thanh công cụ.
- Đối với những khách hàng không có nhu cầu theo dõi nữa, có thể sử dụng chức năng **Sửa** trên thanh công cụ, sau đó bỏ tick chọn thông tin **Active** (Ngừng theo dõi).
- Đối với thao tác trên các Danh mục khác trên các thanh công cụ cũng tương tự như thao tác tại Danh mục khách hàng.

7. Danh mục Cảng/cửa khẩu

Vị trí : Menu Danh mục => Cảng/cửa khẩu.

STT	Mã số	Tên	Ghi chú
	CNFOC	FUZHOU	
26	SEPO026	Bến cảng công nghiệp tàu thủy Nam Triệu	
27	SEPO027	Bến cảng đóng tàu Phà Rừng	
28	SEPO028	Bến cảng Lilama Hải Phòng	
29	SEPO029	Bến cảng cá Hạ Long	
30	SEPO030	Bến cảng cơ khí Hạ Long	
31	SEPO031	Bến cảng dầu K99	
32	SEPO032	Bến cảng Biên phòng	
33	SEPO033	Bến cảng Công ty 128	
34	SEPO034	Bến cảng thiết bị vật tư Chùa Vẽ	
35	SEPO035	Bến cảng Đông Hải	
36	SEPO036	Bến cảng Diêm Điền	
37	SEPO037	Bến cảng Hải Thịnh	
38	SEPO038	Bến cảng Thịnh Long	
39	SEPO039	Bến cảng Lệ Môn	
40	SEPO040	Bến cảng tổng hợp Nghi Sơn	
41	SEPO041	Bến cảng chuyên dụng Nhà máy xi măng Nghi Sơn	
42	SEPO042	Bến cảng Cửa Lò	

Thao tác : Bạn thao tác tại thanh công cụ khoanh màu đỏ các chức năng Thêm/Xóa/Sửa/In
 Thêm Cảng/cửa khẩu mới : Người dùng nhấn **Thêm** để thao tác như hình dưới.

Thêm Xóa Sửa Cập nhật Xem In Xuất Excel Refresh Thoát

Cảng/cửa khẩu Tìm kiếm

STT	Mã số	Tên	Ghi chú
* Thêm dòng mới ở đây			
	CNFOC	FUZHOU	
▶ 26	SEPO026	Bến cảng công nghiệp tàu thủy Nam Triệu	
27	SEPO027	Bến cảng đóng tàu Phà Rừng	
28	SEPO028	Bến cảng Lilama Hải Phòng	
29	SEPO029	Bến cảng cá Hạ Long	
30	SEPO030	Bến cảng cơ khí Hạ Long	

Ghi chú : Đối với một số Danh mục thêm nhanh ngay tại danh sách (Giống như thêm dòng trên Excel chỉ khác là nhập liệu ở phía trên) tại ô khoanh vùng màu cam, người dùng nhập mã, tên và một số thông tin cần thiết bằng cách nhập xong từng trường thông tin và nhấn Enter (Có thể thêm hoặc sửa nhiều Cảng/cửa khẩu cùng một lúc) sau đó nhấn **Cập nhật** để lưu lại các thông tin bạn mới nhập hoặc sửa.

Để xóa một đối tượng thuộc Cây xăng nào, bạn chọn vào dòng đó sau đó chọn chức năng **Xóa** trên thanh công cụ

Để sửa lại thông tin Cây xăng đã khai báo, sử dụng chức năng **Sửa** trên thanh công cụ sau đó sửa lại một hoặc nhiều Cây xăng cùng lúc sau đó nhấn **Cập nhật** để lưu lại thông tin đã sửa

8. Danh mục Cây xăng/dầu

Vị trí : Menu Danh mục => Cây xăng

Tại màn hình danh sách Cây xăng, chọn chức năng **Thêm** trên thanh công cụ.

Để xóa một đối tượng thuộc Cây xăng nào, bạn chọn vào dòng đó sau đó chọn chức năng **Xóa** trên thanh công cụ.

Để sửa lại thông tin Cây xăng đã khai báo, sử dụng chức năng **Sửa** trên thanh công cụ sau đó sửa lại một hoặc nhiều Cây xăng cùng lúc sau đó nhấn **Cập nhật** để lưu lại thông tin đã sửa.

9. Danh mục Vật tư hàng hóa/dịch vụ

Vị trí : Menu Danh mục => Vật tư hàng hóa/dịch vụ

Danh mục này có nhiều loại theo nhiều tính chất đặc thù khác nhau, để thuận tiện cho việc quản lý người dùng nên phân chia theo nhóm để dễ cho việc quản lý. Cách tạo nhóm đã hướng dẫn ở trên.

Tại màn hình danh sách vật tư hàng hoá/dịch vụ, chọn chức năng **Thêm** trên thanh công cụ.

Vật tư hàng hóa/dịch vụ - Thêm mới

 **Vật tư hàng hóa/dịch vụ**
Thông tin vật tư hàng hóa

Thông tin vật tư hàng hóa				Hình ảnh	
Mã VTHH	XIMANG	Mã Barcode			
Tên VTHH	Xi măng				
Tên tiếng anh					
Tính chất	Vật tư hàng hóa	Nhóm VTHH	Chọn		
Đơn vị chính	tấn	Nghành hàng			
Ghi chú					

Giá mua		0	Mã TKVT	1561
Giá bán		0	Mã TKDT	5111
Thuế GTGT (%)			Mã TKCP	
Thuế TTDB (%)			☒ Quản lý tồn kho	

☒ Hoạt động

- ✓ Các trường bắt buộc phải khai báo : Mã VTHH, Tên VTHH, Tính chất. Các trường còn lại không bắt buộc nhưng người dùng càng nhập đầy đủ thông tin càng tốt cho việc lập các chứng từ và báo cáo.
- ✓ Chọn tính chất cho **Vật tư hàng hoá/dịch vụ**, mặc định của tính chất là : Vật tư hàng hóa. Tùy theo từng loại tính chất chương trình sẽ thể hiện theo loại Form tương ứng.
- ✓ Chọn Đơn vị tính của **Vật tư hàng hóa**, nếu thiếu hoặc muốn sửa đơn vị tính để chọn bạn có thể click + để thêm/xóa/sửa trong danh sách đơn vị tính.
- ✓ Chọn Nhóm hàng cho **Vật tư hàng hóa** đã khai báo ở cây thư mục, nếu thiếu nhóm hàng bạn có thể click + hoặc thao tác ở cây thư mục nhóm để thêm nhóm hàng mới.
- ✓ Chọn ngành hàng cho **Vật tư hàng hóa** đối với những đơn vị có quản lý theo ngành hàng (Thương mại, dịch vụ, sản xuất,...)
- ✓ Tại mục **Hình ảnh**: Click phải để chọn/xóa ảnh đại diện cho VTHH
- ✓ Sau đó khai báo thông tin trên các Tab chi tiết:

- Tab **Ngâm định**: các thông tin sau khi được khai báo sẽ được tự động lấy lên các chứng từ mua bán vật tư, hàng hoá. Cụ thể:
 - Thông tin: Giá mua, Giá bán, Tài khoản VTHH, TK Doanh thu, TK chi phí, Thuế GTGT (%), Thuế suất GTGT, Thuế TTĐB NK (%) sẽ được lấy lên các chứng từ mua/bán vật tư, hàng hoá.
 - Nếu VTHH quản lý tồn kho, tick chọn **Có tồn kho** (Chương trình sẽ tick chọn tự động khi thêm VTHH mới tùy thuộc vào Tính chất của hàng hóa và người dùng có thể tick hoặc bỏ tick)
- Tab **Đơn vị tính khác**: Cho phép thiết lập nhiều đơn vị tính đối với các mặt hàng khi mua/bán theo nhiều đơn vị tính khác nhau (Ví dụ : Gói, hộp, thùng,...) được quy đổi về đơn vị tính chính theo nhiều loại giá khác nhau.
- Tab **Định mức nguyên vật liệu**. (Tab này xuất hiện khi người dùng chọn mặt hàng thuộc tính chất **Thành phẩm**). Đối với các VTHH dùng để sản xuất người dùng khai báo định mức tiêu hao nguyên vật liệu ở Tab này khi lập phiếu sản xuất hoặc bán hàng chương trình sẽ tự động trừ kho cho các nguyên vật liệu cấu thành nên VTHH này.
- ✓ Sau khi khai báo xong nhấn **Lưu** hoặc **Lưu & Thêm**

10. Danh mục Kho hàng

Vị trí : Menu Danh mục => Kho hàng

Cho phép quản lý danh sách các kho vật tư, hàng hoá, phục vụ cho công tác khai báo vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp.

+ Thêm ✖ Xóa ✎ Sửa 🔍 Tìm kiếm ↻ Refresh 🖨 Xem in 🔄 Đóng lại																			
Kho hàng																			
Nhóm << Tất cả >>																			
Kho tổng công ty																			
Kho dịch vụ vận chuyển																			
Kho nhóm xe																			
Kho nhiên liệu																			
Kho cửa hàng 69																			
Kho nhiên liệu công ty																			
Kho phụ tùng																			
Kho Thái nguyên																			
Kho vật tư phụ tùng công ty																			
Kho sửa chữa																			
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mã kho</th><th>Tên kho</th><th>Địa chỉ</th><th>Người quản lý</th><th>Điện thoại</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>KTNGUYEN</td><td>Kho Thái nguyên</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>KVTPCTCT</td><td>Kho vật tư phụ tùng công ty</td><td></td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table>					Mã kho	Tên kho	Địa chỉ	Người quản lý	Điện thoại	KTNGUYEN	Kho Thái nguyên				KVTPCTCT	Kho vật tư phụ tùng công ty			
Mã kho	Tên kho	Địa chỉ	Người quản lý	Điện thoại															
KTNGUYEN	Kho Thái nguyên																		
KVTPCTCT	Kho vật tư phụ tùng công ty																		

Ghi chú : Đối với đặc thù của ngành vận tải phải quản lý các vật tư/phụ tùng xe khi khai báo các xe chương trình sẽ tự động tạo thêm các kho là các số xe tương ứng được đưa vào nhóm **Kho nhóm xe** để hỗ trợ cho việc quản lý phụ tùng (nhập/xuất sửa chữa, chuyển phụ tùng giữa các xe).

11. Danh mục Bảng giá vận chuyển

Vị trí : Phân hệ Vận tải => Bảng giá vận chuyển

Mục đích

Bảng giá này dành cho khách hàng, nhà xe kiêm giá dành cho tài xế. Có thể lập một bảng giá hoặc nhiều bảng giá tùy thuộc vào nhu cầu của người sử dụng. Phần mềm cho phép tách ra theo nhiều bảng giá. NSD có thể lập bảng giá vận chuyển cho Khách quen, khách lẻ hoặc giá theo khu vực.

Bảng giá vận chuyển - Sửa phiếu

Trước Sau Thêm Hoàn Xóa Sửa Cập nhật Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Loại phiếu: GVC

Thông tin chung

Mã bảng giá: GVC Bảng thừa kế: Chọn

Tên bảng giá: Bảng giá vận chuyển

Hiệu lực từ: 15/12/2017 12:00:00 AM Đến hết ngày: 15/12/2018 12:00:00 AM

Ghi chú:

Chứng từ

Số phiếu: GV0001/12

Ngày lập phiếu: 15/12/2017

☒ Sử dụng ☐ Không hiển thị

Chi tiết

Mã T.T: VND 1 Lấy thông tin tuyến đường

1. Cước vận chuyển, lương chuyên, chi phí ... 2. Đối tượng áp giá

Nơi lấy	Nơi giao	Cước Cont 20 Cty	Cước Cont 40 Cty	Cước Cont 20 Nxe	Cước Cont 40 Nxe	Cước Cont lạnh 20 Cty	Cước Cont lạnh 40 Cty	Cước Cont
Cát Lái	Long An	0	0	0	0			
Phủ Thành	Bình Phước	0	0	0	0			
Bến cảng tổng hợp C...	Bến cảng cá H...	0	0	0	0			
Bến cảng tổng hợp C...	Bến cảng Đầm...	0	0	0	0			
Bến cảng Vật Cách	Bến cảng đón...	0	0	0	0			
Bến cảng Vật Cách	Bến cảng Bến ...	0	0	0	0			
Bến cảng Đoạn Xá	Bến cảng Cont...	0	0	0	0			
Sài Gòn	Bình Phước	1,000,000	1,500,000	900,000	1,300,000			
Sài Gòn	Bến cảng xăn...	0	0	0	0			
						0	0	0

Số dòng: 11

Lưu ý: Các trường khoanh màu đỏ là cột hệ số được nhân với Cước tùy theo công ty hoặc nhà xe và bắt buộc phải nhập. Mặc định là 1. Hình dưới

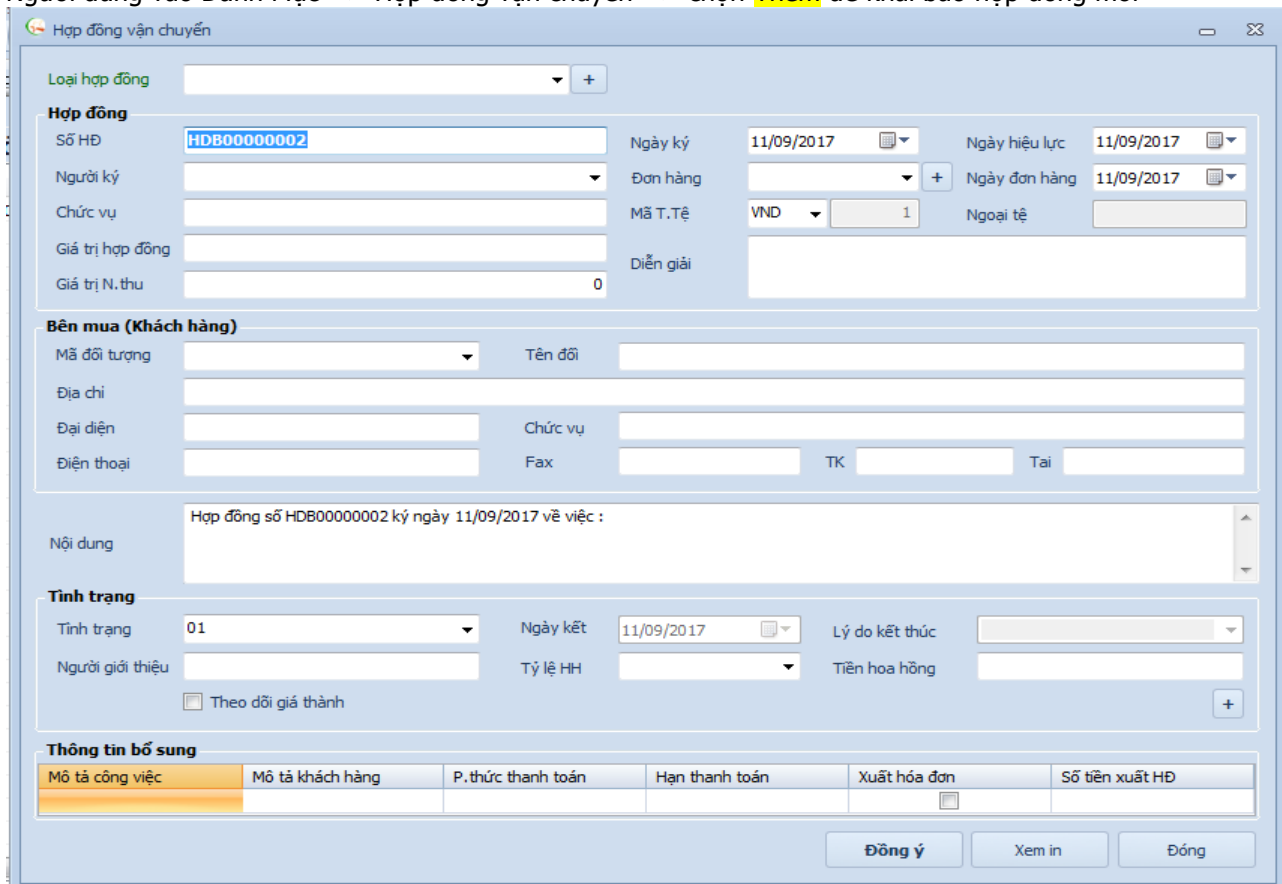
Hàng 1 loại	Hàng kèm	Hàng ghép	Không tải
1	1.1	1	0.4
1	1.1	1	0.4
1	1.1	1	0.4
1	1.1	1	0.4
1	1.1	1	0.4
1	1.1	1	0.4
1	1.1	1	0.4
1	1.1	1	0.4
1	1.1	1	0.4

Để thuận tiện cho NSD chương trình có chức năng “Lấy thông tin tuyến đường” khi lập bảng giá. Bạn lập chức năng này khi lập mới bảng giá hoặc sửa, để không phải mất thời gian chọn nơi nhận, nơi giao và một số thông tin. NSD có thể thực hiện chức năng này và chương trình sẽ tự động thêm các thông tin từ Tuyến đường vào chi tiết bảng giá. Trường hợp đã lập bảng giá rồi muốn bổ sung tuyến đường

vào bảng giá chương trình sẽ chỉ lấy những tuyến đường nào chưa có trong chi tiết bảng giá. NSD sau khi thực hiện xong chỉnh sửa lại thông tin và Lưu lại

12. Danh mục Hợp đồng vận chuyển

Người dùng vào Danh Mục => Hợp đồng vận chuyển => chọn **Thêm** để khai báo hợp đồng mới



Hợp đồng vận chuyển

Loại hợp đồng: [Dropdown] +

Hợp đồng

Số HĐ: **HDB00000002** Ngày ký: 11/09/2017 Ngày hiệu lực: 11/09/2017

Người ký: [Dropdown] Đơn hàng: [Dropdown] + Ngày đơn hàng: 11/09/2017

Chức vụ: [Dropdown] Mã T.Tệ: VND 1 Ngoại tệ: [Dropdown]

Giá trị hợp đồng: [Dropdown] Diễn giải: [Text Area]

Giá trị N.thu: [Dropdown] 0

Bên mua (Khách hàng)

Mã đối tượng: [Dropdown] Tên đối: [Text Field]

Địa chỉ: [Text Field]

Đại diện: [Text Field] Chức vụ: [Text Field]

Điện thoại: [Text Field] Fax: [Text Field] TK: [Text Field] Tai: [Text Field]

Nội dung

Hợp đồng số HDB000000002 ký ngày 11/09/2017 về việc : [Text Area]

Tình trạng

Tình trạng: 01 Ngày kết: 11/09/2017 Lý do kết thúc: [Dropdown]

Người giới thiệu: [Text Field] Tỷ lệ HH: [Dropdown] Tiền hoa hồng: [Text Field]

☐ Theo dõi giá thành +

Thông tin bổ sung

Mô tả công việc	Mô tả khách hàng	P.thức thanh toán	Hạn thanh toán	Xuất hóa đơn	Số tiền xuất HĐ

Đồng ý Xem in Đóng

13. Danh mục chung

Vào Danh Mục => Danh mục khác => Phương thức vận chuyển:

- Khai báo đơn giá đầu
- Đơn giá xăng
- Phần trăm lương tài xế
- Phần trăm lương phụ xe
- Số ngày cảnh báo bảo hiểm hết hạn.

Thêm Xóa Sửa Cập nhật Xem in Refresh Thoát

Phương thức vận chuyển

Tên phương thức	Giá trị
Đơn giá đầu	22000
Đơn giá xăng	22000
Phần trăm lương phụ xe	15
Phần trăm lương tài xế	10
Số ngày cảnh báo bảo hiểm hết hạn	7

14. Danh mục khác

Các danh mục khác người dùng tự khai báo thêm.

II. CHỨNG TỪ PHÁT SINH

1. Phòng kinh doanh

Báo giá vận chuyển

Báo giá vận chuyển - Thêm mới

Trước Sau Thêm Hoàn Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Loại phiếu VBG

Thông tin chung

Mã đối tượng: CTYLOGI + Công ty CP TMDV Logi Việt Nam

Địa chỉ: Quận Tân Bình, Tp. HCM, VN

Mã số thuế: Người giao dịch:

PTTT: TM Tài khoản NH:

Diễn giải: Báo giá vận chuyển có hiệu lực trong 07 ngày kể từ ngày lập

Chứng từ

Số phiếu: GV0001/12

Ngày lập phiếu: 20/12/2017

Mã bảng giá: Thuế GTGT (%): Tỷ lệ CK: Mã nhân viên:

BGVC: 0

Chi tiết

Mã T.T: VND 1

1. Tuyến đường 2. Chi phí

Tuyến đường	Nơi lấy	Nơi giao	Loại tải	Loại cont	Mã HHDV	Số lượng	Trọng lượng	ĐVT	Đơn giá VC	Thành tiền VC
I Sài Gòn - Bình Phước	Sài Gòn	Bình Phước	Hàng Container	40	Cao su	1.00	14.00	tấn	1,500,000	1,500,000

Số dòng: 0

Tiền hàng: 0 Tiền CK: 0 Tiền thuế VAT: 0 Thanh toán: 0

Giải thích :



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Sau khi lập bảng giá vận chuyển. Khi lập đơn hàng bán, báo giá, lệnh điều xe NSD chọn tuân thủ theo từng bước chương trình sẽ tự động hiển thị đơn giá vận chuyển theo từng tuyến đường và từng loại tải.

Sau khi báo giá thành công người dùng vào phân hệ Vận tải => Đơn hàng vận chuyển. Nhấn Thêm chứng từ mới và chọn Mã đối tượng, chọn xong chương trình sẽ hiển thị các báo giá đã lập cho đối tượng này và chọn bảng giá cần lập đơn hàng như hình dưới.

Đơn hàng vận chuyển

Đơn hàng vận chuyển - Thêm mới

Loại phiếu: VDH

Thông tin chung

Mã đối tượng: CTYLOGI + Công ty CP TMDV Logi Việt Nam

Địa chỉ: Quận Tân Bình, Tp. HCM, VN

Mã số thuế:

PTTT: TM

Điện giải: Báo giá vận chuyển có hiệu lực trong 07 ngày kể từ ngày lập

Chọn bảng báo giá

Chứng từ

Số phiếu: DV0001/12

Ngày lập phiếu: 20/12/2017

Mã nhân viên	Nợ cũ	Mã bảng giá	Bảng báo giá	Mã hợp đồng	Số ngày nợ	Hạn trả	Tình trạng ĐH
	0		GV0001/12		0	20/12/2017	Chưa thực hiện

Chi tiết

Mã T.T: VND 1

Tuyến đường	Nơi lấy	Nơi giao	Loại tải	Loại cont	Mã HHDV	Số lượng	Trọng lượng	ĐVT	Đơn giá VC	Thành
I Sài Gòn - Bình Phước	Sài Gòn	Bình Phước	Hàng Container	40	Cao su	1.00	14.00	tấn	1,500,000	
*					Chọn mã hàng ...	0	0		0	

Số dòng: 0

Tiền hàng: 1,500,000 | Tiền CK: 0 | Tiền thuế VAT: 0 | Thanh toán: 1,500,000

Sau khi chọn bảng báo giá chương trình sẽ lấy tất cả nội dung từ Bảng báo giá qua đơn hàng nhằm giảm thao tác nhập liệu và kế thừa được dữ liệu.

2. Phòng chứng từ

Nhiệm vụ : Khai báo thông tin lô hàng nhập/xuất, booking, các vận đơn, tờ khai,....

Ghi chú : Sẽ hướng dẫn người dùng cụ thể phân hệ Hải quan (Logistics) sau.

Thông tin vận đơn - Xem sửa

Thông tin vận đơn House Bill [Xuất khẩu]

Loại vận đơn: HBL Số lô (VID): LH0004/08 Vận đơn Master: Chọn

Thông tin chung

Số vận đơn: BK17081501 PT thanh toán: Chọn Số tờ khai: Chọn

Ngày lập: 31/08/2017 Loại tiền: VND Tỷ giá: 0.00 Loại xử lý: FL04

Địa điểm nhận: Bến cảng Mũi Chùa Cước vận chuyển: 0 Loại vận chuyển: Chọn

Địa điểm giao: Bến cảng Than Cẩm Phả Nhân viên KD: Chọn Trạng thái: OPEN

Đổi tương: Đại lý hải quan Hàng hóa Container Phương tiện Vị trí Hợp đồng/hóa đơn Vận đơn gốc Thông tin khác Quyết toán Chứng từ, file đính kèm

Chủ phương tiện: Công ty TNHH Cẩm Hùng Ngày khởi hành: 16/08/2017

Loại PTVT: Tàu ... Ngày đến: 20/08/2017

Tên tàu: Ngày đóng/lấy: 25/08/2017

Số hiệu PTVT: Ngày giao/hạ: 25/08/2017

Số hiệu chuyển: aaa Ngày cắt máng: 30/08/2017

Hãng tàu: Chọn Giờ cắt máng: 12:00 AM

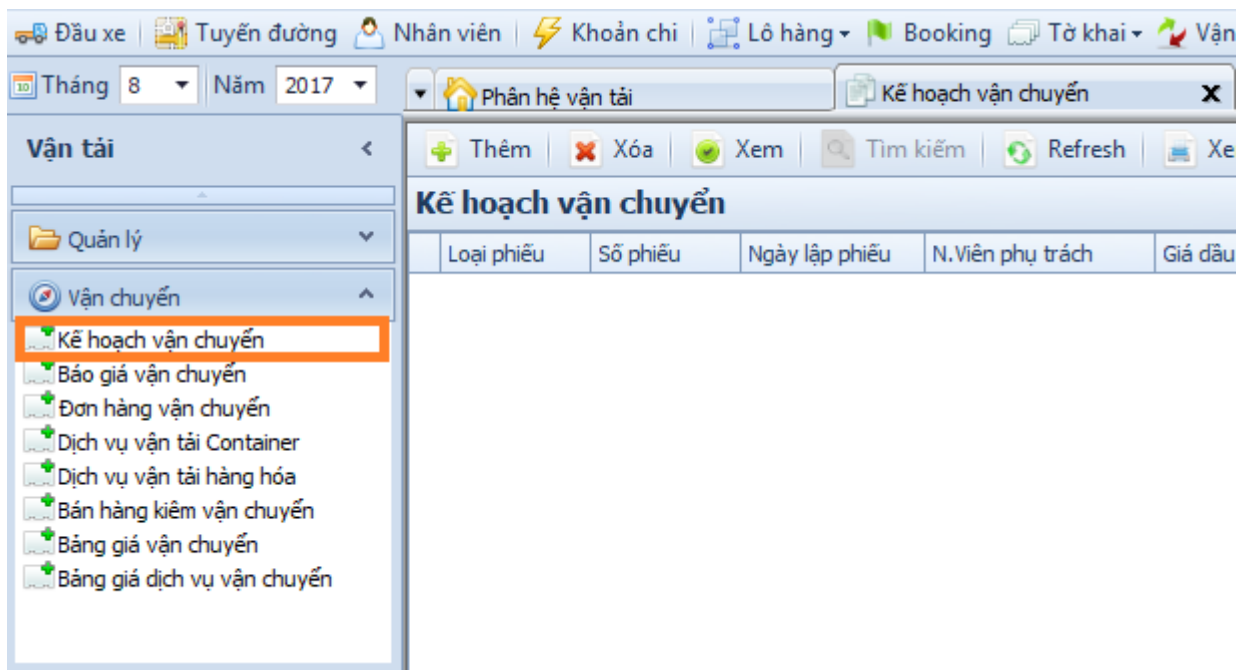
Nhân bản Lập hóa đơn dịch vụ Cập nhật Cập nhật & Thêm Xem in Đóng

3. Phòng kế hoạch

Nhiệm vụ : Lập kế hoạch điều xe lấy Cont, chờ hàng theo số liệu của phòng chứng từ.

Chương trình hỗ trợ việc lên kế hoạch vận chuyển theo chứng từ nhập xuất của phòng Xuất nhập khẩu. Sau khi đã tạo các Lô hàng nhập/xuất và tạo các vận đơn cho Lô hàng người lập kế hoạch sẽ kế thừa số liệu này và lập kế hoạch tại phân hệ Vận tải .

Thao tác : Phân hệ Vận tải => Kế hoạch vận chuyển/Phương án vận chuyển. Hình dưới



Hàng ngày người lên kế hoạch vận chuyển sẽ lập một hoặc nhiều bảng kế hoạch cho tất cả chủ hàng hoặc từng chủ hàng riêng biệt bằng cách thêm phiếu kế hoạch. Nhấn “Thêm” chương trình xuất hiện phiếu kế hoạch như hình dưới.

The screenshot shows the 'Kế hoạch vận chuyển' (Transport Plan) form. The form includes sections for 'Thông tin chung' (General Information) and 'Chi tiết' (Details). The 'Thông tin chung' section has fields for Chủ hàng, Người phụ trách, Ngày nộp PTCKT, Đơn giá đầu, and Ngày nộp PVC. The 'Chi tiết' section is a table with columns: Ngày tiếp nhận, Mã đối tượng, Tên đối tượng, Mã HHĐV, Tên hàng hóa dịch vụ, and Số Book/Bill. A button 'Lấy số liệu từ chứng từ' is highlighted in the top right corner.

Người dùng chọn chủ hàng, người phụ trách, Đơn giá đầu, ... sau đó nhập chi tiết hoặc lấy số liệu tự động bằng cách Click “Lấy số liệu từ chứng từ” chương trình chỉ xuất hiện những số liệu chưa được lập trước đó và xuất hiện bảng hình dưới.

Chọn kế hoạch vận chuyển từ dữ liệu chứng từ

Chủ hàng << Tất cả >> Từ ngày 31/08/2017 Đến ngày 31/08/2017 Lập số liệu

Chọn	Ngày nhận thông tin	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Tên hàng	Số Book/Bill	Loại cont	Loại NX	Ngày đóng/lấy	Ngày cắt máng
☒	31/08/2017	CTMANHHUNG	Công ty CP Thiết Bị Điện Mạnh Hùng		BK17081501	40	XX	31/08/2017	16/08/2017
☒	31/08/2017	CTMANHHUNG	Công ty CP Thiết Bị Điện Mạnh Hùng		BK17081501	40	XX	31/08/2017	16/08/2017

2

3 Chọn Hủy bỏ

Sau khi lập theo các bước ở hình trên chương trình tự động lập chi tiết kế hoạch như hình dưới.

Kế hoạch vận chuyển

Thông tin chung

Chủ hàng: Tất cả chủ hàng

Người phụ trách: QUOCANH

Ngày nộp PTCKT: 06/09/2017

Đơn giá đầu: 22,000

Ngày nộp PVC: 06/09/2017

Chứng từ

Số kế hoạch: KH0001/08

Ngày lập: 31/08/2017

Chi tiết

Ngày tiếp nhận	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Mã HHDV	Tên hàng hóa dịch vụ	Số Book/Bill
31/08/2017	CTMANHHUNG	Công ty CP Thiết Bị Điện Mạnh Hùng	NONE		BK17081501
31/08/2017	CTMANHHUNG	Công ty CP Thiết Bị Điện Mạnh Hùng	NONE		BK17081501
*	Chọn (*)				

Lưu Lưu & Thêm Xem in Đóng

Nhấn Lưu để hoàn tất việc lập phiếu kế hoạch. Trường hợp muốn chuyển phiếu kế hoạch này cho phòng Điều vận người dùng chọn ngày tại "Ngày nộp PVC" khoanh đỏ hình trên để phòng điều vận kế thừa số liệu của chứng từ kế hoạch này.

Ghi chú : Đơn giá đầu được thiết lập mặc định trong Danh mục => Danh mục khác => Phương thức vận chuyển. Hình dưới.

Phương thức vận chuyển		
- Phương thức thanh toán Phương thức vận chuyển - Danh mục thuế	Tên phương thức	Giá trị
	Đơn giá đầu	22000
	Đơn giá xăng	22000
	Phần trăm lương tài xế	10
	Số ngày cảnh báo bảo hiểm hết hạn	7
	*	

4. Phòng điều vận

Nhiệm vụ : Điều xe, tài xế lấy Cont, giao hàng, trả rỗng, lên các chi phí theo tạm ứng theo tuyến đường, vv...

Phòng điều vận có 2 cách để Lập lệnh điều xe.

- ✓ Lập lệnh điều xe thông thường

Lệnh điều xe

Vị trí : Danh mục => Lệnh điều xe

Lệnh điều xe - Thêm mới

Chứng từ

Số phiếu : DX0004/05 Ngày LP : 16/05/2015 Ngày nhận lệnh : 16/05/2015 12:00 AM

Diễn giải :

Thông tin chung

Chủ hàng : Công ty CP TMDV Logi Việt Nam Số lô hàng : Đơn hàng : Chọn

N.viên điều xe : Lê Quốc Anh Xe ngoài : ☐

Tài xế : Nguyễn Hữu Thọ Số xe : 34C18523 Số moóc : WL9400TJZP

Phụ xe : Ngày đi : 16/05/2015 Ngày về : 16/05/2015

Loại NX : Nhập tròn tua Loại hàng : Hàng Container Đi ngày thứ : Thứ bảy

Bảng giá VC : NONE Tổng cước VC : 1,500,000 Tài xế tạm ứng : 0

Yêu cầu công ty : Số phiếu đầu : Chọn Đơn giá đầu : 22,000

Tổng ĐM đầu : 60 Tổng đầu t. t. : 60

Chi tiết

	Loại cont	Số Cont	Số Seal	Số Book/Bill	Tuyến đường	Nơi lấy	Ngày lấy	Nơi giao
I	40	SUDU3070079			Sài Gòn - Bình Phước	Sài Gòn	25/12/2017 12:00 AM	Bình Phước
*								

Nhấn bản Doanh thu/chi phí Đã nhận lệnh Lưu Lưu & Thêm Xem in Đóng

Lệnh điều xe được lập khi có một đơn hàng cần được vận chuyển. NSD lập lệnh điều xe.

Giải thích

- Số phiếu : Là số lệnh điều xe (Chương trình tự động nhảy số, NSD có thể tự sửa lại tùy ý)



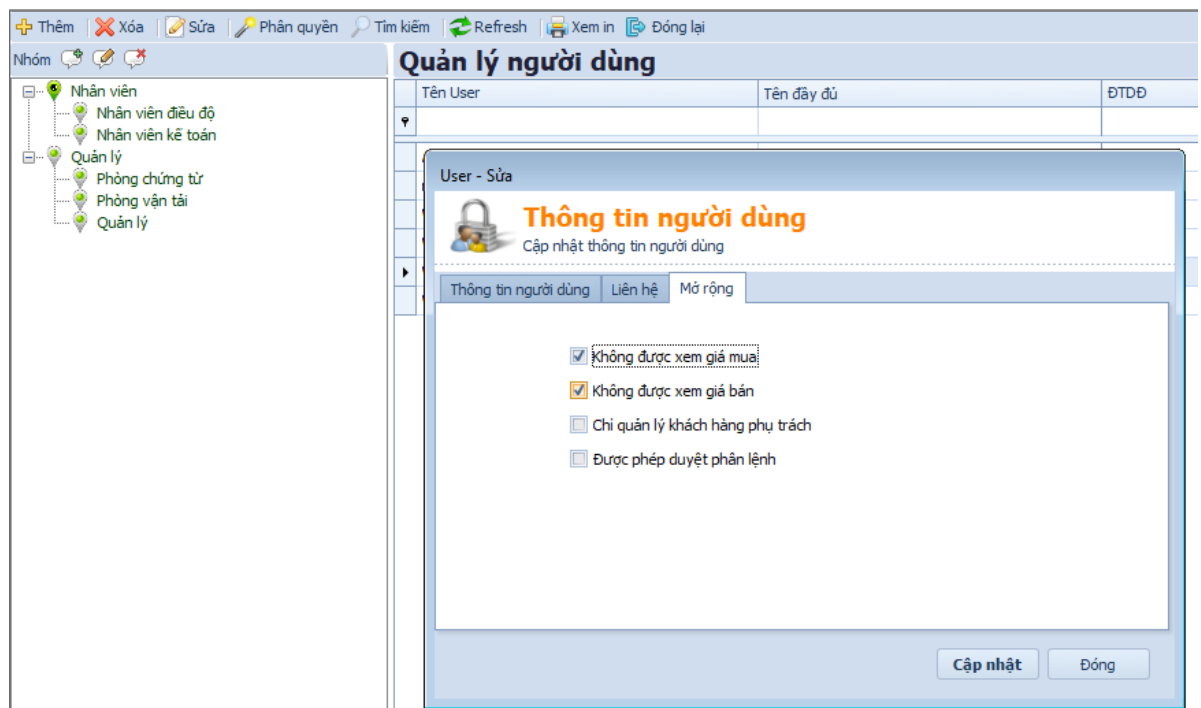
CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

- Ngày LP : Là ngày lập lệnh
- Số Lô hàng : Là số lô hàng viết tắt được lập từ số Booking (đối với hàng xuất) và Bill of lading (đối với hàng nhập) . Nếu quản lý theo lô bắt buộc phải chọn mục này.
- Đơn hàng : Là số đơn hàng cần thực hiện. Bạn nên lập quy trình làm việc có đơn hàng để quản lý tiến độ hoàn thành của đơn hàng. Nếu NSD chọn đơn hàng khi đang lập mới lệnh điều xe chương trình sẽ tự động lấy thông tin từ chi tiết đơn hàng sang chi tiết lệnh điều xe. Để tránh sai sót NSD khi lập mới lệnh điều xe và chọn đơn hàng nên nhập các thông tin trước như : Xe ngoài (nếu có), Tài xế, Số xe sau đó mới chọn đơn hàng để chương trình tự động tính giá cước cho xe công ty, xe ngoài, đầu định mức, tiền đi đường, vv....Đối với chi tiết lệnh điều xe được lập từ đơn hàng NSD phải kiểm tra lại chi tiết. Xác nhận lại thông tin bằng cách chọn lại cột "Loại tải", số lượng nhận, giao, vv...
- Nhân viên điều xe : Là người điều tài xế, xe cho chúng từ này.
- Tài xế : Là người trực tiếp sử dụng xe đã được lập thông tin trong danh mục Nhân viên và có tick chọn "Là lái xe".
- Xe ngoài : Nếu chọn xe ngoài mục Tài xế có thể chọn là Nhà xe (khách hàng) hoặc nhập mã NONE và chương trình sẽ hiển thị ô Nhà xe để chọn. Bạn phải chọn nhà xe để chương trình tính lương vận chuyển cho nhà xe và công nợ với nhà xe. Tại chi tiết sẽ hiển thị thêm các cột : Đơn giá nhà xe, Thành tiền nhà xe
- Bảng giá VC : Nếu chọn bảng giá vận chuyển chương trình sẽ lấy đơn giá cước xe công ty, xe ngoài, lương chuyển, Tiền đường theo cung đường đã lập. Ngược lại chương trình sẽ lấy thông tin cước, chi phí từ Đầu xe.

Ghi chú : Nhân viên lập Lệnh điều xe không được xem bảng giá vận chuyển cũng như hiển thị các cột Cước vận chuyển, Lương tài xế trong trường hợp phân quyền cho nhân viên Điều lệnh không được xem giá tại menu **Hệ thống => Quản lý người dùng**. Nhấn double click vào tài khoản người dùng sau đó click sang Tab **Mở rộng**. Hình dưới.



Khi thực hiện chức năng này tại Lệnh Điều xe người dùng sẽ không chọn được bảng giá, các cột Cước vận chuyển, Lương tài xế không hiển thị.

- Chủ hàng : Là khách hàng thuê vận chuyển. Bắt buộc phải nhập để chương trình ghi nhận chi phí, công nợ.
- Tuyến đường : Chọn tuyến đường đã được lập từ danh mục Tuyến đường. NSD chọn Tuyến đường chương trình tự động nhập thông tin <<Nơi lấy>>, <<Nơi giao>> và tự động tính định mức dầu. Trường hợp người sử dụng không chọn Tuyến đường mà chọn <<Nơi lấy>>, <<Nơi giao>> chương trình sẽ kiểm tra Danh mục tuyến đường nếu có sẽ tự động nhập Tuyến đường.
- Ngày giờ nhập/giao : Là ngày giờ nhận và giao hàng. Mặc định chương trình sẽ lấy theo ngày đi của lệnh điều xe.
- Loại tải : Đây là trường quan trọng. Khi chọn chương trình sẽ xuống chọn như hình dưới.

Giờ giao	Loại tải	Loại cont	Số Cont
11:32 AM	Hàng kèm		

Mã số	Tên
HT01	Hàng 1 loại
HT02	Hàng kèm
HT03	Hàng ghép
HT04	Không tải
HT05	Dời Cont
HT06	Loại khác
NONE	(None)

Giải thích :

- *) Mã : HT01 - Hàng 1 loại tương đương với hàng Cont. Khi chọn mục này chương trình sẽ lấy giá, chi phí theo Cont ở mục Bảng giá.
- *) Mã : HT04 – Không tải tương đương với Xe rỗng, Cont rỗng. Khi chọn mục này chương trình sẽ tính theo giá cước chuẩn nhân với hệ số của cột Không tải trong bảng giá. Và định mức dầu được tính cột "Mức tiêu hao không tải/100Km" của Đầu xe nhân với Số Km của Tuyến đường.
- *) Mã : HT04 – Dời Cont là cột chi phí do tài xế được hưởng được lập tại cột <<Tiền dời Cont>> của bảng giá.
- Các cột còn lại là thông tin bổ sung của lệnh điều xe.

• **Ghi chú chuyển điểm:**

Lệnh điều xe

Chứng từ
 Số phiếu: L170413.02 Ngày LP: 13/04/2017
 Diễn giải:

Thông tin chung
 Chủ hàng: Công ty CP XNK Thương mại và vận tải Trường Phát
 N.viên điều xe: Nguyễn Văn Quý
 Tài xế: Nguyễn Công Đoàn
 Phụ xe:
 Loại NX: **Trung chuyển nhập** Loại hàng: Hàng kèm/rời
 Bảng giá VC: Chọn
 Yêu cầu công ty:

Số BK/BL: Đơn hàng: Chọn
☐ Xe ngoài
 Số xe: Chọn Số móc: +
 Ngày đi: 13/04/2017 Ngày về: 13/04/2017
 Đi ngày thứ:
 Tổng cước VC: 0 Tài xế tạm ứng: 0
 Số phiếu đầu: Chọn Đơn giá đầu: 5,991
 Tổng ĐM đầu: 0 Tổng đầu t.tế: 0

Chi tiết

Nơi lấy	Ngày lấy	Nơi giao	Ngày giao	Loại tải	Mã HHDV	SL nhận	SL nhận cảng	Trọng lượng	Số lượng giao	SL nhập kho	Số bao	SL chênh lệch	HH CH c
Cảng Hải Phòng	13/04/2017 0:00	Apple JV	13/04/2017 0:00	Hàng kèm/rời	CAROB	32,500.00	23,500.00	1.00	5,700.00	5,700.00	0	0.00	
		Mã số		Tên									
		ANPHAT		An Phát									
		ANT		ANT									
		ANVHP		Anovafeed HP									

Địa chỉ: Nhà máy
 Nhà máy
 KCN Vĩnh

Biên bản giao hàng

Lưu Lưu & Thêm Xem in Đóng

Hướng dẫn thao tác

Trường hợp chuyển điểm từ nơi lấy "Cảng Hải Phòng" chuyển đến "Apple JV" và giao một phần sau đó chuyển từ "Apple JV" đến "ANT" người dùng chỉ việc chọn tại cột "Nơi giao" là "ANT" chương trình sẽ tự lấy các thông tin của điểm trước đó nhập tự động xuống dưới và tính lại tồn kho cho điểm cuối. Hình dưới

Lệnh điều xe

Chứng từ
 Số phiếu: L170413.02 Ngày LP: 13/04/2017
 Diễn giải:

Thông tin chung
 Chủ hàng: Công ty CP XNK Thương mại và vận tải Trường Phát
 N.viên điều xe: Nguyễn Văn Quý
 Tài xế: Nguyễn Công Đoàn
 Phụ xe:
 Loại NX: **Trung chuyển nhập** Loại hàng: Hàng kèm/rời
 Bảng giá VC: Chọn
 Yêu cầu công ty:

Số BK/BL: Đơn hàng: Chọn
☐ Xe ngoài
 Số xe: Chọn Số móc: +
 Ngày đi: 13/04/2017 Ngày về: 13/04/2017
 Đi ngày thứ:
 Tổng cước VC: 0 Tài xế tạm ứng: 0
 Số phiếu đầu: Chọn Đơn giá đầu: 5,991
 Tổng ĐM đầu: 0 Tổng đầu t.tế: 0

Chi tiết

Nơi lấy	Ngày lấy	Nơi giao	Ngày giao	Loại tải	Mã HHDV	SL nhận	SL nhận cảng	Trọng lượng	Số lượng giao	SL nhập kho	Số bao	SL chênh lệch	HH CH c
Cảng Hải Phòng	13/04/2017 0:00	Apple JV	13/04/2017 0:00	Hàng kèm/rời	CAROB	32,500.00	23,500.00	1.00	5,700.00	5,700.00	0	0.00	
		ANT	13/04/2017 0:00	Hàng kèm/rời	CAROB	0.00	0.00	1.00	26,750.00	26,750.00	0	50.00	
						0	0	0	0	0	0	0	

Địa chỉ: Nhà máy
 Nhà máy
 KCN Vĩnh

Biên bản giao hàng

Đã nhận lệnh

Lưu Lưu & Thêm Xem in Đóng

Lưu ý : Phần mềm có 5 loại nhập xuất (Nhập tròn tua, Xuất tròn tua, Trung chuyển nhập, Trung chuyển xuất, Khác). Trường hợp có chuyển điểm người dùng vui lòng chọn "Trung chuyển nhập" hoặc "Trung chuyển xuất" theo thực tế chương trình mới tự động tính như hình trên.

Lập lệnh điều xe theo kế hoạch vận chuyển



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Thao tác : Vào phân hệ Vận tải => Điều xe.

Đối với trường hợp lập lệnh điều xe theo kế hoạch vận chuyển thường dùng cho các đơn vị có nhiều phòng ban (Phòng Logistics, phòng kế hoạch)

Lưu ý : Lệnh điều xe bắt buộc phải lập khi thực hiện chứng từ giao nhận.

The screenshot shows the 'Điều xe' (Vehicle Assignment) module in the Winta Logistics software. The interface includes a top menu bar with options like 'Thiết lập', 'Danh mục', 'Hệ thống', 'Tiện ích', and 'Trợ giúp'. Below this is a sub-menu bar with 'Điều xe' highlighted. A sidebar on the left shows a tree view of the system structure. The main area displays a table of vehicle assignments with columns for 'Loại phiếu', 'Số phiếu', 'Ngày lập phiếu', 'Chủ hàng', 'Loại NX', 'Số Book/Bill', 'Đơn hàng', 'Trạng thái', and 'Tài xế'. A button labeled 'Lập lệnh điều xe theo kế hoạch' is visible in the top right of the main area.

Ngoài chức năng lập Lệnh điều xe thông thường chương trình có thêm chức năng “Lập lệnh điều xe theo kế hoạch” đã nói ở trên.

The screenshot shows the 'Lập lệnh điều xe từ phiếu kế hoạch' (Create vehicle assignment from plan) window. The window has a title bar with a red star icon and the text 'Lập lệnh điều xe từ phiếu kế hoạch'. Below the title bar is a search bar with 'Chủ hàng' and a dropdown menu. To the right of the search bar are date pickers for 'Từ ngày' (From date) and 'Đến ngày' (To date), and a 'Lập số liệu' (Generate data) button. Below these is a table with columns: 'Số phiếu', 'Ngày lập phiếu', 'Mã đối tượng', 'Tên đối tượng', 'Mã HHDV', 'Tên hàng hóa dịch vụ', 'ĐVT', 'Lô hàng', 'Số Book/Bill', and 'Loại'. Two rows of data are visible. Below the table, there is a large orange text box with the number '2' and the text 'Chọn dòng cần lập Lệnh điều xe'. At the bottom right, there is a button labeled 'Chọn' (Select) and a button labeled 'Hủy bỏ' (Cancel).

Sau khi chọn số liệu cần lập Lệnh điều xe và nhấn “Chọn” chương trình xuất hiện như hình dưới.

Lệnh điều xe - Thêm mới

Chứng từ
 Số phiếu DX0008/08 Ngày LP 31/08/2017
 Diễn giải Lệnh điều xe từ số phiếu kế hoạch KH0001/08

Thông tin chung
 Chủ hàng Công ty CP Thiết Bị Điện Mạnh Hùng
 N.viên điều xe Lê Quốc Anh
 Tài xế Chọn
 Phụ xe
 Loại NX Xuất tròn tua Loại hàng Hàng 1 loại
 Bảng giá VC GVC
 Yêu cầu công ty
 Số lô hàng Đơn hàng Chọn
☐ Xe ngoài
 Số xe NONE
 Số moóc
 Ngày đi 31/08/2017 Ngày về 31/08/2017
 Đi ngày thứ Thứ năm
 Tổng cước VC 0
 Tài xế tạm ứng 0
 Số phiếu dầu Chọn
 Đơn giá dầu 0
 Tổng ĐM dầu 0
 Tổng dầu t.ế 0

Chi tiết

	Loại cont	Số Cont	Số Seal	Tuyến đường	Nơi lấy	Ngày lấy	Nơi giao	Ngày
▶	40	CBK12346	SBK12345					
*								

Nhấn bản Quyết toán chi phí Đã nhận lệnh Lưu Lưu & Thêm Xem in Đóng

Chương trình sẽ tự động nhập các thông tin. Những thông tin khoanh đỏ chưa có số liệu người dùng vui lòng nhập lại và nhấn "Lưu" để hoàn tất.

Phiếu Dầu : Chương trình tự tạo phiếu dầu một cách hoàn chỉnh và tự động. Số lượng, đơn giá dầu của phiếu mua dầu lấy từ lệnh điều xe thông qua định mức dầu và đơn giá dầu.

Mua nhiên liệu - Thêm mới

Trước Sau Thêm Hoãn Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Mua nhiên liệu Loại phiếu DNK

Thông tin chung

Mã đối tượng: CTYLOGI + Công ty CP TMDV Logi Việt Nam

Địa chỉ: Quận Tân Bình, Tp. HCM, VN

Người giao:

Diễn giải: Mua dầu nhập kho

Chứng từ

Số CT: XD0001/05

Ngày CT: 15/05/2015

Thông tin khác

Nhiệm vụ	Cây xăng	Ngày đổ	Số xe	Mã kho	Tải xế	Lệnh điều xe	Ngày đi
	Cây xăng Phương Thiện	15/05/2015	34C01490	KNLCT	QUOCANH		

Người dùng nhấn "Lưu" để hoàn tất lập phiếu dầu và In phiếu (nếu cần)

5. Phòng kế toán

Ghi chú : Đối với người sử dụng phân hệ này có thể tại file hướng dẫn sử dụng kế toán tại website : www.winta.com.vn mục sản phẩm **Phần mềm kế toán** để tải về và xem hướng dẫn chi tiết.

Nhập số dư ban đầu

a. Số dư ban đầu Tài khoản

Menu Hệ thống > Nhập số dư ban đầu => Số dư tài khoản

Thêm Xóa Xem Tìm kiếm Refresh Xem in Tiện ích Thoát

Số dư ban đầu tài khoản

Loại phiếu	Số phiếu	Ngày lập phiếu	Diễn giải	User thêm	Ngày giờ thêm	User sửa	Ngày giờ sửa
------------	----------	----------------	-----------	-----------	---------------	----------	--------------

Việc tạo sổ dư ban đầu cho tài khoản cũng giống như việc tạo phiếu, bạn có thể tách cách loại tài khoản riêng ra từng phiếu hoặc tất cả chung trên một phiếu đều được.

Khi ra màn hình như trên người dùng Click vào nút **Thêm** để tạo sổ dư như hình bên dưới.

Để khỏi phải mất thời gian nhập lại số tài khoản bạn nhấn vào nút "Khởi tạo" để chương trình đưa tự động thêm vào các tài khoản mà bạn cần lập từ danh mục tài khoản sau đó bạn nhập số tiền vào. Mặc định như hình dưới

Cách thực hiện : Nếu tài khoản thuộc bên Nợ hoặc bên có ta nhập mã tài khoản đó, tài khoản bên còn lại ta chọn NONE và nhập số tiền dư. Sau đó nhấn nút Lưu nếu là thêm mới, trường hợp một số tài khoản không có sổ dư ban đầu nhấn vào nút "Lọc dữ liệu" sau khi đã Lưu.

b. Sổ dư ban đầu Tôn kho

Hệ thống > Sổ dư vật tư, hàng hóa

Vào menu Hệ thống => Nhập sổ dư ban đầu => Sổ dư vật tư, hàng hóa

Nhấn **Thêm** trên thanh công cụ của danh sách chứng từ sổ dư để lập sổ dư ban đầu.

Ghi chú : Người dùng có thể lập một chứng từ sổ dư ban đầu cho toàn bộ vật tư hàng hóa trong đó có xăng dầu hoặc tạo chứng từ sổ dư theo từng loại/nhóm hàng.

Tồn kho ban đầu - Thêm mới

Trước Sau Thêm Hoàn Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Tồn kho ban đầu Loại phiếu TNK

Diễn giải
Diễn giải: Số dư vật tư hàng hóa nhiên liệu đến cuối ngày 30/04/2015

Chứng từ
Số CT: TK0001/12
Ngày CT: 30/04/2015

Thông tin khác

Kho nhập	Mã NV nhập	Mã hợp đồng	Chứng từ LH	Ngày liên hệ
NONE	QUOCANH			

Chi tiết Nhóm hàng: Mã tiền tệ: VND 1 Khởi tạo X Lọc dữ liệu

1. Hàng hóa	2. Hạch toán	3. Hóa đơn GTGT	Mã HH/DV	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Đ.giá ntệ	Ngoại tệ	Ngoại tệ gó
			DO	Dầu DO	Lít	3,000.00	15,500	46,500,000	0	0.00	
			LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont		25.00	2,500,000	62,500,000	0	0.00	
			NHOT	Nhớt	Lít	165.00	95,000	15,675,000	0	0.00	
			* Chọn mã hàng ở đây			0	0	0	0	0	

Số dòng: 3 Tiền hàng 124,675,000

Nếu đây là phiếu mới bạn chọn ngày tồn kho ban đầu, ghi nội dung diễn giải sau đó nhấn nút "Khởi tạo" để chương trình tự động đưa danh mục vật tư hàng hóa vào để bạn không mất nhiều thời gian nhập lại. Trường hợp bạn đã lập rồi bạn nhấn nút "Khởi tạo" thì lúc này chương trình chỉ đưa những mã Vật tư, hàng hóa, phụ tùng, nhiên liệu còn thiếu vào. Sau đó nhập số lượng, đơn giá, Nếu nhập số dư tất cả của các kho vào một phiếu (Trường hợp quản lý nhiều kho) Người dùng chọn kho trên đầu phiếu là kho NONE, tại chi tiết phiếu bạn chọn Mã kho là kho mà mặt hàng đó còn tồn. Sau đó Lưu phiếu để kết thúc quá trình khai báo tồn kho.

Nhập số dư xong nhấn **Lưu** để hoàn tất. Lập số dư tương tự đối với loại công nợ khác.

Nhấn nút **Lọc dữ liệu** để xóa những mã không có giá trị.

c. Số dư ban đầu Công nợ

Hệ thống > Nhập số dư ban đầu => Số dư Công nợ

Đối với loại số dư ban đầu Công nợ bạn có thể lập 2 hoặc 3 bảng số dư (Số dư công nợ phải thu, phải trả, công nợ khác)

Số dư ban đầu công nợ

Loại phiếu: DCN

Diễn giải

Số dư ban đầu công nợ tới ngày 30/04/2015

Chứng từ

Số phiếu: CN0001/04

Đur tới ngày: 30/04/2015

Chi tiết

Loại công nợ: 1311

Mã tiền tệ: VND

Khởi tạo

Lọc dữ liệu

TK nợ	TK có	Số tiền	Mã T.Tệ	Tỷ giá	Ngoại tệ	Diễn giải	Mã KH nợ	Mã KH có	
1311	NONE	25,000,000	VND	1.00	0.00	Số dư ban đầu công nợ tới ngày 30/04/2015	ANHDUNG	NONE	
1311	NONE	12,000,000	VND	1.00	0.00	Số dư ban đầu công nợ tới ngày 30/04/2015	CTCAMHUNG	NONE	
1311	NONE	9,700,000	VND	1.00	0.00	Số dư ban đầu công nợ tới ngày 30/04/2015	CTMANHUNG	NONE	
1311	NONE	86,000,000	VND	1.00	0.00	Số dư ban đầu công nợ tới ngày 30/04/2015	CTMINHLONG	NONE	
1311	NONE	33,200,000	VND	1.00	0.00	Số dư ban đầu công nợ tới ngày 30/04/2015	CTPHUXUAN	NONE	
1311	NONE	145,000,000	VND	1.00	0.00	Số dư ban đầu công nợ tới ngày 30/04/2015	CTYLOGI	NONE	
I	NONE	1311	34,000,000	VND	1.00	0.00	Số dư ban đầu công nợ tới ngày 30/04/2015	NONE	CTYMASAN
1311	NONE	0	VND	1.00	0.00	Số dư ban đầu công nợ tới ngày 30/04/2015	CTYMICRO	NONE	
1311	NONE	0	VND	1.00	0.00	Số dư ban đầu công nợ tới ngày 30/04/2015	CTYWINTA	NONE	
1311	NONE	0	VND	1.00	0.00	Số dư ban đầu công nợ tới ngày 30/04/2015	HUUTHO	NONE	

Số dòng: 15

Số tiền: 344,900,000

Cách thực hiện : Khi lập phiếu người dùng có thể tách ra từng loại Công nợ sau đó nhấn **Khởi tạo** để chương trình tự động lấy danh sách khách hàng từ danh mục Khách hàng/nhà cung cấp. Tại dòng chi tiết Nếu tài khoản thuộc bên Nợ ta chọn tài khoản bên Nợ, bên có để NONE và ngược lại sau đó chọn Nhập số tiền Dư nợ, Cột Mã KH Nợ, Mã KH Có ta chọn mã khách hàng tương ứng với Tài khoản Nợ/Có (Nếu tài khoản nằm bên nợ thì mã Khách hàng cũng nằm bên nợ và ngược lại).

Nhập số dư xong nhấn **Lưu** để hoàn tất. Lập số dư tương tự đối với loại công nợ khác. Nhấn nút **Lọc dữ liệu** để xóa những mã không có giá trị.

Nghệp vụ phát sinh hàng ngày

Phiếu thu/ chi tiền mặt/tiền gửi

Phiếu thu tiền mặt

Từ giao diện chính chương trình người dùng vào phân hệ thu chi → phiếu thu tiền mặt.

Phiếu thu tiền mặt - Sửa phiếu

Loại phiếu: TTM

Thông tin chung

Mã đối tượng: CTPHUXUAN + Công ty TNHH TM DV Phú Xuân

Địa chỉ: Sài Gòn

Người nộp tiền:

Mã hợp đồng: N. Viên thu: Lê Quốc Anh +

Diễn giải: Thu tiền khách hàng

Chứng từ

Số phiếu: PT0002/05/17

Ngày lập phiếu: 11/05/2017 12:00...

Chứng từ LH:

Ngày liên hệ: 11/05/2017

Chi tiết

1. Nghiệp vụ	2. Theo hóa đơn	Số tiền	Số xe	Diễn giải	Mã hợp đồng
ThukH		15,000,000	47C_77777	Thu tiền khách hàng	

Số dòng: 1

Số tiền: 15,000,000

- Mã đối tượng: Người dùng nhập vào đối tượng cần thực hiện thu tiền, tên đối tượng và địa chỉ được lấy dựa vào mã đối tượng.
- Người nộp tiền: Người dùng nhập thông tin người nộp tiền.
- Mã hợp đồng: Click chọn mã hợp đồng nếu các nghiệp vụ có liên quan đến hợp đồng.
- Nhân viên thu tiền: Click chọn nhân viên thu tiền.
- Số phiếu, ngày lập phiếu, ngày liên hệ: chương trình nhảy tự động và lấy ngày hiện tại của hệ thống và cho phép người dùng chỉnh sửa.

Phần chi tiết:

- Nghiệp vụ: Người dùng click chọn nghiệp vụ phù hợp cho từng loại phiếu thu.
- Số tiền: Nhập số tiền thực thu.
- Số xe: Click chọn đúng số xe cho các nghiệp vụ thu tiền có liên quan đến phương tiện.

Thực hiện tương tự cho phiếu thu tiền gửi:

Phiếu chi tiền mặt

Từ giao diện chính chương trình người dùng vào phân hệ thu chi → phiếu chi tiền mặt.

Phiếu chi tiền mặt - Sửa phiếu

Trước Sau Thêm Hoàn Xóa Sửa Cập nhật Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Loại phiếu CTM

Thông tin chung

Mã đối tượng: ANHDUNG + Nguyễn Anh Dũng

Địa chỉ:

Người nhận tiền:

Mã hợp đồng: N.Viên chi: Lê Quốc Anh +

Diễn giải:

Chứng từ

Số phiếu: PC0001/05

Ngày lập phiếu: 05/05/2017 12:0...

Chứng từ LH:

Ngày liên hệ: 05/05/2017

Chi tiết

1. Hạch toán 2. Thuế GTGT 3. Theo hóa đơn

Mục chi	Số tiền	Diễn giải	Số xe	Mã hợp đồng	Lấy hóa đơn
Phí bốc xếp	200,000	Chi tiền bốc xếp hàng lên tại kho	43C_07550		☐
Tiền đầu chuyển	650,000	Tiền đầu chuyển	43C_07550		☐
Vá vỏ, công an	350,000	Tiền công an	43C_07550		☐

Số dòng: 3

Số tiền: 1,200,000

Mã đối tượng: Người dùng nhập vào đối tượng cần thực hiện chi tiền, tên đối tượng và địa chỉ được lấy dựa vào mã đối tượng.

Người nhận tiền: Người dùng nhập thông tin người nộp tiền.

Mã hợp đồng: Click chọn mã hợp đồng nếu các nghiệp vụ có liên quan đến hợp đồng.

Nhân viên chi tiền: Click chọn nhân viên thu tiền.

Số phiếu, ngày lập phiếu, ngày liên hệ: chương trình nhảy tự động và lấy ngày hiện tại của hệ thống và cho phép người dùng chỉnh sửa.

Phần chi tiết:

Mục chi: Người dùng click chọn các mục chi phù hợp cho từng nghiệp vụ.

Số tiền: Nhập số tiền thực chi cho đối tượng trên.

Số xe: Click chọn đúng số xe cho các nghiệp vụ có liên quan đến các chứng từ phiếu chi.

Thực hiện tương tự cho phiếu chi tiền gửi:

Dịch vụ vận tải Container

Vị trí : Phân hệ Vận tải => Dịch vụ vận tải Container

Để thuận tiện cho người dùng phân hệ Kế toán trên phần mềm chương trình hỗ trợ lập phiếu Dịch vụ vận tải Container tự động bằng nhiều cách khác nhau.

Mục đích : Để ghi nhận doanh thu, công nợ (nếu là trả sau). Và quyết toán chi phí phát sinh đối với tài xế.

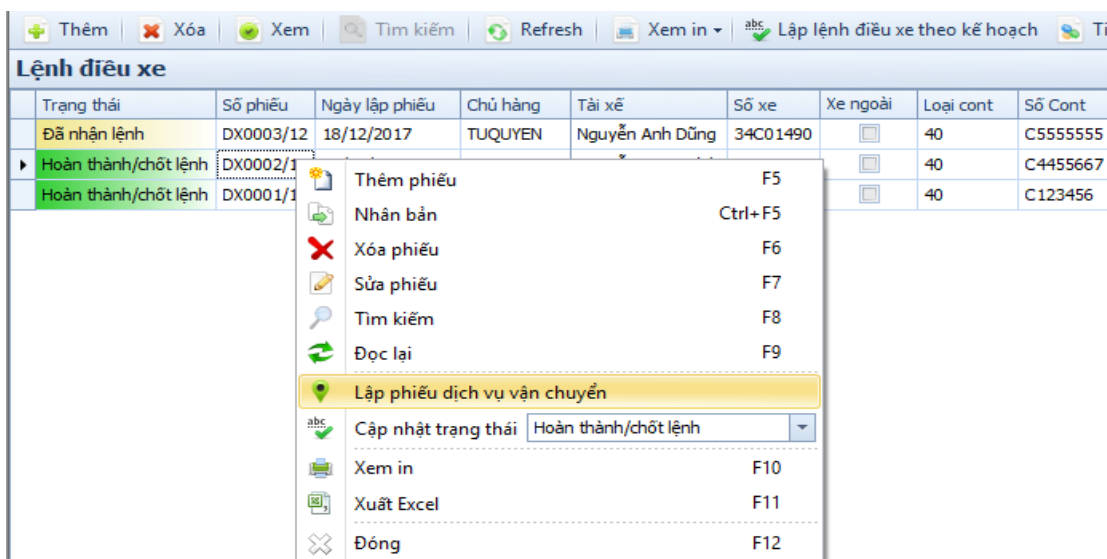


CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Lập chứng từ Dịch vụ vận tải Container tại Lệnh điều xe đối với những lệnh có trạng thái **Hoàn thành/chốt lệnh**. Click phải và chọn như hình dưới.



Sau khi chọn menu **Lập phiếu dịch vụ vận chuyển** chương trình tự động tạo chứng từ như hình dưới.

The screenshot shows the 'Dịch vụ vận tải Container - Sửa phiếu' window. The 'Chứng từ' (Document) section is active, displaying fields for 'Mẫu số HD' (Document number), 'Ký hiệu HD' (Document code), 'Số hóa đơn' (Invoice number), and 'Ngày HD' (Document date). The 'Thông tin chung' (General information) section shows fields for 'Mã đối tượng' (Object code), 'Địa chỉ' (Address), 'Mã số thuế' (Tax code), 'PTTT' (Transport type), and 'Diễn giải' (Explanation). The 'Chi tiết' (Details) section shows a table of items with columns for 'Số phiếu' (Bill number), 'Ngày lập phiếu' (Bill date), 'Diễn giải' (Explanation), 'Tài xế' (Driver), 'Số xe' (Vehicle number), 'Số chuyến' (Trip number), 'K.lượng' (Quantity), 'Đơn giá VC' (Unit price), 'Thành tiền VC' (Amount), 'Tuyến đường' (Route), 'Định mức nhiên liệu' (Fuel standard), 'Dầu thực tế' (Actual oil), 'Tạm ứng' (Advance), and 'Số đóng' (Number of bills). The 'Quyết toán' (Settlement) section shows the total amount and the amount to be paid.

Thao tác : Mã đối tượng (là chủ hàng thuê dịch vụ vận chuyển), địa chỉ, người giao dịch, mã nhân viên, và một số thông tin khác. Sau đó lập hoặc chọn “Lệnh điều xe”.

Tab Container

Mục đích : Ghi nhận số lượng các Container giao nhận với đơn giá vận chuyển. Hình dưới

Sau khi nhập thông tin xong NSD nhấn “Cập nhật” chương trình sẽ tự động hạch toán cho chứng từ trên tại Tab “Hạch toán”.

Lưu ý : Để ghi nhận hạch toán là tiền mặt hoặc cho nợ NSD chọn tại “Nghiệp vụ”. Chứng từ minh họa trên đang ghi nhận là Cho nợ. Để giảm trừ công nợ NSD lập Phiếu thu tiền mặt/tiền gửi tại phân hệ Thu chi. Chúng ta sẽ xem báo cáo công nợ ở phần dưới.

Sau khi ghi nhận chứng từ NSD lập phiếu Hạch toán chi phí. Thao tác như hình dưới.

Thao tác : Click chọn vào dòng chứng từ “Lệnh điều xe” sau đó click vào “Quyết toán” sẽ xuất hiện như hình dưới.

Quyết toán

Chứng từ
Số phiếu TH0005/06 Ngày 30/06/2015

Nhân viên
Nhân viên Nguyễn Anh Dũng Số xe 43c 07826

Lệnh điều xe
LDX00004

Mục chi	Diễn giải	Số tiền	Loại CP	Lấy hóa đơn
Hạ	Chi hộ Hạ	350,000	Khách hàng	☐
Nâng	Chi hộ Nâng	400,000	Khách hàng	☐
Lương chuyển	Lương chuyển	850,000	Công ty	☐
Tiền nhót	Tiền nhót	0	Công ty	☐
Bồi dưỡng	Bồi dưỡng	200,000	Công ty	☐
Tạm ứng	Tạm ứng	500,000	Công ty	☐
Chi phí sửa chữa	Chi phí sửa chữa	0	Công ty	☐
Phí lưu kho/bãi	Phí lưu kho/bãi	250,000	Công ty	☐
Phí lưu đêm	Phí lưu đêm	0	Công ty	☐
Lưu mooc	Lưu mooc	0	Công ty	☐
Phí bốc xếp	Phí bốc xếp	0	Công ty	☐
Đi đường	Đi đường	0	Công ty	☐

Trong đó

Nhân viên tạm ứng 500,000.00

Tổng chi phí 2,550,000.00

Khách hàng nợ 750,000.00

Tiền đầu định mức 815,000.00

Tiền đầu thực tế 798,700.00

Tiền đầu còn lại -16,300.00

Tiền còn lại 2,033,700.00

Nhân viên chi NONE

Đã quyết toán

Cập nhật
Xóa
Đóng

Thao tác : Chương trình sẽ tự động ghi nhận các giá trị như : Lương chuyển, tiền tạm ứng, các khoản chi phí còn lại NSD sẽ nhập các khoản phát sinh theo giá trị tại các dòng phí tương ứng sau đó nhấn “Lưu”

Tài sản cố định

Vị trí : Tài sản => Tài sản => Tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định

Số phiếu

TS0002/12

Ngày lập phiếu

01/12/2017

Chứng từ LH

NCC

NONE

Thông tin chung

Thông tin khấu hao

Mô tả chi tiết

Phụ kiện kèm theo

Chi tiết khấu hao

Chuyển sang DMVT

Mã tài sản

34C01490

Tên tài sản

Xe 34C01490

Nhóm TS

G13

Số hiệu

34C01490

Nước SX

Số lượng

1.00

Năm SX

0

Nơi đặt

PVC

Thời gian bảo

Điều kiện bảo

Mô tả

Phụ kiện

Tình trạng

Đang dùng

Nguồn vốn

Ghi chú

Bạn không thể sửa đổi một số thông tin của tài sản này vì đã có phát sinh ghi tăng, điều chỉnh, điều chuyển, tính khấu hao, ghi giảm, ...

Cập nhật

Đóng lại

Thao tác : Chọn NCC (là nhà cung cấp sản phẩm), ngày lập phiếu, mã tài sản, tên tài sản, số lượng (số lượng luôn là 1), số hiệu (có thể là số xe/Số mooc, tình trạng, nguồn vốn và các thông tin khác (nếu có) sau đó chọn sang tab “Thông tin khấu hao”

Tài sản cố định

Tài sản cố định

Số phiếu: TS0002/12 Ngày lập phiếu: 01/12/2017 Chứng từ LH:
 NCC: NONE

Thông tin chung Thông tin khấu hao Mô tả chi tiết Phụ kiện kèm theo Chi tiết khấu hao Chuyển sang DMVT

Ngày tháng

Ngày mua: 01/12/2017 Ngày sử dụng: 01/12/2017
 Ngày tính KH: 01/12/2017 Ngày hết KH: 30/11/2022

Tài khoản

TK nguyên giá: 2141
 TK khấu hao: 2141
 TK chi phí: 6424

Khấu hao

Nguyên giá: 1,500,000,000 Giá trị tính KH: 1,500,000,000
 Phương pháp KH: Số năm sử dụng: 5.00
 Tỷ lệ KH năm: 20.00 Tỷ lệ KH tháng: 1.67
 Giá trị KH năm: 300,000,000 Giá trị KH tháng: 25,000,000
 Hao mòn lũy kế: 0 Giá trị còn lại: 1,500,000,000

Bạn không thể sửa đổi một số thông tin của tài sản này vì đã có phát sinh ghi tăng, điều chỉnh, điều chuyển, tính khấu hao, ghi giảm, ...

Cập nhật Đóng lại

Thông tin khấu hao

Ghi nhận các thông tin về khấu hao như mẫu hình trên sau đó nhấn “Cập nhật”

Chọn thao tác Chuyển sang DMVT

chương trình sẽ tự tạo mã VT như hình dưới

Vật tư hàng hóa/dịch vụ

Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Đơn vị phụ	Quy cách
90C01471	Tài - Hyundai - 15T			

Nhóm: << Tất cả >>

- Chi phí
- Công cụ dụng cụ
- Hàng hóa
- Nhiên liệu
- Phương tiện
- Tài sản
- Vật tư

Mục đích : Dùng để kiểm kê, quản lý nhập xuất tồn

- Nếu là mua mới: Tại danh sách tài sản. Chọn tài sản sau đó click “Ghi tăng” như hình dưới.



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Chương trình tự động tạo chứng từ “Mua tài sản cố định và ghi tăng” như hình dưới

Lập khấu hao Tài sản cố định

Vị trí : Phân hệ tài sản => Tài sản => Khấu hao tài sản cố định. Hình dưới

Ghi chú : Hàng tháng NSD phải lập khấu hao một lần vào bất cứ ngày nào trong tháng. Chọn tháng cần khấu hao sau đó nhấn “Đồng ý”

Chương trình tự động lập khấu hao như hình dưới.

Mục chi	Số xe	Số tiền	Diễn giải	Mã hợp đồng
Khấu hao tài sản	90C01471	8,333,333	Khấu hao TSCĐ tháng 6/2015 - 90C01471	
*		0		

Nhấn “Lưu” để hoàn tất khấu hao.

Công cụ dụng cụ, phụ tùng

Vị trí : Phân hệ Tài sản => Công cụ dụng cụ

Tài sản <

Tài sản v

Công cụ dụng cụ ^

Công cụ dụng cụ

Phụ tùng, dụng cụ

Ghi tăng

Điều chỉnh

Xuất dùng CCDC

Ghi giảm

Phân bổ CCDC

Báo cáo

Báo cáo CCDC

Chi phí phân bổ v

Để tập hợp doanh thu chi phí, báo cáo kết quả kinh doanh theo xe người dùng phải khai báo và phân bổ chi phí cho các Công cụ, dụng cụ, phụ tùng.

Thêm Xóa Sửa Tìm kiếm Refresh Xem in Đóng lại Nhóm Công cụ dụng cụ khác Phụ tùng xe						
Phụ tùng, dụng cụ						
Mã CCDC	Tên CCDC	Nhóm CCDC	Số hiệu	Nước SX	Số lượng	
▼ Số xe: 34C01490						
LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont	GCC01			1.00	
▼ Số xe: 34C04614						
CC00000...	Máy điều hòa Cabin	GCC01			1.00	

Thêm **Thêm** trên thanh công cụ để thêm Công cụ, phụ tùng mới.

Phụ tùng, dụng cụ - Thêm mới

Công cụ dụng cụ

Số phiếu: CC0001/05 Ngày lập phiếu: 31/05/2015 Chứng từ LH:

NCC: CTYMASAN Công ty Cổ phần Masan

Thông tin chung Thông tin phân bố Chi tiết phân bố Chứng từ

Mã CCDC: CC00000001 Tên CCDC: Máy điều hòa Cabin

Nhóm CCDC: GCC01 Số hiệu: Nước SX:

Số lượng: 1.00 Năm SX: Số xe: 34C04614

Thời gian bảo:

Điều kiện bảo:

Mô tả:

Phụ kiện:

Ghi chú:

Xem in ☐ Ngừng phân bố Lưu Đóng lại

Tab Thông tin chung

Giải thích :

- Số phiếu : Chương trình tự động tăng.
- Ngày LP : Ngày lập chứng từ
- NCC : Nhà cung cấp công cụ, phụ tùng
- Mã CCDC : Mã công cụ, phụ tùng
- Tên CCDC : Tên công cụ, phụ tùng
- Số lượng : Số lượng công cụ, phụ tùng phân bố
- Số xe : Xe đã sử dụng công cụ, phụ tùng

Lưu ý : Người dùng phải chọn số xe nếu đó là phụ tùng đi theo xe cần phân bố để chương trình lập chi phí theo xe

- Các trường còn lại : Người dùng có thể nhập hoặc không nhập.

Tab Thông tin phân bố



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Phụ tùng, dụng cụ - Thêm mới

Công cụ dụng cụ

Số phiếu: CC0001/05 Ngày lập phiếu: 31/05/2015 Chứng từ LH:

NCC: CTYMASAN Công ty Cổ phần Masan

Thông tin chung Thông tin phân bổ Chi tiết phân bổ Chứng từ

Ngày tháng

Ngày mua: 31/05/2015 Ngày sử dụng: 31/05/2015

Ngày tính PB: 31/05/2015 Ngày hết SD: 30/05/2017

Tài khoản

TK nguyên giá: 153

TK phân bổ: 142

TK chi phí: 6424

Phân bổ

Giá trị: 25,000,000 Giá trị tính PB: 25,000,000

Phương thức PB: Từng tháng Số tháng PB: 24

Tỷ lệ PB/tháng: 4.17 Giá trị PB tháng: 1,041,666.67

Đã PB Đầu kỳ: 0 Giá trị còn lại: 25,000,000

Xem in ☐ Ngừng phân bổ Lưu Đóng lại

Giải thích :

- Người sử dụng nhập các thông tin ngày mua, ngày phân bổ, giá trị, số tháng, tài khoản phân bổ

Phân bổ công cụ, phụ tùng

Vị trí : Phân hệ tài sản => Công cụ dụng cụ => Phân bổ CCDC. Hình dưới

Thêm Xóa Xem Tìm kiếm Refresh Xem in Tiện ích Thoát

Phân bổ Công cụ dụng cụ

Loại phiếu	Số phiếu	Ngày lập phiếu	Diễn giải	Diễn giải 2	Nghiệp vụ	User thêm	Ngày giờ thêm	User sửa
------------	----------	----------------	-----------	-------------	-----------	-----------	---------------	----------

Kỳ tính phân bổ Công cụ, dụng cụ

Tháng Năm

*Ghi chú : Hàng tháng NSD phải lập phân bổ một lần vào bất cứ ngày nào trong tháng. Chọn tháng cần phân bổ sau đó nhấn **Đồng ý**.*

Chương trình tự động lập phân bổ như hình dưới.

Phân bổ Công cụ dụng cụ - Thêm mới

Trước Sau Thêm Hoãn Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in Xem in Đóng lại

Phân bổ Công cụ dụng cụ Loại phiếu PBCD

Thông tin chung

Diễn giải:

Chứng từ

Số phiếu:

Ngày lập phiếu:

Chi tiết Mã tiền tệ VND 1

TK nợ	TK có	Số tiền	Mã T.Tệ	Tỷ giá	Ngoại tệ	Diễn giải	Lô hàng	Số Book/Bill
▶ 6424	142	34,722	VND	1.00	0	Phân bổ CCDC tháng 5/2015 - CC00000001		
*		0		0	0			

Số dòng: 1 Số tiền 0

Kiểm tra lại kết quả sau đó nhấn **Lưu** để hoàn tất phân bổ.

Báo cáo tài sản

- Sổ tài sản cố định

Sổ tài sản cố định
 Điều kiện
 Thời gian
☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng 6
 Từ ngày 01/6/2015 ☐ Quý 2
 Đến ngày 30/6/2015 ☐ Năm 2015

Lọc theo
 Nhóm TS: NONE
 Mã tài sản: NONE

	Loại phiếu	Chứng từ tăng	Ngày tăng	Mã tài sản	Tên tài sản	Nước SX	Ngày SD	Số hiệu	Nguyên giá	Tỷ lệ KH tháng	Mức khấu hao	Khấu hao lũy kế	Chứng từ giảm	Ngày giảm	Lý do giảm
▶	GTF	TF00001/06	08/07/2015	90C01471	Tải - Hyundai - 15T		31/03/2012	90C01471	500,000,000	1.67	8,333,333	0			
	KHTS	KH0001/06	30/06/2015	90C01471	Tải - Hyundai - 15T		31/03/2012	90C01471	0	1.67	8,333,333	8,333,333			

In ra báo cáo

CTY ABC
 31 Trần Nhân Tôn - Phường 9 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh
 Điện thoại : 8390452 - 0908183666

Mẫu số S10 – DNN
 Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 6 năm 2015

Trang : 1

Loại TSCĐ : G13
Tên loại TSCĐ : Phương tiện vận tải, truyền dẫn

S T T	Ghi tăng TSCĐ							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao đã tính đến khi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
	Số hiệu	Ngày tháng						Tỷ lệ % khấu hao	Mức khấu hao		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	I	K	L
Mã TSCĐ : 90C01471													
Tên TSCĐ : Tải - Hyundai - 15T													
2	KH0001/06	30/06/2015	Tải - Hyundai - 15T		31/03/2012	90C01471		1.67	8,333,333	8,333,333			
3	TF00001/06	08/07/2015	Tải - Hyundai - 15T		31/03/2012	90C01471	500,000,000	1.67	8,333,333				
Cộng							500,000,000			8,333,333			
Tổng cộng							500,000,000			8,333,333			

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Bảng đăng ký mức trích khấu hao tài sản

CTY ABC
 31 Trần Nhân Tôn - Phường 9 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh
 Điện thoại : 8390452 - 0908183666

Mẫu số S10 – DNN
 Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 6 năm 2015

Trang : 1

Loại TSCĐ : Phương tiện vận tải, truyền dẫn

STT	Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Tình trạng TSCĐ	Ngày sử dụng	Nguyên giá TSCĐ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Số tháng còn lại	Mức khấu hao tháng
	A	B	C	D	1	2	3	4	5
Mã TSCĐ : 90C01471									
Tên TSCĐ : Tải - Hyundai - 15T									
1	90C01471	Tải - Hyundai - 15T	Đang dùng	31/03/2012	500,000,000	8,333,333	491,666,667	59	8,333,333
Cộng					500,000,000	8,333,333	491,666,667		8,333,333
Tổng cộng					500,000,000	8,333,333	491,666,667		8,333,333

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Báo cáo công cụ, phụ tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày
 ☒ Tháng

5

Từ ngày

01/5/2015

☐ Quý

2

Đến ngày

31/05/2015

☐ Năm

2015

Lọc theo

Nhóm CCDC

Chọn

Mã CCDC

Chọn

Lập báo cáo

Nạp lại

Xem in

Xuất sang

Tùy chọn

Thoát

Mã CCDC	Tên CCDC	Giá trị đầu kỳ	Đã PB đầu kỳ	Phân bổ tăng kỳ	Phân bổ giảm kỳ	Giá trị cuối	Đã PB cuối kỳ	Giá trị còn lại	Số tháng còn lại	Ghi chú
CC00000001	Máy điều hòa Cabin	0	0	34,722		25,000,000	34,722	24,965,278	23	

In ra báo cáo công cụ, phụ tùng

Công ty Vận tải Winta
457 Lê Văn Thọ - Phường 9 - Q. Gò Vấp - Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại : 8390452 - 0908183666

BÁO CÁO CÔNG CỤ DỤNG CỤ
Tháng 5 năm 2015

STT	Tên, nhãn hiệu CCDC	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Số kỳ phân bố	Số lượng	Trị giá vốn	Giá trị còn phần bố đầu kỳ	Giá trị phân bố tăng giảm trong	Phân bố trong kỳ	Đã phân bố cuối kỳ	Số kỳ PB còn lại	Giá trị còn lại cuối kỳ
1	Máy điều hòa Cabin	CC0001/05	31/05/2015	24	1	25,000,000		34,722	34,722	34,722	24	24,965,278
	Tổng cộng				1	25,000,000	0	34,722	34,722	34,722		24,965,278

Ngày tháng năm

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Đóng dấu, ký tên)

Báo cáo công nợ

- Công nợ phải thu khách hàng.
Vị trí : Phân hệ Công nợ => Phải thu

Cân đối Công nợ phải thu

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng 6

Từ ngày 01/6/2015 ☐ Quý 2

Đến ngày 30/06/2015 ☐ Năm 2015

Lọc theo

Mã TK: 131 ☐ Có mặt hàng

Mã đối tượng: ALL ☐ Đối chiếu CN

Mã hợp đồng: ALL ☐ Hạn mức nợ

Mã N.viên: ALL ☐ Có ngoại tệ

Lập báo cáo **Nạp lại** **Chi tiết** **Xem in** **Xuất sang** **Tùy chọn** **Thoát**

Mã đối tượng	Tên đối tượng	Tồn đầu kỳ nợ	Tồn đầu kỳ có	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Tồn cuối kỳ nợ	Tồn cuối kỳ có
CTCAMHUNG	Công ty TNHH Cẩm Hùng	0	0	6,100,000	0	6,100,000	0
CTMANHHUNG	Công ty CP Thiết Bị Điện Mạnh Hùng	0	0	970,000	0	970,000	0
CTMINHLONG	Công ty TNHH Minh Long	0	0	11,750,000	0	11,750,000	0
Tổng cộng		0	0	18,820,000	0	18,820,000	0

Thao tác : Chọn thời điểm cần xem in

- Mã TK : Tài khoản mặc định là 131 (Phải thu của khách hàng)
- Mã đối tượng : Chọn mã khách hàng cần xem. Chọn mã NONE hoặc mã ALL là xem tất cả
- Mã dự án : Xem theo dự án hợp đồng. Chọn mã NONE hoặc mã ALL là xem tất cả
- Mã nhân viên : Là nhân viên bán hàng, thu nợ.
Chọn các tiêu chí cần xem sau đó nhấn “Lập báo cáo” để chương trình lập số liệu.
- Nhấn đôi chuột để hiển thị chi tiết công nợ.
- Nhấn “Xem in” để hiển thị báo cáo hoặc in. Hình dưới

Công ty Việt Gia
31 Trần Nhân Tôn - Phường 9 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại : 8390452 - 0908183666

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

BÁO CÁO CÂN ĐỐI CÔNG NỢ PHẢI THU
Tháng 6 năm 2015

Trang 1

Tài khoản : Mã TK : Tất cả
Khách hàng : Tất cả

STT	Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	CTCAMHUNG	Công ty TNHH Cẩm Hùng			6,100,000		6,100,000	
2	CTMANHHUNG	Công ty CP Thiết Bị Điện Mạnh Hùng			970,000		970,000	
3	CTMINHLONG	Công ty TNHH Minh Long			11,750,000		11,750,000	
		Cộng tài khoản : 131			18,820,000		18,820,000	
		Tổng cộng			18,820,000		18,820,000	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Chi tiết công nợ phải thu.



Công ty Việt Gia
31 Trần Nhân Tôn - Phường 9 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại : 8390452 - 0908183666

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI THU

Tháng 6 năm 2015

Trang : 1

Tài khoản : 131 - Phải thu của khách hàng
Khách hàng : CTMINHLONG - Công ty TNHH Minh Long

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có	Nợ	Có
Số dư đầu kỳ - Công ty TNHH Minh Long								
30/6/15	TH0001/06	30/06/15	Chi hộ Hạ		500,000			
30/6/15	TH0002/06	30/06/15	Chi hộ Hạ		500,000			
30/6/15	TH0005/06	30/06/15	Chi hộ Hạ		350,000			
30/6/15	TH0005/06	30/06/15	Chi hộ Năng		400,000			
30/6/15	TH0002/06	30/06/15	Chi hộ Năng		600,000			
30/6/15	TH0001/06	30/06/15	Chi hộ Năng		600,000			
30/6/15	DV0004/06	30/06/15	Vận chuyển theo hóa đơn...		7,500,000			
30/6/15	DV0001/06	30/06/15	Vận chuyển theo hóa đơn...		1,300,000			
Cộng phát sinh					11,750,000			
Số dư cuối kỳ							11,750,000	

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Đóng dấu, ký tên)

- Công nợ phải trả
Vị trí : Phân hệ Công nợ => Phải trả

Cân đối Công nợ phải trả

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng 6

Từ ngày 01/6/2015 ☐ Quý 2

Đến ngày 30/06/2015 ☐ Năm 2015

Lọc theo

Mã TK : 334 ☐ Có mặt hàng

Mã đối tượng : ALL ☐ Đối chiếu CN

Mã hợp đồng : ALL ☐ Hạn mức nợ

Mã N.viên : ALL ☐ Có ngoại tệ

Lập báo cáo
 Nạp lại
 Chi tiết
 Xem in
 Xuất sang
 Tùy chọn
 Thoát

Mã đối tượng	Tên đối tượng	Tồn đầu kỳ nợ	Tồn đầu kỳ có	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Tồn cuối kỳ nợ	Tồn cuối kỳ có	Hạn mức nợ
ANHDUNG	Nguyễn Anh Dũng	0	0	2,500,000	1,100,000	1,400,000	0	0
HUUTHO	Nguyễn Hữu Thọ	0	0	6,000,000	850,000	5,150,000	0	0
Tổng cộng		0	0	8,500,000	1,950,000	6,550,000	0	0

Thao tác : Chọn thời điểm cần xem in

- Mã TK : Tài khoản mặc định là 331 (Phải trả cho người bán)
- Mã đối tượng : Chọn mã KH (Mã nhà cung cấp). Chọn mã NONE hoặc mã ALL là xem tất cả
- Mã dự án : Xem theo dự án hợp đồng. Chọn mã NONE hoặc mã ALL là xem tất cả
- Mã nhân viên : Là nhân viên mua hàng, chi trả.

Chọn các tiêu chí cần xem sau đó nhấn “Lập báo cáo” để chương trình lập số liệu.

- Nhấn đôi chuột để hiển thị chi tiết công nợ.
- Nhấn “Xem in” để hiển thị báo cáo hoặc in. Hình dưới



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Công ty Việt Gia
 31 Trần Nhân Tôn - Phường 9 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh
 Điện thoại : 8390452 - 0908183666

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

BÁO CÁO CÂN ĐỐI CÔNG NỢ PHẢI TRẢ
 Tháng 6 năm 2015

Trang 1

Tài khoản : Mã TK : Tất cả
 Khách hàng : Tất cả

STT	Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	ANH DUNG	Nguyễn Anh Dũng			2,500,000	1,100,000	1,400,000	
2	HUUTHO	Nguyễn Hữu Thọ			6,000,000	850,000	5,150,000	
		Cộng tài khoản : 3341			8,500,000	1,950,000	6,550,000	
		Tổng cộng			8,500,000	1,950,000	6,550,000	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
 Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Chi tiết công nợ phải trả

Công ty Việt Gia
 31 Trần Nhân Tôn - Phường 9 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh
 Điện thoại : 8390452 - 0908183666

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI TRẢ
 Tháng 6 năm 2015

Trang : 1

Tài khoản : 334 - Phải trả người lao động
 Khách hàng : ANHDUNG - Nguyễn Anh Dũng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ - Nguyễn Anh Dũng					
30/6/15	TH0001/06	30/06/15	Lương chuyển			250,000		
30/6/15	TH0005/06	30/06/15	Lương chuyển			850,000		
30/6/15	TH0005/06	30/06/15	Tạm ứng		500,000			
30/6/15	TH0001/06	30/06/15	Tạm ứng		2,000,000			
			Cộng phát sinh		2,500,000	1,100,000		
			Số dư cuối kỳ				1,400,000	

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Đóng dấu, ký tên)

Báo cáo lương vận chuyển

- Tổng hợp lương vận chuyển theo xe
- Vị trí : Phân hệ Báo cáo => Tổng hợp lương vận chuyển theo xe



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Tổng hợp lương vận chuyển theo xe

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng

Từ ngày ☐ Quý

Đến ngày ☐ Năm

Lọc theo

Mã TK

Mã đối tượng

Số xe

Mã N.viên ☐ Có ngoại tệ

Lập báo cáo Nạp lại Xem phiếu Xem in Xuất sang Tùy chọn Thoát

Mã đối tượng	Tên đối tượng	Số xe	Đầu kỳ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Cuối kỳ
▶ ANHDUNG	Nguyễn Anh Dũng	43c 00904	0	2,000,000	250,000	-1,750,000
ANHDUNG	Nguyễn Anh Dũng	43c 07826	0	500,000	850,000	350,000
HUUTHO	Nguyễn Hữu Thọ	43c 01763	0	6,000,000	850,000	-5,150,000
Tổng cộng			0	8,500,000	1,950,000	-6,550,000

Báo cáo vận tải:

Từ giao diện chính của chương trình người dùng vào phân hệ Vận tải → Báo cáo hoặc từ Menu Báo cáo → Vận tải.

tiện cho việc xem báo cáo phân chương trình Logistics Winta, người dùng cần chú ý một số điều kiện lọc sau đây:

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng

Từ ngày ☐ Quý

Đến ngày ☐ Năm

Lọc theo

Loại BC 1

Số xe 2

Mục chi 3

Mã đối tượng 4

Thời gian: Cho phép người dùng chọn click vào chọn từ ngày đến ngày cần lên báo cáo, hoặc vào tháng, quý, năm cần lên báo cáo.

Lọc theo: Loại báo cáo: Cho phép người dùng click chọn xem theo tổng hợp hoặc chi tiết.

Số xe: Cho phép người sử dụng xem chi tiết của 1 xe hoặc để ALL chương trình sẽ lấy tất cả các xe.

Mục chi: Cho phép người sử dụng click chọn xem theo từng mục chi hoặc để tất cả chương trình sẽ lấy tất cả các khoản mục chi có liên phát sinh trong khoảng thời gian người dùng đã chọn.

Mã đối tượng: Cho phép người sử dụng xem các phát sinh liên quan đến 1 đối tượng hoặc tất cả các đối tượng có phát sinh trong một khoảng thời gian đã được người dùng lựa chọn.

Báo cáo phát sinh theo khoản mục chi: Thể hiện tất cả các chi phí trong quá trình vận chuyển

Báo cáo phát sinh theo mục chi

Điều kiện

Thời gian

☒ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng ☐ Quý ☐ Năm

Từ ngày Đến ngày

Lọc theo

Loại BC: Mã đối tượng: Mục chi:

Loại phiếu	Số phiếu	Ngày lập phiếu	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Tên chi phí	Diễn giải	Giá chưa thuế	Tiền thuế VAT
CTTH	L170202.32	15/02/2017	NONE	(None)	Cước xe ngoài	Cước xe ngoài theo chứng từ L170202.32	4,500,000	
CTTH	L170202.32	15/02/2017	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	100,000	
CTTH	L170202.33	15/02/2017	NONE	(None)	Cước xe ngoài	Cước xe ngoài theo chứng từ L170202.33	4,500,000	
CTTH	L170202.33	15/02/2017	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Rửa xe	Rửa xe	100,000	
CTTH	L170202.34	15/02/2017	NONE	(None)	Cước xe ngoài	Cước xe ngoài theo chứng từ L170202.34	2,900,000	
CTTH	L170202.34	15/02/2017	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	100,000	
CTTH	L170202.35	15/02/2017	NONE	(None)	Cước xe ngoài	Cước xe ngoài theo chứng từ L170202.35	2,900,000	
CTTH	L170202.35	15/02/2017	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	100,000	
CTTH	TH170207/02	28/02/2017	NONE	(None)	Cước xe ngoài	Cước xe ngoài theo chứng từ L170216.42	2,900,000	
CTTH	TH170207/02	28/02/2017	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	100,000	
CTTH	TH170208/02	28/02/2017	NONE	(None)	Cước xe ngoài	Cước xe ngoài theo chứng từ L170216.43	2,900,000	
CTTH	TH170208/02	28/02/2017	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	100,000	
CTTH	TH170209/02	28/02/2017	NONE	(None)	Cước xe ngoài	Cước xe ngoài theo chứng từ L170208.51	4,500,000	
CTTH	TH170209/02	28/02/2017	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	100,000	
CTTH	L170208.50	28/02/2017	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền đầu chuyển	Tiền đầu chuyển	670,992	
CTTH	L170213/02	28/02/2017	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	100,000	

Tổng cộng

Công ty Việt Gia

31 Trần Nhân Tôn - Phường 9 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại : 8390452 - 0908183666

Báo cáo chi phí phát sinh tổng hợp

Tháng 6 năm 2015

STT	Mã chi phí	Tên chi phí	Diễn giải	Số tiền
1	Số xe 43c00904			3,950,000
1	GiaHa	Hạ	Chi hộ Hạ	500,000.00
2	GiaNang	Nâng	Chi hộ Nâng	600,000.00
3	LuongChuyen	Lương chuyển	Lương chuyển	250,000.00
4	TamUng	Tạm ứng	Tạm ứng	2,000,000.00
5	LuuMooc	Lưu mooc	Lưu mooc	250,000.00
6	LuuDem	Phí lưu đêm	Phí lưu đêm	350,000.00
2	Số xe 43c01763			7,950,000
7	TamUng	Tạm ứng	Tạm ứng	3,000,000.00
8	TamUng	Tạm ứng	Tạm ứng	3,000,000.00

- Báo cáo chi phí phát sinh chi tiết



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Trang 60/134

Công ty Việt Gia 31 Trần Nhân Tôn - Phường 9 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh Điện thoại : 8390452 - 0908183666									
Báo cáo chi phí phát sinh chi tiết Tháng 6 năm 2015									
STT	Loại	Số CT	Ngày CT	Số xe	Mục chi	Mã ĐT	Tên đối tượng	Diễn giải	Số tiền
1	CTTH	TH0001/06	30/06/2015	43c 00904	Hạ	CTMINHLONG	Công ty TNHH Minh Long	Chi hộ Hạ	500,000
2	CTTH	TH0001/06	30/06/2015	43c 00904	Năng	CTMINHLONG	Công ty TNHH Minh Long	Chi hộ Năng	600,000
3	CTTH	TH0001/06	30/06/2015	43c 00904	Lương chuyển	NONE	(None)	Lương chuyển	250,000
4	CTTH	TH0001/06	30/06/2015	43c 00904	Tạm ứng	ANH DUNG	Nguyễn Anh Dũng	Tạm ứng	2,000,000
5	CTTH	TH0001/06	30/06/2015	43c 00904	Lưu mooc	NONE	(None)	Lưu mooc	250,000
6	CTTH	TH0001/06	30/06/2015	43c 00904	Phí lưu đêm	NONE	(None)	Phí lưu đêm	350,000
7	CTTH	TH0002/06	30/06/2015	43c 01763	Tạm ứng	HUUTHO	Nguyễn Hữu Thọ	Tạm ứng	3,000,000
8	CTTH	TH0002/06	30/06/2015	43c 01763	Lương chuyển	NONE	(None)	Lương chuyển	300,000
9	CTTH	TH0002/06	30/06/2015	43c 01763	Năng	CTMINHLONG	Công ty TNHH Minh Long	Chi hộ Năng	600,000
10	CTTH	TH0002/06	30/06/2015	43c 01763	Hạ	CTMINHLONG	Công ty TNHH Minh Long	Chi hộ Hạ	500,000
11	CTTH	TH0003/06	30/06/2015	43c 08041	Hạ	CTCAMHUNG	Công ty TNHH Cẩm Hùng	Chi hộ Hạ	500,000
12	CTTH	TH0003/06	30/06/2015	43c 08041	Năng	CTCAMHUNG	Công ty TNHH Cẩm Hùng	Chi hộ Năng	600,000
13	CTTH	TH0003/06	30/06/2015	43c 08041	Lương chuyển	NONE	(None)	Lương chuyển	500,000
14	CTTH	TH0003/06	30/06/2015	43c 08041	Tạm ứng	QUOCANH	Lê Quốc Anh	Tạm ứng	2,500,000
15	CTTH	TH0003/06	30/06/2015	43c 08041	Phí lưu đêm	NONE	(None)	Phí lưu đêm	750,000
16	CTTH	TH0004/06	30/06/2015	43c 01763	Tạm ứng	HUUTHO	Nguyễn Hữu Thọ	Tạm ứng	3,000,000

Báo cáo chi phí phát sinh theo xe: Thể hiện tất cả các chi phí của một phương tiện trong quá trình vận chuyển

Báo cáo chi phí phát sinh theo xe

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng

Từ ngày ☐ Quý

Đến ngày ☐ Năm

Lọc theo

Loại BC Chi tiết

Số xe ALL

Mục chi << Tất cả >>

Mã đối tượng << Tất cả >>

Số phiếu	Ngày lập phiếu	Số xe	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Tên chi phí	Diễn giải	Giá chưa thuế	Tiền thuế VAT	Thanh toán
TH0001/02	28/02/2017	29C_37962	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền đầu chuyển	Tiền đầu chuyển	618,571	0	618,571
TH0001/02	28/02/2017	29C_37962	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân chủ hàng chịu	Tiền cân chủ hàng chịu	70,000	0	70,000
TH0001/02	28/02/2017	29C_37962	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền đường chuyển	Tiền đường chuyển	950,000	0	950,000
TH0002/02	28/02/2017	29C_35255	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền đầu chuyển	Tiền đầu chuyển	272,591	0	272,591
TH0002/02	28/02/2017	29C_35255	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	70,000	0	70,000
TH0002/02	28/02/2017	29C_35255	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền đường chuyển	Tiền đường chuyển	950,000	0	950,000
L170201.02	13/02/2017	29C_37962	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền đầu chuyển	Tiền đầu chuyển	272,591	0	272,591
L170201.02	13/02/2017	29C_37962	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	100,000	0	100,000
L170201.02	13/02/2017	29C_37962	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền đường chuyển	Tiền đường chuyển	950,000	0	950,000
TH170203/02	13/02/2017	15C_14332	NONE	(None)	Cước xe ngoài	Cước xe ngoài theo chứng t...	2,900,000	0	2,900,000
TH170203/02	13/02/2017	15C_14332	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	100,000	0	100,000
TH170205/02	15/02/2017	15C_14497	NONE	(None)	Cước xe ngoài	Cước xe ngoài theo chứng t...	4,500,000	0	4,500,000
TH170205/02	15/02/2017	15C_14497	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	100,000	0	100,000
TH170206/02	15/02/2017	15C_17643	NONE	(None)	Cước xe ngoài	Cước xe ngoài theo chứng t...	4,500,000	0	4,500,000
TH170206/02	15/02/2017	15C_17643	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	100,000	0	100,000
L170208.50	28/02/2017	29C_38056	CPVN1	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	Tiền cân công ty chịu	Tiền cân công ty chịu	100,000	0	100,000

Tổng cộng

1 of 377

Báo cáo doanh thu chi phí theo xe: Thể hiện tổng doanh thu và chi phí của từng phương tiện trong một khoản thời gian được xác định và thể hiện lãi hoặc lỗ trong khoản thời gian trên.



Doanh thu chi phí theo xe

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng 5 ☐ Quý 2 ☐ Năm 2017

Từ ngày 01/01/2017 Đến ngày 31/05/2017

Lọc theo

Loại BC: Tổng hợp Số xe: ALL

Lập báo cáo Nạp lại Xem phiếu Xem in Xuất sang Tùy chọn Thoát

Số xe	Tên loại	Nhóm nhà xe	Loại	Tổng doanh thu	Tổng chi phí	Lãi(ổ)
15C_01819			XEMY	32,700,000	14,865,950	17,834,050
15C_03024	Thuê xe Trường Phát		XEMY	15,200,000	0	15,200,000
15C_05933	Thuê xe FACIFIC- Thái Bình Dương		XEMY	4,300,000	0	4,300,000
15C_07286	Xe Phương Trang		XEMY	3,700,000	0	3,700,000
15C_08443	Xe Phương Trang		XEMY	3,500,000	0	3,500,000
15C_09100	Xe Phương Trang		XEMY	3,500,000	0	3,500,000
15C_09818	Thuê xe FACIFIC- Thái Bình Dương		XEMY	3,600,000	3,000,000	600,000
15C_09963	Xe Phương Trang		XEMY	9,800,000	6,600,000	3,200,000
15C_10023	Thuê xe FACIFIC- Thái Bình Dương		XEMY	3,600,000	3,000,000	600,000
15C_10910	Thuê xe FACIFIC- Thái Bình Dương		XEMY	6,500,000	2,800,000	3,700,000
15C_11124	Thuê xe FACIFIC- Thái Bình Dương		XEMY	6,800,000	3,000,000	3,800,000
15C_11470	Thuê xe Anh Quả		XEMY	3,250,000	0	3,250,000
15C_11671	Xe Phương Trang		XEMY	13,400,000	4,600,000	8,800,000
15C_11945	Xe Phương Trang		XEMY	9,800,000	6,600,000	3,200,000
15C_12229	Xe Phương Trang		XEMY	16,100,000	11,970,000	4,130,000
15C_12719	Thuê xe Anh Quả		XEMY	5,500,000	0	5,500,000
Tổng cộng				893,863,250	321,823,231	572,040,019

Bảng kê vận chuyển khách hàng: Thể hiện số lượng hàng hóa đã nhận và đã giao của khách hàng theo từng phương tiện và thể hiện tiền vận chuyển của từng đơn hàng.

Bảng kê vận chuyển khách hàng

Điều kiện Phân hệ vận tải

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng 5 ☐ Quý 2 ☐ Năm 2017

Từ ngày 01/01/2017 Đến ngày 31/05/2017

Lọc theo

Loại BC: Tổng hợp vận chuyển Mã đối tượng: << Tất cả >> Lô hàng: NONE

Lập báo cáo Nạp lại Xem phiếu Xem in Xuất sang Tùy chọn Thoát

Loại hàng	Nơi lấy	Nơi giao	Số xe	Số ...	L...	S...	Hàng rời	SL nhận	Số lượng giao	SL nhập kho	SL chênh lệch	HH CH cho p...	SL Hao hụt ...	Thành tiền VC	SL HH
LUAMY	KTD	DAIUY	29C_58701	0			✓	47,670.00	47,680.00	1.00	-10.00	0.12	57.204	6,197,100	
LUAMY	KTD	DAIUY	29C_71277	0			✓	45,250.00	45,270.00	1.00	-20.00	0		5,882,500	
KHODUA	CHD	KVM	34C_09124	0			✓	30,380.00	30,370.00	1.00	10.00	0.12	36.456	3,949,400	
KHODUA	CHD	KVM	15C_19252	0			✓	33,200.00	33,210.00	1.00	-10.00	0.12	39.84	4,316,000	
KHODUA	CHD	KVM	15C_17251	0			✓	33,820.00	33,810.00	1.00	10.00	0.12	40.584	4,396,600	
KHODUA	CHD	KVM	15C_16005	0			✓	33,820.00	33,810.00	1.00	10.00	0.12	40.584	4,396,600	
KHODUA	CHD	KVM	15C_12227	0			✓	33,380.00	33,390.00	1.00	-10.00	0.12	40.056	4,339,400	
NGOHAT	CVC	XINAN	29C_41937	0			✓	31,040.00	31,050.00	1.00	-10.00	0.12	37.248	2,948,800	
DOXIPAN	CHP	CPXM	29C_37962	0	40	A...	✓	13,092.00	1.00	13,120.00	0	1.00	130.92	6,600,000	
DOXIPAN	CHP	CPXM	15C_18780	0	20	T...	✓	6,092.00	1.00	6,150.00	0	1.00	60.92	5,900,000	
LUAMY	CHP	CPXM	15C_22619	0			✓	38,580.00	38,570.00	38,570.00	10.00	1.00	385.8	8,487,600	
LUAMY	CHP	CPXM	15C_14476	0			✓	39,540.00	39,500.00	39,500.00	40.00	0.12	47.448	8,698,800	
LUAMY	CHP	DAIUY	15C_11613	0			✓	32,150.00	32,190.00	32,150.00	-40.00	0.12	38.58	6,269,250	
LUAMY	CHP	ANPHAT	15C_19878	0			✓	31,570.00	31,590.00	31,570.00	-20.00	0.12	37.884	4,104,100	
LUAMY	CHP	CPXM	15C_10442	0			✓	30,590.00	30,500.00	30,590.00	90.00	0.12	36.708	6,729,800	
LUAMY	CHP	DAIUY	15C_13702	0			✓	30,400.00	30,470.00	30,400.00	-70.00	0.12	36.48	5,928,000	
1,...								9,178,...	8,911,884.00	7,820,645.00	41,476.00	0.60		1,535,365,700	

Xem in Bảng kê chi phí vận chuyển

Bảng kê vận chuyển xe ngoài: Thể hiện số lượng hàng hóa đã nhận và đã giao của khách hàng theo từng phương tiện thuê ngoài và thể hiện tiền vận chuyển của từng đơn hàng của phương tiện đó.

Báo cáo tình trạng lô hàng: Thể hiện thông tin của một lô hàng như là tên đối tượng, lô hàng được nhập khẩu hay xuất khẩu và tình trạng của lô hàng đã hoàn thành hay chưa đã nhận đã giao bao nhiêu và số lượng còn lại.

Báo cáo tình trạng lô hàng

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng

Từ ngày ☐ Quý

Đến ngày ☐ Năm

Lọc theo

Loại BC.....

Mã đối tượng..... << Tất cả >>

Số Book/Bill..... << Tất cả >>

Lập báo cáo **Nạp lại** **Xem phiếu** **Xuất sang** **Tùy chọn** **Thoát**

Số Book/Bill	Ngày Book/Bill	Tổng TL lô	Hàng rời	Lo...	SL ...	SLC đã...	SLC cò...	Số lượng hàng	Số lượng giao	SLH còn lại	Hạn lưu Cont	Mã đối tượng	Tình trạng	Loại NX
B9999	03/05/2017	0.00	☐	40	2.00	0.00	2.00	0	0	0.00	03/05/2017	ATUY	Nhập mới	NK
LH0001/04	24/04/2017	0.00	☐	40	1.00	0.00	1.00	0	0	0.00	24/04/2017	BICHCM	Vận chuyển	NK
BN 1238	09/03/2017	735,710.00	☒		0.00	0.00	0.00	735,710.00	135,160.00	600,550.00	10/03/2017	NHATTHANH	Nhập mới	NK
BN 1186	08/03/2017	1,421,270.00	☒		0.00	0.00	0.00	1,421,270.00	1,420,310.00	960.00	09/03/2017	NHATTHANH	Nhập mới	NK
101288107431	08/03/2017	0.00	☐	40	6.00	1.00	5.00	0	25,660.00	-25,660.00	08/03/2017	CPVN1	Nhập mới	NK
NaOH 5Contx20 Văn Minh	04/03/2017	125,000.00	☐	20	5.00	0.00	5.00	0	0	0.00	04/03/2017	NHATTHANH	Nhập mới	NK
Xút Scont Văn Minh	03/03/2017	130,000.00	☐	20	1.00	0.00	1.00	0	0	0.00	03/03/2017	NHATTHANH	Nhập mới	NK
Mua Minh Việt	01/03/2017	0.00	☒		0.00	0.00	0.00	1.00	32,540.00	-32,539.00	10/03/2017	NHATTHANH	Nhập mới	NK
Mua ABC	01/03/2017	0.00	☒		0.00	0.00	0.00	1.00	96,390.00	-96,389.00	10/03/2017	NHATTHANH	Nhập mới	NK
101284845211	01/03/2017	314,968.00	☐	40	12.00	11.00	1.00	314,968.00	288,717.00	26,251.00	01/03/2017	CPVN1	Nhập mới	NK
Công Thành 189	28/02/2017	0.00	☒		0.00	0.00	0.00	1.00	137,730.00	-137,729.00	28/02/2017	NHATTHANH	Nhập mới	NK
571968666	28/02/2017	46,108.00	☐	20	2.00	2.00	0.00	46,108.00	46,108.00	0.00	02/02/2017	CPVN1	Nhập mới	NK
101284128301	28/02/2017	543,220.00	☐		1.00	0.00	1.00	543,220.00	0	543,220.00	10/03/2017	NHATTHANH	Nhập mới	NK
101279353561	28/02/2017	101,600.00	☐	40	5.00	5.00	0.00	101,600.00	101,600.00	0.00	28/02/2017	CPVN1	Nhập mới	NK
959352167	27/02/2017	0.00	☐	20	4.00	4.00	0.00	0	100,544.00	-100,544.00	01/03/2017	NHATTHANH	Nhập mới	NK
COSU8013939630	24/02/2017	101,305.75	☐	20	5.00	5.00	0.00	0	101,605.00	-101,605.00	27/02/2017	CPVN1	Nhập mới	NK
		16,195,13...		83...	674.00	159.00		3,243,960.00	19,297,276.00	-16,053,31...				

3 of 61

6. Phòng vật tư

- Quản lý dụng cụ, phụ tùng nhập kho mua mới, điều chuyển giữa các kho.
- Quản lý chuyển phụ tùng giữa các xe.
- Quản lý nhiên liệu mua vào kho và xuất cho từng xe.
- Báo cáo tồn kho theo thẻ kho, sổ chi tiết của từng vật tư theo từng kho, từng xe.

Phiếu nhập kho (Phiếu nhập mua)

Từ màn hình chính người dùng chọn phân hệ nhập xuất → phiếu nhập kho: Là nghiệp vụ ghi nhận đơn vị nhập nhiên liệu về kho.

Đơn hàng mua - Thêm mới

Trước Sau Thêm Hoàn Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Phiếu nhập kho Loại phiếu DHM

Thông tin chung

Mã đối tượng: CTCAMHUNG + Công ty TNHH Cẩm Hùng

Địa chỉ: 40 Nguyễn Kiệm, P5, Quận Gò Vấp, Tp. HCM

Người giao:

Điều giải: Mua hàng trả sau

Chứng từ

Số CT: PN0002/05

Ngày CT: 08/05/2017

Thông tin khác

Mã NV nhập	Nghệp vụ	Tỷ lệ CK	Thuế GTGT (%)	Kho nhập	Mã bảng giá	Đơn hàng số	Mã hợp đồng	Số hóa đơn
HUUTHO	MHTSVAT	0	0	KNLCT				

Chi tiết

1. Hàng hóa		2. Hạch toán		3. Hóa đơn GTGT		4. Chi phí	
Mã HHDV	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Tỷ lệ CK	Tiền CK
I DAU	Dầu	Lít	1,000.00	6,200	6,200,000	0.00	0
* Chọn mã hàng ở đây							
			0	0	0	0	0

Số dòng: 1

Tiền hàng: 6,200,000 Tiền CK: 0 Tiền VAT: 0 Thanh toán: 6,200,000

- Mã đối tượng: Là tên nhà cung cấp vật tư/ hàng hóa (Ở đây là nhà cung cấp nhiên liệu), Người dùng nhập các thông tin tìm kiếm về đối tượng để chương trình lọc ra các đối tượng có thông tin giống với thông tin nhập vào sau đó người dùng click chọn đối tượng tương ứng, các mục tên đối tượng, địa chỉ chương trình tự động lấy tương ứng theo mã đối tượng đã được thiết lập trong phần danh mục đối tượng. Nếu cần thêm mới đối tượng nhà cung cấp người dùng click vào biểu tượng  chọn thêm để thêm mới đối tượng cần thêm.
- Số chứng từ chương trình nhảy mật định tăng dần, ngày chứng từ sẽ lấy ngày mật định của hệ thống và cho phép người dùng chỉnh sửa.

Ở phần thông tin mở rộng người dùng cần chọn các mục sau:

- Mã NV nhập: được lấy từ danh mục nhân viên người dùng click chọn nhân viên nhập nhiên liệu.
- Nghệp vụ: được lấy từ danh mục nghiệp vụ người dùng click chọn nghiệp vụ phù hợp.
- Kho xuất: Người dùng click chọn đúng kho xuất hàng hóa ra ngoài
- Tỷ lệ chiết khấu: Người dùng click chọn tỉ lệ được hưởng chiết khấu theo hóa đơn nhập (nếu có).
- Thuế GTGT: Người dùng click chọn mức thuế gtgt theo hóa đơn (Nếu có).
- Mã bảng giá: Click chọn mã bảng giá được thiết lập từ bảng giá nhập cho những đơn vị có quản lý bảng giá nhập.

- Mã hợp đồng: click chọn mã hợp đồng được thiết lập từ hợp đồng mua trong phần danh mục → hợp đồng mua cho những đơn vị có theo dõi hợp đồng mua.
- Ở phần chi tiết người dùng cần nhập các thông tin:
- Mã HHĐV: Ở đây là mã nhiên liệu nhập kho được lấy từ danh mục hàng hóa vật tư, tên hàng hóa, ĐVT sẽ tương ứng với mã hàng đã được thiết lập trong phần danh mục hàng hóa vật tư.
- Số lượng nhập: Dựa vào hóa đơn mua hàng người dùng nhập số lượng và đơn giá vào các cột tương ứng.
- Tỷ lệ chiết khấu, Thuế GTGT, Mã kho, Mã hợp đồng chương trình tự động cập nhật từ lưới thông tin mở rộng xuống và cho phép người dùng chỉnh sửa lại trong các trường hợp chiết khấu theo từng mặt hàng, hàng nhập về nhiều hơn 1 kho, hàng hóa có nhiều mức thuế GTGT.
- Tiền chiết khấu = tỷ lệ CK * Số tiền / 100
- Tiền thuế VAT = Thuế GTGT * Số tiền / 100
- Ở Tab **Hạch toán** chương trình tự động hạch toán dựa vào các thông tin sau:

Thông tin khác									
Mã NV nhập	Nghiệp vụ	Tỷ lệ CK	Thuế GTGT (%)	Kho nhập	Mã bảng giá	Đơn hàng số	Mã hợp đồng	Số hóa đơn	
BANGIAMDOC	MHTMVAT	0	0	KNLCT					

Chi tiết Hạch toán [Tiền hàng : 2,500,000 - VAT : 0]

1. Hàng hóa									
TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải	Mã KH nợ	Mã KH có	Mã hợp đồng	Số xe	CT trùng	
1561	1111	2,500,000	Mua hàng trả tiền mặt	NONE	CTCAMHUNG			☐	

đồng : 1 Tiền hàng 2,500,000 Tiền CK 0 Tiền VAT 0 **Thanh toán** 2,500,000 thanh toán

TK nợ, TK có được lấy từ danh mục nghiệp vụ đã được người dùng chọn ở phần thông tin mở rộng, Ngoài ra Mã khách hàng Có, Mã hợp đồng, Diễn giải cũng được lấy từ thông tin mở rộng.
Số tiền: Được lấy từ tổng tiền thanh toán của chứng từ phiếu xuất trên.

Phiếu xuất kho

Từ màn hình chính người dùng chọn phân hệ nhập xuất → phiếu nhập kho: Là nghiệp vụ ghi nhận nhiên liệu tiêu hao của phương tiện.

Phiếu xuất kho - Sửa phiếu

Trước Sau Thêm Hoàn Xóa Sửa Cập nhật Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Phiếu xuất kho Loại phiếu PXK

Thông tin chung

Mã đối tượng: QUOCANH + Lê Quốc Anh

Địa chỉ: Nhân viên công ty

Người nhận: Anh Hùng chạy xem 47C_77777

Diễn giải: Giá vốn

Chứng từ

Số CT: PX0002/05

Ngày CT: 08/05/2017

Thông tin khác

Loại xuất	Mã NV xuất	Nghiệp vụ	Kho xuất	Số xe	Mã hợp đồng	Chứng từ LH	Ngày liên hệ
W03	ANH DUNG	GIAVON	KNLCT	47C_77777	HDKT15052003/MTA		08/05/2017

Chi tiết

1. Hàng hóa 2. Hạch toán

Mã HH/DV	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Tỷ lệ CK	Tiền CK
DAU	Dầu	Lít	300.00	5,400	1,620,000	0.00	0
* Chọn mã hàng ở đây			0	0	0	0	0

Số dòng: 1

Tiền hàng: 1,620,000 Tiền CK: 0 Tiền VAT: 0 Thanh toán: 1,620,000

- Mã đối tượng: Là tên nhà cung cấp vật tư/ hàng hóa (Ở đây là nhà cung cấp nhiên liệu), Người dùng nhập nhập các thông tin tìm kiếm về đối tượng để chương trình lọc ra các đối tượng có thông tin giống với thông tin nhập vào sau đó người dùng click chọn đối tượng tương ứng, các mục tên đối tượng, địa chỉ chương trình tự động lấy tương ứng theo mã đối tượng đã được thiết lập trong phần danh mục đối tượng. Nếu cần thêm mới đối tượng nhà cung cấp người dùng click vào biểu tượng  chọn thêm để thêm mới đối tượng cần thêm.
- Số chứng từ chương trình nhảy mật định tăng dần, ngày chứng từ sẽ lấy ngày mật định của hệ thống và cho phép người dùng chỉnh sửa.

Ở phần thông tin mở rộng người dùng cần chọn các mục sau:

- Loại xuất: Người dùng click chọn loại xuất phù hợp (Ở đây là xuất nhiên liệu)
- Mã NV xuất: được lấy từ danh mục nhân viên người dùng click chọn nhân viên nhập nhiên liệu.
- Nghiệp vụ: được lấy từ danh mục nghiệp vụ người dùng click chọn nghiệp vụ phù hợp.
- Kho xuất: Người dùng chọn NONE để thể hiện phương tiện đã tiêu hao nhiên liệu từ xe.
- Số xe: Người dùng chọn số xe đã sử dụng nhiên liệu.
- Mã bảng giá: Click chọn mã bảng giá được thiết lập từ bảng giá nhập cho những đơn vị có quản lý bảng giá nhập.

Ở phần chi tiết người dùng cần nhập các thông tin:

- Mã HHDV: Ở đây là mã nhiên liệu nhập kho được lấy từ danh mục hàng hóa vật tư, tên hàng hóa, ĐVT sẽ tương ứng với mã hàng đã được thiết lập trong phần danh mục hàng hóa vật tư.
- Số lượng nhập: Dựa vào hóa đơn mua hàng người dùng nhập số lượng và đơn giá vào các cột tương ứng.
- Số tiền: Chương trình tự động tính giá theo phương thức tính tồn kho mà người dùng đã thiết lập trong phân hệ → Tùy chọn → vật tư hàng hóa → Phương thức tính tồn kho.
- Kho xuất: Chương trình tự động lấy kho xuất ở phần thông tin chung và cho phép người dùng chỉnh sửa.
- Ở Tab hoạch toán chương trình tự động hạch toán dựa vào các thông tin sau:

Chi tiết Hạch toán: 1,620,000

1. Hàng hóa		2. Hạch toán		Số tiền	Diễn giải	Mã KH ng	Mã KH có	Mã hợp đồng	Số xe	CT trùng
TK nợ	TK có									
632	1561			1,620,000	Giá vốn	NONE	QUOCANH		43c_00904	☐
*				0						☐

TK nợ, TK có được lấy từ danh mục nghiệp vụ đã được click chọn ở phần thông tin mở rộng, Ngoài ra Mã khách hàng Có, Mã hợp đồng, Số xe, Diễn giải cũng được lấy từ thông tin mở rộng.

Số tiền: Được lấy từ tổng tiền thanh toán của chứng từ phiếu xuất trên.

Phiếu chuyển kho

Dùng để chuyển kho nội bộ. Làm tương tự như phiếu nhập xuất.

Mua nhiên liệu nhập kho

Vào phân hệ Nhập xuất => Mua nhiên liệu. Xem hình dưới

Mua nhiên liệu - Thêm mới

Trước Sau Thêm Hoàn Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Mua nhiên liệu Loại phiếu DNK

Thông tin chung

Mã đối tượng: CTYMASAN + Công ty Cổ phần Masan

Địa chỉ: Thai Lan

Người giao:

Diễn giải: Mua dầu DO nhập kho nhiên liệu

Chứng từ

Số CT: XD0001/12

Ngày CT: 01/05/2015

Thông tin khác

Nghiệp vụ	Cây xăng	Ngày đổ	Số xe	Mã kho	Tài xế	Lệnh điều xe	Ngày đi
	Cây xăng Phương Thiện	01/05/2015		KNLCT	QUOCANH		

Chi tiết Mã tiền tệ VND 1

1. Hàng hóa		2. Hạch toán		3. Hóa đơn GTGT		Mã HHDV	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Thuế GTG...	Tiền thuế VAT
I	DO						Dầu DO	Lít	1,000.00	16,500	16,500,000	0	0
*	Chọn mã hàng ở đây												

Số dòng: 1

Tiền hàng: 16,500,000 Tiền CK: 0 Tiền VAT: 0 Thanh toán: 16,500,000 Thanh toán

Mục đích : Nhập số số lượng dầu vào kho sau đó xuất dầu theo từng xe để quản lý tồn kho theo kho, theo xe.

Giải thích :

Mã đối tượng : Là mã nhà cung cấp dầu.

Số CT : Là số phiếu tự động tăng của chương trình

Ngày CT : Là ngày mua dầu.

Nghiệp vụ : Ghi nhận giá trị tồn theo sổ sách.

Cây xăng : Chọn cây xăng mua (Có thể theo dõi thông tin Cây xăng tại Menu Danh mục => Cây xăng). Ngày đổ của nhà cung cấp.

Số xe : Là số xe chở dầu mua mới.

Lệnh điều xe : Nếu là mua mới NSD chọn theo lệnh điều xe hoặc lập chứng từ mua nhiên liệu tự động từ Lệnh điều xe chương trình sẽ tự động điền các thông tin.

Ngày đi : Là ngày đi của Lệnh điều xe.

Lưu ý : Đối với mua nhiên liệu phát sinh hàng ngày cũng thực hiện trên mẫu này.

Các trường phải nhập bắt buộc là : Số CT, Ngày CT, Số xe, Tài xế, Lệnh điều xe (nếu là mua nhiên liệu), Mã HHDV, Số lượng, Đơn giá, Số tiền.

Báo cáo nhập xuất tồn kho

Chọn Menu Nhập xuất > Báo cáo tồn kho

Báo cáo tồn kho

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng 5

Từ ngày 01/5/2015 ☐ Quý 2

Đến ngày 31/05/2015 ☐ Năm 2015

Lọc theo

Mã kho : KTONG

Mã VT : Chọn

Mã TK : Chọn

Mã dự án : Chọn

Lập báo cáo **Tính lại giá xuất** **Nạp lại** **Số CTVT** **Xem in** **Xuất sang** **Tùy chọn** **Thoát**

Mã HHDV	Tên hàng hóa dịch vụ	SL tồn đầu kỳ	Số tiền đầu kỳ	Số lượng nhập	Số tiền nhập	Số lượng xuất bán	Số tiền xuất bán	Số lượng chuyển	Số tiền chuyển	Tổng SL xuất	Tổng ST xuất
CC00000001	Máy điều hòa Cabin	0.00	0	1.00	20,000,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
CC00000001	Máy điều hòa Cabin	0.00	0	0.00	0	0.00	0	1.00	20,000,000	1.00	20,000,000
LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont	0.00	0	1.00	500,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont	0.00	0	0.00	0	1.00	500,000	0.00	0	1.00	500,000
LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont	0.00	0	3.00	2,100,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
SUACHUA	Sửa chữa	0.00	0	1.00	6,000,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
Tổng cộng		0.00	0	6.00	28,600,000	1.00	500,000	1.00	20,000,000	2.00	20,500,000

Bạn có thể xem chi tiết theo từng Kho hoặc chi tiết từng Vật tư.

- Nếu muốn xem tất cả các vật tư thuộc kho nào đó bạn làm như sau "

+ Ở Combo Mã kho chọn Mã kho cần xem (VD: CTY)

+ ở Combo Vật tư bạn muốn xem mặt hàng, nhóm hàng nào đó đánh trực tiếp mã hoặc Click vào nút tam giác nhỏ để chọn mã Vật tư đó. Không nhớ Mã vật tư bạn click vào ổ đó sau đó nhấn F3 để tìm kiếm. Nếu xem hết Vật tư bạn để trống hoặc chọn "ALL"

Ở màn hình trên bạn đang thấy là bảng tổng hợp Nhập xuất tồn kho. Muốn xem chi tiết nhập xuất bạn nhấn Double click vào dòng vật tư đó để xem sổ chi tiết vật tư, từ sổ chi tiết vật tư bạn muốn xem phiếu nào nhấn Double click vào dòng của phiếu đó sẽ hiển thị phiếu tương ứng.

Thẻ kho

Chọn Menu Nhập xuất > Thẻ kho

Phần mềm cho phép bạn in thẻ kho theo từ ngày đến ngày, tháng, quý, năm tùy theo yêu cầu của bạn.

Chọn theo kho, mã vật tư mà bạn muốn xem. Thông thường thẻ kho bạn nên chọn Mã kho, Mã vật tư. Nếu bạn muốn xem tất cả các kho, các vật tư bạn có thể bỏ trống.

Muốn xem phiếu nhập xuất nào bạn Double click chuột sẽ hiển thị phiếu nhập xuất tương ứng đó

Ngoài ra, trong phần hành xem báo cáo của Nhập xuất còn có các mục " Sổ chi tiết vật tư....". ở các mục này cũng thao tác tương tự như mục 2.2 trên đã giới thiệu.

Thẻ kho

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng 5 ☐ Quý 2 ☐ Năm 2015

Từ ngày 01/5/2015 Đến ngày 31/05/2015

Lọc theo

Mã kho 34C06244 Mã VT LOPK400S1 Mã TK Chọn Mã dự án Chọn

Mã HHDV	Tên hàng hóa dịch vụ	Số phiếu	Ngày lập phiếu	Mã kho	Diễn giải	Số lượng nhập	Số lượng xuất	Số lượng tồn	Số tiền tồn
LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont			34C06244	Đầu kỳ - Lốp đầu xe Cont	0	0	0.00	0
LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont	PS0001/05	10/05/2015	34C06244		1.00	0.00	1.00	500,000
LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont			34C06244	Cộng phát sinh - Lốp đầu xe Cont	1.00	0.00	0	
LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont			34C06244	Cuối kỳ - Lốp đầu xe Cont	0	0	1.00	500,000

Xem nghiệp vụ Nhập/xuất hàng

Chứng từ xuất hàng

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng 5

Từ ngày 01/5/2015 ☐ Quý 2

Đến ngày 31/05/2015 ☐ Năm 2015

Lọc theo

Tên trường	Điều kiện	Lọc	Hoặc	Hoặc	Hoặc	Điều kiện
Loại phiếu	=					
Số phiếu	=					
Mã N. Viên	=					
Nhóm KH	=					
Mã KH	=					

Loại phiếu	Số phiếu	Ngày lập phiếu	Diễn giải	Diễn giải 2	Số tiền	Ngoại tệ	Mã hợp đồng	Mã KH nợ	Mã KH có	Tên khách nợ
SXK	SC0003/05	15/05/2015	Sửa chữa hệ thống điện		6,000,000	0.00		NONE	NHQUANG	(None)
SXK	PS0001/05	10/05/2015			500,000	0.00		NONE	CTPHUXUAN	(None)
SXK	PS0002/05	11/05/2015			2,100,000	0.00		NONE	NONE	(None)

Truy vấn các nghiệp vụ Nhập/xuất kho tương tự như truy vấn thu chi

Chi tiết nhập kho:

Chọn Phân hệ Nhập xuất > Chi tiết nhập hàng

Chi tiết xuất hàng

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng 5

Từ ngày 01/5/2015 ☐ Quý 2

Đến ngày 31/05/2015 ☐ Năm 2015

Lọc theo

Tên trường	Điều kiện	Lọc	Hoặc	Hoặc	Hoặc	Điều kiện
Loại phiếu	=					
Số phiếu	=					
Mã N. Viên	=					
Nhóm KH	=					
Mã KH	=					

Loại phiếu	Số phiếu	Ngày lập phiếu	Mã HHDV	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Đơn giá bán	Tiền bán	Diễn giải
SXK	PS0001/05	10/05/2015	LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont		1.00	500,000	500,000	0		
SXK	PS0002/05	11/05/2015	LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont		3.00	700,000	2,100,000	0		
SXK	SC0003/05	15/05/2015	SUACHUA	Sửa chữa	Bộ	1.00	6,000,000	6,000,000	0		Sửa chữa hệ thống điện

Tại dòng Mã Vật tư, có thể bấm F3 để được hỗ trợ tìm kiếm .

Kiểm kê kho

Muốn lập phiếu kiểm kê (loại phiếu PKK)



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Phiếu kiểm kê - Thêm mới

Trước Sau Hoàn Xóa Sửa Cập nhật Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Phiếu kiểm kê LoaiPhieu PKK

Số phiếu KK0001/09 Ngày 30/09/2011 Kho CTY

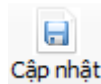
Diễn giải Kiểm kê kho ngày 30/09/2011 Ghi chú

CHI TIẾT

STT	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	SL đầu kỳ	SL nhập	SL xuất	SL tồn	ST
1	BWS	Xe BWS	Chiếc	1.00	0.00	0.00	1.00	
2	CL	Xe Classico	Chiếc	3.00	0.00	0.00	3.00	
3	CX	Xe Cuxi	Chiếc	2.00	0.00	0.00	2.00	
4	EX1S9A	Exciter 1S9A	Chiếc	1.00	0.00	0.00	1.00	
5	EX55P1	Exciter 55P1	Chiếc	5.00	2.00	0.00	7.00	
6	EXC-5P71	Xe Exciter Col	Chiếc	0.00	0.00	0.00	0.00	
7	EXKC-1S94	Xe EXciter không Col	Chiếc	0.00	0.00	0.00	0.00	
8	JPGVDIA-31C2	Xe Jupiter Gravita đĩa	Chiếc	0.00	0.00	0.00	0.00	
9	JPGVDUM-31C1	Xe Jupiter Gravita đùm	Chiếc	0.00	0.00	0.00	0.00	
10	JPGVMAM-31C3	Xe Jupiter Gravita mâm	Chiếc	7.00	0.00	1.00	6.00	
11	JPMXDIA-5B95	Xe Jupiter MX đĩa	Chiếc	2.00	0.00	1.00	1.00	
12	JPMXDUM-5B94	Xe Jupiter MX Đùm	Chiếc	3.00	0.00	0.00	3.00	
13	JPMXMAM-5B96	Xe iupiter MX mâm	Chiếc	0.00	0.00	0.00	0.00	

Vào Nhập xuất > Kiểm kê, lập 1 Phiếu kiểm kê mới, nhập ngày kiểm kê, đến Mã kho chọn Mã kho cần kiểm kê. Khi chọn mã kho xong phần mềm sẽ tự động hiển thị chi tiết danh sách các mặt hàng trong kho tương ứng với Số lượng tồn, Số tiền tồn được tính theo ngày lập phiếu kiểm kê này.

Tại cột Số lượng chênh lệch và Số tiền chênh lệch do người dùng nhập vào sau khi đã kiểm kê (Chỉ nhập cột số lượng, cột số tiền phần mềm sẽ tính). Cột số lượng, số tiền thực tế sẽ bằng số tồn cuối kỳ - số thực tế.



Sau khi kiểm tra, nhập liệu xong bạn nhấn nút

Báo cáo sử dụng nhiên liệu: Xác định lượng nhiên liệu tiêu hao của một phương tiện dựa vào các tiêu chí như dầu tồn đầu, dầu mua vào trong một khoảng thời gian nhất định.

Báo cáo sử dụng nhiên liệu

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng 5

Từ ngày 01/5/2017 ☐ Quý 2

Đến ngày 31/05/2017 ☐ Năm 2017

Lọc theo

Loại BC: Báo cáo sử dụng nhiên liệu theo xe

Số xe: ALL

Lập báo cáo | Nạp lại | Xem phiếu | Xem in | Xuất sang | Tùy chọn | Thoát

Số xe	Tên loại	Nhóm nhà xe	Nhà xe	Loại nhiên liệu	Giá đầu BQ	Dầu tồn đầu	Tiền đầu tồn đầu	Dầu mua vào	Tiền đầu mua vào	Dầu tiêu hao	Tiền đầu tiêu hao
15C_01819			TRUONGPHAT		10,000	540.00	5,400,000	0.00	0	0.00	0
29C_35255	FREIGHTLINER-CL120064ST	TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_37962	FREIGHTLINER-CL120064ST	TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_38056	DAYUN	TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_41904	FREIGHTLINER-ST120064ST	TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_41934	FREIGHTLINER-ST120064ST	TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_41937	FREIGHTLINER-ST120064ST	TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_41976	FREIGHTLINER-CL120064ST	TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_42015		TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_43813	FREIGHTLINER-ST120064ST	TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_90339		TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_90532		TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_90966		TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_90986		TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
29C_90995	FREIGHTLINER-PX125064ST	TA	TRANGAN	Diesel	10,000	0.00	0	0.00	0	0.00	0
Tổng cộng					540.00	5,400,000	0.00	0	0.00	0	0

Xem in Báo cáo hao hụt vật tư

CTY ABC
31 Trần Nhân Tôn - Phường 9 - Quận 5 - Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại : 8390452 - 0908183666

BÁO CÁO CHI TIẾT HAO HỤT VẬT TƯ
Tháng 6 năm 2015

TT	Ngày tháng	Số CT	NHẬP				XUẤT				Tên vật tư	ĐVT	Số xe	SC	KL/chuyển		Hao hụt
			Số HD	Nhà cung cấp	Địa điểm	Người bán	Số HD	Khách hàng	Địa điểm	Người nhận					Nhập	Xuất	
1	20/06/2015	GN0001/06	422-T6	DNTN Đồng Hạng	Xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	Anh Đồng	422-T6	Công ty Công trình giao thông 422	Số 29 Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An	Đội 2	Cát đen	m3	90C01471	5	73	80	7.5
2	20/06/2015	GN0001/06	422-T6	DNTN Đồng Hạng	Xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	Anh Đồng	422-T6	Công ty Công trình giao thông 422	Số 29 Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An	Đội 2	Cát vàng	m3	90C01471	2	30	34	4.0
3	20/06/2015	GN0001/06	422-T6	DNTN Đồng Hạng	Xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	Anh Đồng		Công ty Công trình giao thông 422	Số 29 Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An	Đội 2	Cát vàng	m3	90C01471	2	4		(4.0)
4	20/06/2015	GN0001/06	422-T6	DNTN Đồng Hạng	Xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	Anh Đồng		Công ty Công trình giao thông 422	Số 29 Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An	Đội 2	Cát đen	m3	90C01471	1	8		(7.5)
Tổng cộng														10	114	114	0.0

Người lập (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Giám đốc (Đóng dấu, ký tên)

Ngày tháng năm

6. Phòng kỹ thuật/tổng hợp.

Các nhiệm vụ chính

- Quản lý giấy tờ xe, đăng kiểm và thời gian hết hạn
- Quản lý Đề xuất sửa chữa từ tài xế.
- Quản lý bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo xe/Rơ moóc



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

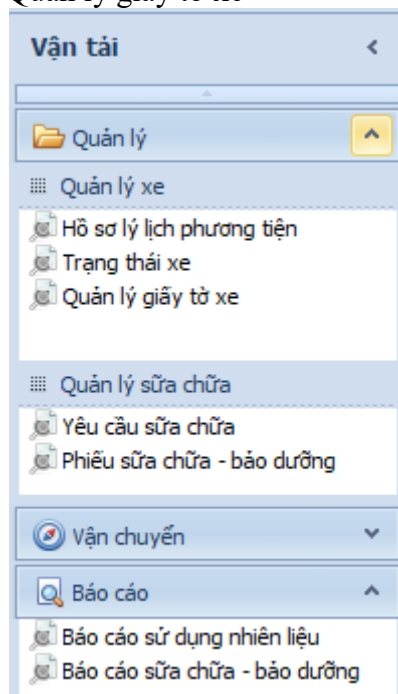
Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

- Theo dõi hồ sơ lý lịch phương tiện.
- Báo cáo sử dụng nhiên liệu.
- Báo cáo sửa chữa bảo dưỡng.

Quản lý giấy tờ xe, đăng kiểm và thời gian hết hạn

Vào phân hệ Vận tải => Quản lý => Quản lý giấy tờ xe



Quản lý giấy tờ xe nhằm hỗ trợ khách hàng nắm bắt được thông tin các loại đăng kiểm, bảo hiểm, giấy tờ liên quan đến xe theo số ngày còn lại hoặc sắp hết hạn để kịp chuẩn bị.

Quản lý giấy tờ xe							
Số xe	Kiểm định số	Ngày kiểm định	Loại	Nội dung	Ngày hết hạn	Thông báo	
34C01490	HBIDV00345630	10/05/2016	4. Giấy tờ khác	Thanh toán tiền gốc ngân hàng BIDV	30/12/2015	Còn 229 ngày nữa	
34C01490	DK19000446	11/05/2015	1. Giấy tờ xe	Hạn đăng kiểm	11/05/2016	Còn 362 ngày nữa	
34C01490	BGPT500454	16/05/2014	2. Bảo hiểm	Bảo hiểm xe	16/05/2015	Còn 1 ngày nữa	

Cây thư mục bên trái là Số xe, số mooc được chương trình hiển thị tự động lấy thông tin từ Đầu xe và Số mooc.

Thao tác :



Để thêm một giấy tờ mới người dùng click chọn số xe tại cây thư mục bên trái và nhấn **Thêm** để thêm các giấy tờ xe phát sinh.

Chọn Loại giấy tờ : Tùy vào từng loại giấy tờ người dùng có thể chọn loại phù hợp, nếu không thuộc các giấy tờ trên người dùng có thể chọn **4. Loại giấy tờ khác**

Mục **Thông tin chung**

Ngày : Là ngày phát sinh các giấy tờ liên quan

Nội dung : Ghi tóm tắt nội dung của giấy tờ

Mã số : Là mã số của giấy tờ xe, bảo hiểm, giấy chứng nhận hoặc các giấy tờ liên quan khác.

Ngày hết hạn : Nếu loại giấy tờ có thời hạn người dùng chọn ngày hết hạn.

Ghi chú : Tùy ý.

Nếu thời hạn của tất cả các loại giấy tờ còn trong khoảng 7 ngày khi khởi động chương trình sẽ tự động thông báo. Như hình dưới.

26

Thông báo sự kiện
 Hiển thị & nhắc nhở các sự kiện sắp tới

Thứ sáu 15/05/2015

Điều kiện lập báo cáo
 Thời gian: Đến ngày:

Số xe	Kiểm định số	Ngày kiểm định	Nội dung	Ngày hết hạn	Thông báo	Ghi chú
▼ Loại: 2. Bảo hiểm						
34C01490	BGPT500454	16/05/2014	Bảo hiểm xe	16/05/2015	Còn 1 ngày nữa	

1 of 1

Theo dõi bảo dưỡng sửa chữa, thay thế

Vào phân hệ Vận tải => Quản lý => Quản lý sửa chữa

Phiếu đề nghị sửa chữa

Trường hợp làm đề xuất Sửa chữa những xe sẽ có kế hoạch sửa chữa trong thời gian tới do tài xế hoặc nhân viên phòng kỹ thuật/thống kê đề nghị.

Phiếu đề xuất sửa chữa

	Loại phiếu	Số phiếu	Ngày lập phiếu	Tài xế	Số xe	Người liên hệ	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Địa chỉ	Diễn giải
▶	DXS	DX0001/12	15/12/2017	NGOCDINH	34C14165	Nguyễn Ngọc Đình	NHOQUANG	Nguyễn Nho Quang		Sửa chữa hệ thống điện

Thêm phiếu đề xuất sửa chữa nhấn **Thêm** trên thanh công cụ.

Có 2 trường hợp

+ Phát sinh sửa chữa bảo dưỡng đột xuất

Phiếu sửa chữa - bảo dưỡng - Thêm mới

Thông tin chung

Tài xế: Nguyễn Hữu Thọ Số xe/Mooc: 34C18523 Số km:

Nơi sửa: CTYMASAN Công ty Cổ phần Masan

Nhóm loại: Sửa chữa Từ ngày: 20/05/2015 Đến ngày: 21/05/2015

Diễn giải: Sửa chữa dàn lạnh

Chứng từ

Số phiếu: SC0004/05

Ngày lập: 31/05/2015

Phiếu đề xuất: Chọn

HT thanh toán: Trả sau

Chi tiết sửa chữa								
Mã HHDV	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Mã kho	Số xe	
▶ SUACHUA	Sửa chữa dàn lạnh	Bộ	1.00	5,350,000	5,350,000	NONE	34C18523	
* Chọn mã hàng ở đây			0	0	0			

Xem in Lưu Lưu & Thêm Xóa Đóng

Thao tác : Người sử dụng phải nhập đầy đủ thông tin các trường Tài xế, Số xe/Mooc, Nơi sửa, Nhóm loại và chọn chi tiết cần sửa chữa.

Tab Thông tin chung

- Tài xế : Tài xế đem xe đi sửa hoặc là chủ xe
- Số xe/Mooc : Xe cần sửa
- Số km : Số km đến thời điểm đi sửa
- Nơi sửa : Là gara hoặc đơn vị sửa xe
- Từ ngày/đến ngày : Thời gian sửa xe
- Nhóm loại : Chọn Bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, khác.
- Phiếu đề xuất : Chọn phiếu đề nghị sửa chữa đã lập.

Tab Chi tiết

- Mã HHDV : Là mã của vật tư, phụ tùng, dịch vụ cần sửa chữa.
- Tên HHDV : Là tên loại cần sửa chữa, có thể diễn giải chi tiết ở đây
- Số lượng : Là số lượng cần sửa chữa, tối thiểu phải nhập là 1
- Đơn giá : Đơn giá cho 1 HHDV sửa chữa
- Mã kho : Nếu là sửa ngoài thì không cần quản lý. Nếu sửa tại Gara công ty người dùng chọn kho cần sửa để chương trình tự động tính tồn kho.



+ Phát sinh sửa chữa bảo dưỡng theo kế hoạch

Nếu đã có phiếu đề xuất sửa chữa người sử dụng chỉ cần nhấn **Thêm** trên thanh công cụ và chọn ngay số **Phiếu đề xuất** chương trình sẽ tự động lấy thông tin đã lập từ **Phiếu đề xuất** trước đó mà không cần phải lập lại. Hình dưới

Ghi chú : Phiếu đề xuất chỉ xuất hiện để chọn khi chưa có **Phiếu sửa chữa – bảo dưỡng** nào trước đó đã chọn.

Chuyển đổi phụ tùng giữa các xe

Vị trí : Phân hệ nhập xuất => Phiếu chuyển phụ tùng theo xe

Trường hợp này được thực hiện khi chuyển đổi phụ tùng từ xe này sang xe kia. Khi chuyển đổi phụ tùng chương trình sẽ phân bổ phụ tùng này cho xe nhận.

Nhấn **Thêm** trên thanh công cụ để lập phiếu chuyển phụ tùng

Phiếu chuyển phụ tùng theo xe - Thêm mới

Trước Sau Thêm Hủy Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Phiếu chuyển phụ tùng theo xe Loại phiếu: SKK

Thông tin chung

Mã đối tượng: NONE + (None)

Địa chỉ:

Người giao:

Diễn giải: Chuyển máy lạnh từ xe 34C01490 sang xe 34C04614

Chứng từ

Số CT: SK0001/05

Ngày CT: 15/05/2015

Thông tin khác

Nghiệp vụ	Xe xuất	N.Viên xuất	Xe nhận	N.Viên nhận	Chứng từ LH	Ngày liên hệ
	34C01490	ANH DUNG	34C04614	NGOCDINH		

Chi tiết Mã tiền tệ: VND 1

1. Lệnh điều xe 2. Hàng hóa 3. Hạch toán 4. Hóa đơn GTGT 5. Chi phí

Mã HHDV	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Đ.giá ntệ	Ngoại tệ	Ngoại tệ gó
I CC00000001	Máy điều hòa Cabin		1.00	20,000,000	20,000,000		0	
* Chọn mã hàng ở đây			0	0	0	0	0	

Số dòng: 1

Tiền hàng: 20,000,000 Tiền CK: 0 Tiền VAT: 0 Thanh toán: 20,000,000

Giải thích :

- Mã đối tượng : Nếu quản lý nội bộ người sử dụng chọn **NONE**
- Số CT : Số chứng từ tự động tăng theo tháng của năm.
- Nghiệp vụ : Không chọn (Hoặc dành cho một số trường hợp đặc biệt)
- Xe xuất : Là xe chuyển phụ tùng đi
- Xe nhận : Là xe nhận phụ tùng từ xe xuất.
- Tab **Chi tiết** : Chọn mã phụ tùng chuyển, số lượng, đơn giá, Số tiền.

Sau khi chuyển phụ tùng người dùng có thể vào xem báo cáo tồn kho, sổ chi tiết vật tư, thẻ kho theo từng xe.

Xem hồ sơ lý lịch phương tiện



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

HỒ SƠ LỊCH PHƯƠNG TIỆN

Biển kiểm soát : 43c_01763

Số máy :

Số khung :

Nhãn hiệu : Tải - Hovo - 12T

Chủ sở hữu :

Nước SX :

Năm SX : 0

Cải tạo :

Nguyên chiếc :

Trọng tải : 0

Thuộc sở hữu (Hoặc quản lý sử dụng) từ ngày :/...../.....

BẢNG THEO DÕI QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA

Năm : 2015

I - Quá trình hoạt động (Số KM, số chuyến)

STT	Nội dung	Tháng												Tổng cộng
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Km xe chạy trong tháng						367							367
	Km xe chạy lũy kế	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,367	15,367	15,367	15,367	15,367	15,367	15,367	15,367
2	Số chuyến trong tháng						3							3
	Số chuyến xe lũy kế	120	120	120	120	120	123	123	123	123	123	123	123	123

II - Quá trình bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo

STT	Nội dung	Tháng												Số tiền	T/g BDSC Cải tạo thực tế	Địa điểm BDSC Cải tạo
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
3	Sửa chữa Sửa chữa giàn đèn sau						v							3,500,000	05/06/2015	Công ty CP Thiết Bị Điện Mạnh Hùng

Hồ Chí Minh, ngàyTháng..... năm.....

Xem báo cáo sửa chữa – bảo dưỡng

Báo cáo sửa chữa - bảo dưỡng

Điều kiện

Thời gian

☐ Báo cáo theo ngày ☐ Tháng

Từ ngày ☐ Quý

Đến ngày ☐ Năm

Lọc theo

Tài xế

Số xe

Loại phiếu	Số phiếu	Ngày lập phiếu	Nhóm	Tài xế	Số xe	Từ ngày	Đến ngày	Mã HHDV	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền
SXX	PS0001/05	10/05/2015	Sửa chữa	HUUTHO	34C06244			LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont		1.00	500,000	500,000
SXX	PS0002/05	11/05/2015	Sửa chữa	NGOCDINH	34C08745			LOPK400S1	Lốp đầu xe Cont		3.00	700,000	2,100,000
SXX	SC0003/05	15/05/2015	Sửa chữa	NGOCDINH	34C14165			SUACHUA	Sửa chữa	Bộ	1.00	6,000,000	6,000,000

Xem trạng thái toàn bộ xe công ty đang hoạt động



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Trạng thái xe

Số xe	Tên loại	Chủ xe	Khu vực	Trạng thái
34C08861	Xe 34C08861			Hoàn thành/chỗ...
34C01490	Xe 34C01490			Hoàn thành/chỗ...
34C08745	Xe 34C08745			Đã nhận lệnh
34C10520	Xe 34C10520			Chờ nhận lệnh
34C10597	Xe 34C10597			Hoàn thành/chỗ...
34C12429	Xe 34C12429			
34C14983	Xe 34C14983			
34C15018	Xe 34C15018			
34C14880	Xe 34C14880			
34C06244	Xe 34C06244			Chờ nhận lệnh
34C12305	Xe 34C12305			
34C04614	Xe 34C04614			Chờ nhận lệnh
34C14165	Xe 34C14165			

7. Phòng nhân sự

Ghi chú : Đối với người sử dụng phân hệ Nhân sự có thể tải file hướng dẫn sử dụng kế toán tại website : www.winta.com.vn mục sản phẩm **Phần mềm nhân sự tiền lương** xem hướng dẫn chi tiết.

Quản lý chung

- Thông tin về hồ sơ lý lịch
- Quản lý tuyển dụng
- Thông tin đào tạo
- Điều chuyển lao động
- Quản lý thời gian
- Khen thưởng kỷ luật
- Chăm công
- Tính lương (Lương tài xế, văn phòng, kỹ thuật, thời vụ,...)
- Quản lý Bảo hiểm
- Quản lý thuế TNCN
- Quản lý danh mục dùng chung
- Hệ thống báo cáo tổng hợp/chi tiết

Lập bảng lương vận chuyển

Vị trí : Phân hệ tính lương => Tiền lương => Lập bảng lương.

Thêm bảng lương mới NSD nhấn lệnh "Thêm tại danh sách bảng lương" sẽ xuất hiện như hình dưới.

Thao tác : Chọn tháng, năm sau đó chọn phòng ban và nhấn “Đồng ý “ sẽ xuất hiện bảng lương như hình dưới.

Chosen nhân viên Loại bỏ Tinh lai lương Tra lương Sua In Refresh Thoát									
Lập bảng lương Tìm theo : Nội dung tìm :									
Bảng lương Chi tiết trả lương									
Số CT: BL0001/06 Ngày: 30/06/2015 Tổng hợp Chi tiết Hiện thị các khoản l									
Mã N.viên	Tên nhân viên	Chức vụ	Số xe	Lương cơ bản	Tiền tạm ứng	Số tiền công	Tổng phụ cấp	Tổng lương	Khấu trừ
ANH DUNG	Nguyễn Anh Dũng			0	2,500,000	1,950,000	200,000	2,150,000	2,500,000
HUUTHO	Nguyễn Hữu Thọ	Lái xe		0	6,000,000	850,000	0	850,000	6,000,000
QUOCANH	Lê Quốc Anh			0	2,500,000	500,000	0	500,000	2,500,000

Click “Chi tiết”

Lập bảng lương

Bảng lương Chi tiết trả lương

Số CT: BL0001/06 Ngày: 30/06/2015

Tổng hợp Chi tiết Hiển thị các khoản lương công ty đóng

Chọn trả	Mã N.viên	Tên nhân viên	Chức vụ	Số xe	Lương cơ bản	Tiền tạm ứng	Số tiền công	Tổng phụ cấp	Tổng lương	Khấu trừ
☐	ANH DUNG	Nguyễn Anh Dũng			0	2,500,000	1,950,000	200,000	2,150,000	2,500,000
☐	HUUTHO	Nguyễn Hữu Thọ	Lái xe		0	6,000,000	850,000	0	850,000	6,000,000
☐	QUOCANH	Lê Quốc Anh			0	2,500,000	500,000	0	500,000	2,500,000

Danh sách nhân viên tính lương

Thu nhập

Mã khoản	Tên khoản	Số tiền	Ngày
LươngChuyen	Lương chuyển	850,000	30/06/2015
LươngChuyen	Lương chuyển	250,000	30/06/2015
LươngChuyen	Lương chuyển	850,000	30/06/2015

Các khoản phát sinh trong tháng

Khấu trừ

Mã khoản	Tên khoản	Số tiền	Ngày	Ghi chú
TamUng	Tạm ứng	500,000	30/06/2015	Quyết
TamUng	Tạm ứng	2,000,000	30/06/2015	Quyết

Các khoản khấu trừ trong tháng

Cập nhật

Mô tả :

Các khoản thu nhập trong tháng : Là những khoản phát sinh từ chứng từ hoặc phát sinh thêm như tiền “Phụ cấp hiệu quả công việc” thưởng thêm cho nhân viên đã chọn trong tháng trên.

Các khoản khấu trừ trong tháng : Là những khoản phát sinh do nhân viên tạm ứng từ các chứng từ hay các khoản tiền đóng (tiền đồng phục) hoặc các khoản bồi thường thiệt hại cho công ty, tiền phạt, vv...

Thao tác : Chọn “Mã khoản” từ thu nhập hoặc khấu trừ. Nhập số tiền sau đó nhấn “Cập nhật” và nhấn “Tính lại lương”.

Nếu trả lương cho nhân viên. NSD tick chọn “Chọn trả” hoặc click phải chuột như hình dưới.

Lập bảng lương

Bảng lương Chi tiết trả lương

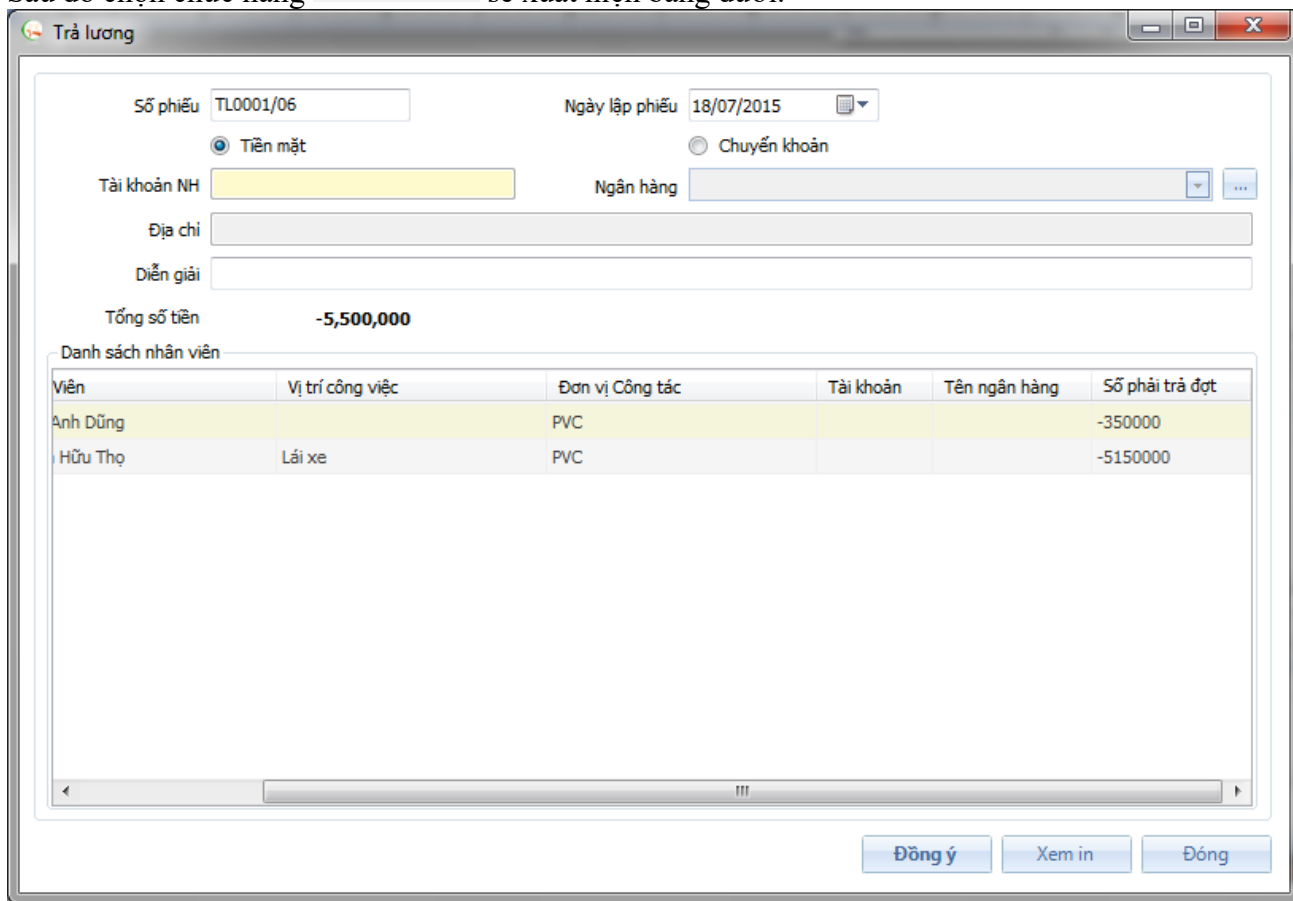
Số CT: BL0001/06 Ngày: 30/06/2015

Tổng hợp Chi tiết Hiển thị các khoản lương công ty đóng

Chọn trả	Mã N.viên	Tên nhân viên	Chức vụ	Số xe	Lương cơ bản	Tiền tạm ứng	Số tiền
☐	ANH DUNG	Nguyễn Anh Dũng			0	2,500,000	
☐	HUUTHO	Nguyễn Hữu Thọ	Lái xe		0	6,000,000	
☐	QUOCANH	Lê Quốc Anh			0	2,500,000	

- ✓ Tick chọn nhân sự trả lương theo Tiền mặt
- ✓ Tick chọn nhân sự trả lương theo Chuyển khoản
- ✓ Tick chọn những nhân sự chưa Tick
- ✓ Tick chọn tất cả
- ✗ Tick bỏ chọn tất cả
- 📄 Xuất sang Excel
- 📄 Thêm khoản lương đồng loạt

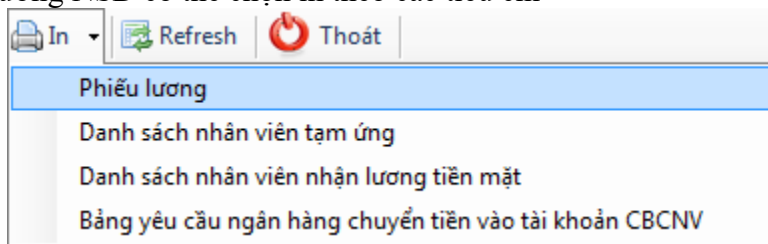
Sau đó chọn chức năng  **Trả lương** sẽ xuất hiện bảng dưới.



Viên	Vị trí công việc	Đơn vị Công tác	Tài khoản	Tên ngân hàng	Số phải trả đợt
Anh Dũng		PVC			-350000
Hữu Thọ	Lái xe	PVC			-5150000

NSD chọn hình thức cần trả là “Tiền mặt” hoặc “Chuyển khoản” sau đó nhấn “Đồng ý” nếu thực hiện trả lương.

Tại chứng từ bảng lương NSD có thể chọn in theo các tiêu chí



In phiếu lương

Tham số báo cáo

Ngôn ngữ: Tiếng Việt

Đơn vị Công tác: Phòng vận chuyển

S	Mã N.viên	Tên nhân viên
☒	ANHDUNG	Nguyễn Anh Dũng
☒	HUUTHO	Nguyễn Hữu Thọ
☒	QUOCANH	Lê Quốc Anh

☒ Bỏ chọn tất cả

Đồng ý Đóng

Chọn phòng sau đó chọn các nhân viên cần xem in.

PHIẾU LƯƠNG & THU NHẬP
 Lương tháng: 06/2015
 Phòng : Phòng vận chuyển

Họ tên	Nguyễn Anh Dũng	Mã NV	ANHDUNG	
Chi tiết			Thành tiền	Ký nhận
Thu nhập theo công				
Nợ lương tháng trước				
Thu nhập vận chuyển			1,950,000	
Các khoản phụ cấp	Điện thoại		200,000	
	Lốp			
	Khác			
Tổng thu nhập			2,150,000	
Các khoản phải trừ	Khác			
	Trừ tạm ứng			
Còn lại thực nhận			-350,000	

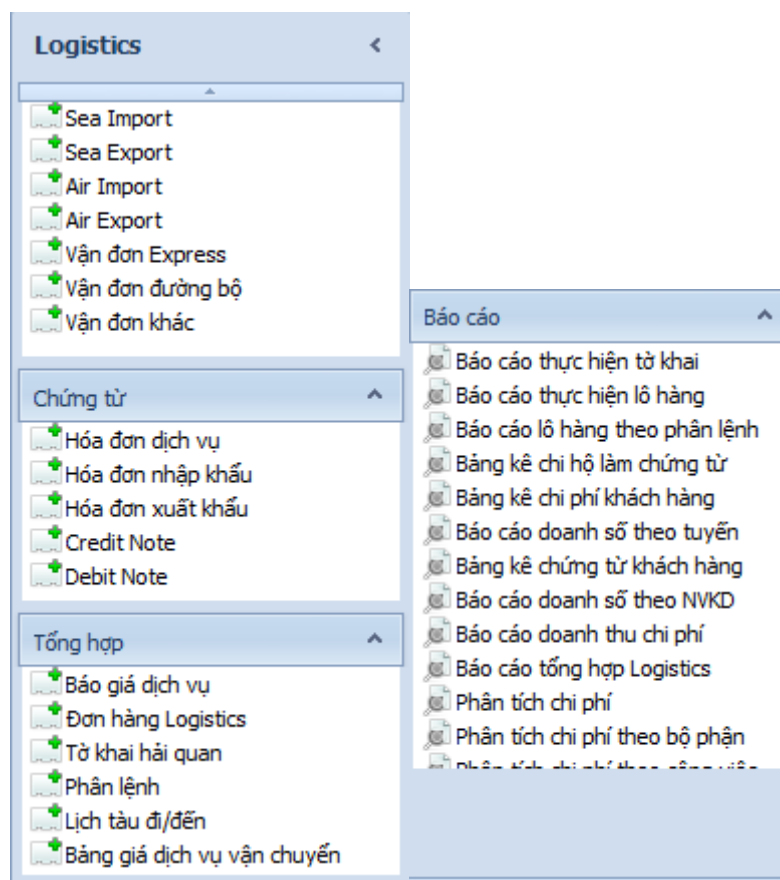
PHIẾU LƯƠNG & THU NHẬP
 Lương tháng: 06/2015
 Phòng : Phòng vận chuyển

Họ tên	Nguyễn Hữu Thọ	Mã NV	HUUTHO	

Cuối cùng NSD lập phiếu chi tổng lương đã trả cho nhân viên.

B. NGHIỆP VỤ LOGISTICS

I- Quy trình chứng từ nhập khẩu.



Từ giao diện phân hệ Logistics này người dùng có thể thực hiện các chức năng đối với hàng nhập và xuất khẩu.

1. Các danh mục

- Danh mục hãng tàu
- Danh mục đại lý hải quan
- Cảng/cửa khẩu
- Cục hải quan
- Chi cục hải quan
- Hãng hàng không
- Người gửi/người nhận
-

Để thêm/xóa/sửa và một số các thao tác khác trên “Thông tin chi tiết” người dùng Click phải chuột sẽ hiển thị Menu các chức năng như hình dưới.

Thông tin chi tiết		
Hãng tàu	Cảng đi	Số hiệu
RIZHAOIRON	DAD	008N
▶ SINOKOR	▼ CAT	148W
* Nhập/Chọn	 Thêm dòng chi tiết  Chèn dòng chi tiết  Nhân bản chi tiết  Xóa dòng chi tiết  Xóa hết chi tiết  Sắp xếp cột hiển thị  Refresh dữ liệu	

Cuối cùng người dùng nhấn “Lưu” để hoàn tất hoặc “Lưu & Thêm” để lưu hoàn tất và thêm lịch tàu mới.

3. Báo giá gửi khách hàng

Thao tác :

Người dùng vào phân hệ Logistics => Công việc => Tổng hợp => Báo giá dịch vụ

Cách 2 : Vào thanh công cụ tại menu Shipping => Nghiệp vụ => Báo giá dịch vụ

Sẽ xuất hiện danh sách các báo giá trong tháng như hình dưới

 Thêm	 Xóa	 Xem	 Tìm kiếm	 Refresh	 Xem in	 Tiện ích	 Thoát
Báo giá dịch vụ							
Loại phiếu	Số phiếu	Ngày lập phiếu	Mã nhân viên	Người mua	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Địa chỉ
▶ LBG	QS0001/09	10/09/2017	A.SANG		NTBAY	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY VINH NHA TRANG	42 Cao

Click “Thêm” để tạo báo giá mới cho khách hàng. Hình dưới

Báo giá dịch vụ - Thêm mới

Trước Sau Thêm Hoàn Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Báo giá dịch vụ Loại phiếu LBG

Thông tin chung

Mã đối tượng: NTBAY + CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY VINH NHA TRANG

Địa chỉ: 42 Cao Thắng - Phường Phước Long - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

Mã số thuế: 4200399766 Người giao dịch:

PTTT: CK Tài khoản NH:

Diễn giải:

Chứng từ

Số phiếu: Q50001/09

Ngày lập phiếu: 10/09/2017 12:00:00 AM

Mã nhân viên	Thuế GTGT (%)	Tỷ lệ CK	Ngày Hiệu Lực
A.SANG	0	0	

Chi tiết Mã T.T: VND 1.00

1. Hàng hóa		2. Thông Tin Khác		ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Lịch tàu	Tỷ lệ CK	Tiền CK	Mã T.T	Tỷ giá	Đ.giá ntê	Ngoại
OF	Cước vận chuyển đường biển	40CP	3.00	3,000,000	9,000,000	LB0001/09	0.00	0 VND	1.00	0				
TRUCKING	Phí vận tải	40CP	3.00	1,500,000	4,500,000		0.00	0 VND	1.00	0				
DOC	Phụ phí chứng từ	Set	1.00	2,000,000	2,000,000		0.00	0 VND	1.00	0				
*			0	0	0		0	0 VND	0	0				

Số dòng: 0 Tiền hàng 15,500,000 Tiền CK 0 Tiền thuế VAT 0 Thanh toán 15,500,000

Thao tác :

Nhập thông tin chung

Số phiếu chương trình tự động lập, người dùng có thể nhập theo ý.

Người sử dụng chọn Mã đối tượng là khách hàng cần báo giá, PTTT,.. và một số thông tin khác.

Nhập thông tin chi tiết hàng hóa, dịch vụ

Người dùng chọn các chi phí và nhập đơn giá VND hoặc ngoại tệ tùy theo yêu cầu công việc thực tế.

Nhập thông tin khác (nếu cần). Hình dưới

1. Hàng hóa	2. Thông Tin Khác
COMMODITY	
PICK UP/ RETURN AT	
STUFFING AT	
Ghi chú giá net	
Ngày giao	
Vào lúc	

Cuối cùng kiểm tra lại các thông tin nhập liệu và nhấn "Lưu" để hoàn tất báo giá.

4. Tạo đơn hàng

Thao tác

Người dùng vào phân hệ Logistics => Công việc => Tổng hợp => Đơn hàng Logistics

Cách 2 : Vào thanh công cụ tại menu Shipping => Nghiệp vụ => Đơn hàng Logistics

Sẽ xuất hiện danh sách các báo giá trong tháng như hình dưới



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Thêm Xóa Xem Tìm kiếm Refresh Xem in Tiện ích Thoát

Đơn hàng Logistics

Loại phiếu	Số phiếu	Ngày lập phiếu	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Địa chỉ
DHL	PL0001/09	11/09/2017	NTBAY	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY VINH NHA TRANG	42 Cao Thắng

Click “Thêm” để tạo báo giá mới cho khách hàng. Hình dưới

Booking Order - Thêm mới

Đơn hàng Logistics Loại phiếu DHL

Thông tin chung

Mã KH: NTBAY CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY VINH NHA TRANG

Địa chỉ: 42 Cao Thắng - Phường Phước Long - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

Mã số thuế: 4200399766 Người giao dịch:

PT thanh toán: COLLECT Tài khoản NH:

Diễn giải:

Chứng từ

Đơn hàng số: PL0001/09

Ngày đơn hàng: 11/09/2017 12:00:00 AM

Bảng báo giá	Mã nhân viên	Mã bảng giá	Mã hợp đồng	COMMODITY	PICK UP/ RETURN AT	Ngày giao	Tình trạng ĐH	Khu vực
QS0001/09							Chưa thực hiện	

Chi tiết Mã T. Tệ VND 1.00

Hàng hóa, dịch vụ Thông tin khác

Chi phí			Giá bán					VND			
Mã chi phí	Tên chi phí	Diễn giải	Mã T. Tệ	Tỷ giá bán	ĐG N. tệ bán	Tiền N. tệ bán	Tiền thuế...	Tổng ngoại tệ	Đơn giá bán	Thành tiền	Ti
I OF	Cước vận chuyển đường biển		VND	1.00	0.00	0.00		0	3,000,000	9,000,000	
TRUCKING	Phí vận tải		VND	1.00	0.00	0.00		0	1,500,000	4,500,000	
DOC	Phụ phí chứng từ		VND	1.00	0.00	0.00		0	2,000,000	2,000,000	
* NONE			VND	0	0	0		0	0	0	

Tổng cộng

Tiền cước: 15,500,000 Tiền Phí: 0 Tiền CK: 0 Tiền VAT: 0 **Thanh toán: 15,500,000**

Nhấn bản Lưu Lưu & Thêm Xóa Xem in Đóng

Thao tác :

Nhập thông tin chung

Số phiếu chương trình tự động lập, người dùng có thể nhập theo ý.

Người sử dụng chọn Mã đối tượng là khách hàng cần lập đơn hàng sau khi đã thống nhất báo giá, PTTT,.. và một số thông tin khác.

Ghi chú : Khi lập đơn hàng và chọn đối tượng cần lập đơn hàng chương trình tự động hiển thị các báo giá đã báo cho đối tượng này trước đó tại trường “**Bảng báo giá**”. Khi chọn số báo giá chương trình tự động lấy thông tin từ báo giá trước đó vào đơn hàng thay vì phải nhập liệu lại.

Nhập thông tin khác

Người dùng có thể nhập thêm thông tin vào tab này.



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

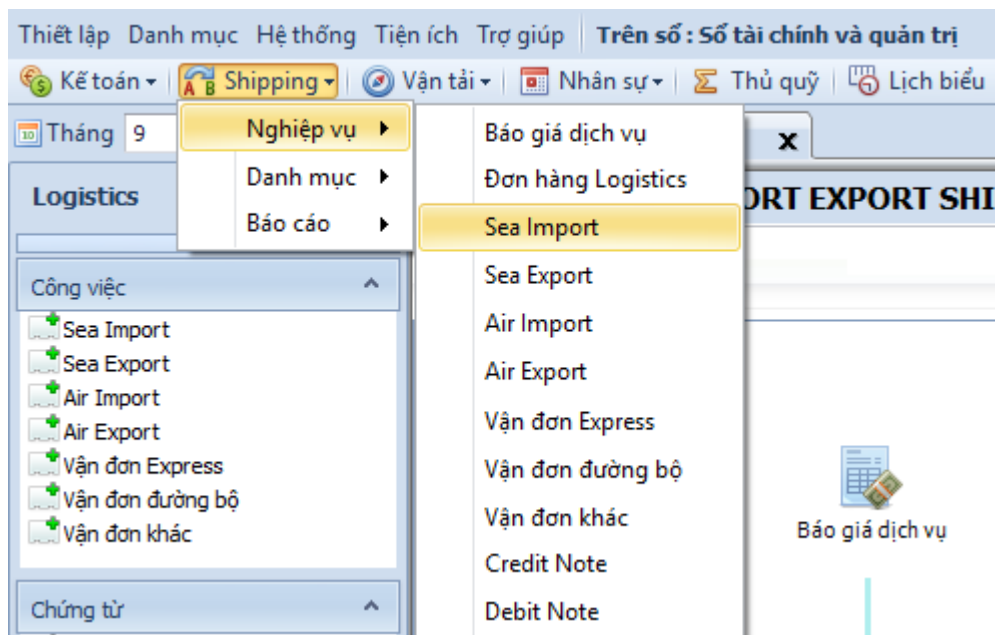
Cuối cùng kiểm tra lại các thông tin nhập liệu và nhấn "Lưu" để hoàn tất đơn hàng.

5. Tạo công việc hàng nhập

Thao tác :

Người dùng vào phân hệ Logistics => Công việc => Sea Import/Air Import.

Cách 2 : Thao tác như hình dưới



Sau khi chọn chức năng tạo công việc hàng nhập khẩu theo từng loại hình chương trình sẽ xuất hiện danh sách các công việc nhập khẩu như hình dưới.

Sea Import											
	Loại phiếu	Số Job	Ngày	Master Bill	Số vận đơn	C.từ Dịch vụ	Loại dịch vụ	Cảng xếp	Cảng dỡ	Trạng thái	Số kiện
▶	JSI	SI17090001	15/09/2017		SI17090001A	HC0001/09	CFS-CFS	DAD	ARU	OPEN	0

Để thêm mới một công việc hoặc một Booking người dùng nhấn "Thêm" sau đó nhập các thông tin như hình dưới.

Sea Import - Thêm mới

Sea Import Trạng thái: **OPEN**

Thông tin công việc		Đơn hàng	Container	Giá mua/bán	Chi phí Logistics	Phải trả khác (Credit)	Phải thu khác (Debit)	Sales Profit	File đính kèm
Số Job	SI17090001	Loại dịch vụ	CFS-CFS	Nhân viên KD	A.SANG				
Ngày lập	15/09/2017 12:00:00 AM	Bộ phận	SEA IMPORT	Loại tiền Tỷ giá	USD	23,325.00			

Thông tin vận chuyển

Lịch tàu	LB0001/09	Cảng đi	DANANG, VIETNAM	Cảng chuyển tải	Chọn
Hãng tàu	RIZHAO IRON BULL FITNESS IN	Cảng đến	ABURATSU, JAPAN	PT chuyển tải	0
Tên tàu Số chuyến	SINAR BATAM 008N	Ngày khởi hành	17/09/2017 12:00 AM	Ngày đến	25/09/2017 12:00 AM

Vận đơn, tờ khai: Hàng hóa Đại lý hải quan

Lập hóa đơn dịch vụ Xóa Xem Fresh Loại vận đơn: HBL + Tạo vận đơn

Loại	Số vận đơn	Ngày vận đơn	Loại dịch vụ	Cảng xếp	Cảng dỡ	Mã khách gửi	Tên khách gửi	Mã khách nhận	Tên khách nhận	Tên khách thông báo	Tên chủ
------	------------	--------------	--------------	----------	---------	--------------	---------------	---------------	----------------	---------------------	---------

Nhấn bản Lưu Lưu & Thêm Xem In Đóng

- Thông tin công việc: Người dùng Nhập các thông tin cần thiết. Trường Số Job do chương trình tự động lập, các trường bắt buộc phải nhập là : Hãng tàu, Cảng đi, Cảng đến, Ngày khởi hành, Ngày đến, Tên tàu, số chuyến. Các trường còn lại nhập càng đầy đủ càng tốt.
- Đơn hàng:
Hình dưới đây là danh sách các đơn hàng cho công việc/Booking này.

Sea Import - Thêm mới

Sea Import Trạng thái: **OPEN**

Danh sách đơn hàng

Loại phiếu	Số phiếu	Ngày lập phiếu	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Địa chỉ	Bảng báo giá	PTTT	Thuế GTGT (%)	Tỷ lệ CK	User thêm	Ngày giờ thêm
------------	----------	----------------	--------------	---------------	---------	--------------	------	---------------	----------	-----------	---------------

Chọn Xóa Loại bỏ Xem Refresh Thêm

Thao tác

Nếu phòng kinh doanh đã lập đơn hàng Logistics thì người lập công việc này chỉ việc chọn các đơn hàng đã lập bằng cách Click "Chọn" chương trình sẽ xuất hiện danh sách các đơn hàng đã lập. Hình dưới.

Thao tác

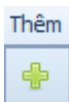
Chương trình lấy từ ngày/đến ngày cần chọn đơn hàng là từ ngày đầu tháng đến ngày lập công việc. Người dùng có thể chọn lại từ ngày/đến ngày và nhấn "Lập số liệu" sau đó Tick chọn các đơn hàng cho công việc/Booking sau đó Click "Chọn" để hoàn tất việc chọn đơn hàng. Màn hình sau khi chọn đơn hàng

Ngoài ra thay vì lập đơn hàng trước lập công việc người có thể thêm đơn hàng mới tại đây bằng các Click "Thêm" để thêm đơn hàng và thao tác nhập liệu đối với đơn hàng như hướng dẫn ở trên.

- Container: Phần mềm sẽ tự động cập nhật số container theo các vận đơn đã chọn hoặc nhập trực tiếp trên lưới dữ liệu.

Người dùng có thể nhập danh sách các Container, và các thông tin của Cont tại lưới này để lập Packing list hoặc để lập kế hoạch vận chuyển hoặc nếu đã nhập chi tiết Container tại các vận đơn/tờ khai người dùng chọn chức năng “Lấy thông tin từ vận đơn” chương trình sẽ tự động thêm các thông tin của các Cont tại đây.

- Giá mua/bán : Chương trình tự động hiển thị từ thông tin giá mua bán trên vận đơn đã lập.
- Chi phí Logistics : Chương trình tự động hiển thị từ các chi phí đã lập trong các vận đơn của công việc này hoặc người dùng có thể thêm các chi phí khác cho công việc này.
- Phải trả khác (Credit) : Là các chi phí phát sinh khác như chi trả tiền hoa hồng, chênh lệch tỷ giá.....
- Phải thu khác (Debit) : Là các khoản phát sinh khác như thu hộ, thu khác....
- Sales Profit : Chương trình tự động thống kê doanh thu, chi phí, lãi lỗ của công việc/Booking này.
- Chứng từ file đính kèm: Người dùng có thể đính kèm các file, chứng từ lưu trên máy tính tại đây. Chọn vào



biểu tượng để thêm file đính kèm.

- Người dùng thêm các thông tin chi tiết công việc tại tab: Hàng hóa (Mô tả chung, nếu cần), Đại lý hải quan.
- Sau khi người dùng đã nhập đầy đủ các thông tin trên => Chọn "**Lưu**" để thêm các vận đơn hoặc "**Lưu & thêm**" để lưu công việc đang thao tác và sang công việc mới.

Tại Tab Vận đơn, tờ khai người dùng khai báo thông tin chi tiết của từng vận đơn, tờ khai bằng cách chọn "Loại vận đơn" và Click "Tạo vận đơn" như hình dưới.

The screenshot shows the 'Sea Import - Thêm mới' window. The 'Vận đơn, tờ khai' tab is selected, and the 'Loại vận đơn' dropdown is set to 'HBL'. The 'Tạo vận đơn' button is highlighted with a red box.

Có các loại vận đơn, tờ khai cần lập như dưới đây :

Loại vận đơn		HLB + Tạo vận đơn
Mã khách nhận	Tên khách	
	Mã số	Tên
	MBL	Vận đơn hãng tàu
	HLB	Vận đơn Forwarder phát hành
	SBL	Vận đơn Surrendered
	EBL	Vận đơn Express
	CBL	Vận đơn Customs
	FBL	Vận đơn FIATA
	SEBL	Vận đơn Seaway
	OTHER	Vận đơn khác
	ICUS	Tờ khai nhập khẩu
	ECUS	Tờ khai xuất khẩu
Lưu Lưu & Thoát		

Lưu ý : Ngoài các vận đơn trên tại công việc này người dùng có thể khai báo thông tin tờ khai nhập khẩu (Mã số ICUS), tờ khai xuất khẩu (Mã số ECUS) chương trình sẽ hiển thị thông tin tờ khai xuất nhập khẩu và thao tác nhập liệu như hướng dẫn trên.

Khi lập thông tin công việc chương trình luôn mặc định loại vận đơn là 'HLB' do các nhà Forwarder phát hành. Tùy theo từng nghiệp vụ mà người dùng chọn loại Vận đơn phù hợp.

a) Vận đơn HBL – Bill Of Lading

Sau khi nhấn "Tạo vận đơn" chương trình xuất hiện mẫu nhập liệu như hình dưới đây .

SEA IMPORT - Thêm mới

BILL OF LADING - SEA IMPORT

Số vận đơn: SI17090001A

Người gửi		Người nhận		Người được thông báo	
Mã số	A003	Mã số	NTBAY	Mã số	NTBAY
Tên	FREIGHTNET INTERNATIONAL PTY., LTD	Tên	NHA TRANG BAY TEXTILE AND GARMENT IMPORT-EXPORT STOCK COMPANY	Tên	NHA TRANG BAY TEXTILE AND GARMENT IMPORT-EXPORT STOCK COMPANY
Địa chỉ	PO BOX 537 TULLAMARINE VIC 3043, AUSTRALIA.	Địa chỉ	42 CAO THANG STR, PHUOC LONG WARD, NHA TRANG CITY, KHANH HOA PROVINCE, VIET NAM	Địa chỉ	42 CAO THANG STR, PHUOC LONG WARD, NHA TRANG CITY, KHANH HOA PROVINCE, VIET NAM
Điện thoại	(613) 9335 4511	Điện thoại	84918515659	Điện thoại	84918515659
Fax	(613) 9335 2482	Fax		Fax	
Liên hệ		Liên hệ		Liên hệ	
Email		Email		Email	

Thông tin chung | Hàng hóa dịch vụ | Vị trí | Hợp đồng/hóa đơn | Giá mua/bán | Chi phí Logistics | File đính kèm | Thông tin khác

Loại vận chuyển	FCL/FCL	Địa điểm nhận	DANANG, VIETNAM	Ghi chú
PT thanh toán	COLLECT	Địa điểm giao	ABURATSU, JAPAN	
Loại tiền	USD	Tỷ giá	23,325.00	
Cước vận chuyển	0	Số bản vận đơn gốc	1.	
Cước trả trước	0	Nơi phát hành	HO CHI MINH, VIETNAM	
Cước trả sau	0	Ngày phát hành	15/09/2017	
Trả trước tại		Loại xử lý	Draft	
		Trạng thái	Nhập mới	
Thủ tục yêu cầu khi nhận vận đơn gốc				Giấy giới thiệu, Chứng minh nhân dân

Nhấn bản | Lập hóa đơn dịch vụ | Lưu | Lưu & Thêm | Xem in | Đóng

Thao tác :

Nhập thông tin Người gửi, Người nhận, Người được thông báo. Nếu thông tin Người nhận và Người được thông báo là cùng một đơn vị người dùng chỉ việc chọn thông tin người nhận sau đó Click

Người được thông báo

Mã số NTBAY  Người nhận chương trình sẽ lấy thông tin Người được thông báo từ thông tin Người nhận.

Sau đó người dùng nhập một số thông tin khác của vận đơn này càng đầy đủ càng tốt.

Lưu ý :

Người dùng lưu ý đến trường **Loại xử lý** và trường **Trạng thái** của vận đơn. Đối với hàng nhập khẩu các nhà Forwarder không phát hành vận đơn nhưng đối với hàng xuất tùy theo hai trường này chương trình sẽ in các loại vận đơn khác nhau.

Tab Hàng hóa dịch vụ



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

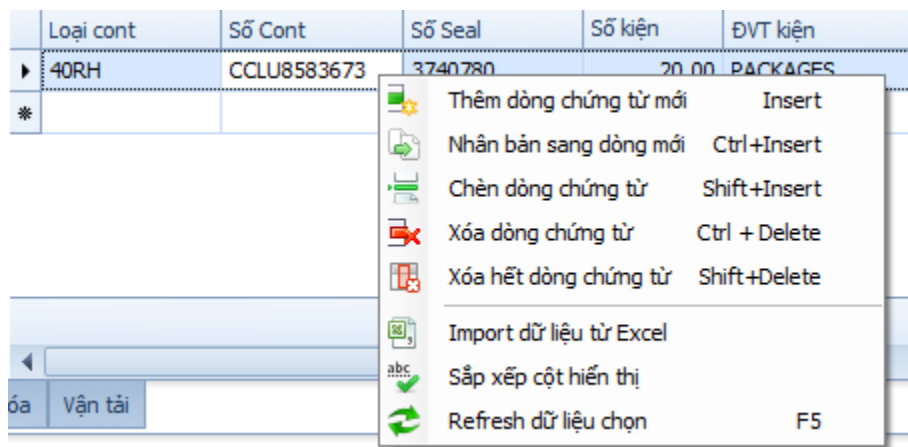
Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Thông tin chung		Hàng hóa dịch vụ		Vị trí		Hợp đồng/hóa đơn		Giá mua/bán		Chi phí Logistics		File đính kèm		Thông tin khác	
Số kiện Loại	20	Cont20	0	Cont40	1	Cont45	0	Hạn lưu Cont	Lấy thông tin từ tờ khai						
Tổng trọng lượng	3,450.00	Loại cont	40RH	Số Cont	CCLU8583673	Số Seal	3740780	Số kiện	20.00	ĐVT kiện	PACKAGES	Số lượng	3,450.00	ĐVT	KGS
Số khối (cbm)	8														
Số lượng Cont	1														
Thông tin niêm phong															
Số lượng Seal	1														
Bên niêm phong	Chọn														
Ghi chú Seal															
		20.00 3,450.00 8.00													
Container		Mô tả, ghi chú hàng hóa Chi tiết hàng hóa Vận tải													

Thao tác

Nhập thông tin của công ở chi tiết Container. Chương trình sẽ tự động tổng cộng lại theo từng số kiện, số khối, số lượng Cont. Tại cột Mô tả hàng hóa người dùng có thể mô tả riêng cho từng Cont khác nhau nếu các mặt hàng trong Cont khác nhau.

Để thao tác nhanh hơn cũng như sử dụng một số chức năng mở rộng người dùng Click phải vào chi tiết Container để hiển thị chức năng như hình dưới.



Thao tác :

- Khi thêm dòng Cont mới bạn chọn Loại cont và nhập các thông tin của công hoặc Click "Thêm dòng chứng từ mới" chương trình sẽ hiển thị dòng trống mới để bạn nhập.
- Trường hợp bạn muốn nhập nhanh hơn bạn có thể "Nhập bản sang dòng mới" và nhập lại các thông tin cần thay đổi.
- Khi nhập sai hoặc muốn xóa dòng nào bạn chọn vào dòng đó và chọn chức năng "Xóa dòng chứng từ". Trường hợp xóa hết bạn chọn "Xóa hết dòng chứng từ"
- Trên mỗi menu chức năng đều có phím tắt thay vì bạn luôn phải dùng chuột để Click.

Ngoài ra có thể mô tả hàng hóa chung tại tab **Mô tả, ghi chú hàng hóa** tại khu vực ô vuông đánh dấu màu cam ở trên như hình dưới

Thông tin chung	Hàng hóa dịch vụ	Vị trí	Hợp đồng/hóa đơn	Giá mua/bán	Chi phí Logistics	File đính kèm	Thông tin khác
Mô tả hàng hóa SAID TO CONTAIN WATER CONVULVULUS, WATER SPINACH (IPOMOEA AQUATICA FORSK) (JIAN YE) Người gửi ghi chú Số bằng chữ (In word) ONE FORTY FEET (1X40RH) REEFER HIGH-CUBE CONTAINER(S) ONLY							
Container	Mô tả, ghi chú hàng hóa	Chi tiết hàng hóa	Vận tải				

Tại Tab trên có ba ô mô tả, ghi chú lớn đều có . Đây là tiện ích hiển thị lại các mô tả ghi chú từ các vận đơn trước đó, thay vì người dùng mất công phải nhập lại thông tin người dùng Click vào chức năng này để chọn các mô tả, ghi chú phù hợp nhất rồi chỉnh sửa lại sẽ nhanh hơn rất nhiều.

Tab Chi tiết hàng hóa

Thông tin chung	Hàng hóa dịch vụ	Vị trí	Hợp đồng/hóa đơn	Giá mua/bán	Chi phí Logistics	File đính kèm	Thông tin khác
Mã HH/DV	Tên hàng hóa dịch vụ	Mã số hàng	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Số lượng Gross	Số kiện
*					0		0
Container	Mô tả, ghi chú hàng hóa	Chi tiết hàng hóa	Vận tải				

Tab này dành cho việc kê khai chi tiết các mặt hàng của một vận đơn nhất là đối với các mặt hàng tiêu thu đặc biệt. Người dùng có thể bỏ qua tab này nếu không cần thiết.

Tab Vận tải

Thông tin chung	Hàng hóa dịch vụ	Vị trí	Hợp đồng/hóa đơn	Giá mua/bán	Chi phí Logistics	File đính kèm	Thông tin khác
Vận tải đường bộ Lệnh điều xe Diễn giải Số xe Tài xế Điện thoại							
Container	Mô tả, ghi chú hàng hóa	Chi tiết hàng hóa	Vận tải				

Tab này dành cho khai báo phương tiện vận chuyển đường bộ. Người dùng có thể bỏ qua bước này.

Tab Vị trí



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Thông tin chung | Hàng hóa dịch vụ | **Vị trí** | Hợp đồng/hóa đơn | Giá mua/bán | Chi phí Logistics | File đính kèm | Thông tin khác

Thông tin vị trí

Khu vực:

Nước NX:

Tab này có chức năng mô tả chi tiết lại nơi lấy hoặc nơi giao hàng cụ thể. Người dùng có thể bỏ qua Tab này.

Tab Hợp đồng/hóa đơn

Thông tin chung | Hàng hóa dịch vụ | **Vị trí** | **Hợp đồng/hóa đơn** | Giá mua/bán | Chi phí Logistics | File đính kèm | Thông tin khác

Hợp đồng

Số hợp đồng:

Ngày hợp đồng:

Ngày hết hạn:

Giá trị hợp đồng:

Hóa đơn

Số hóa đơn:

Ngày hóa đơn:

Tổng thanh toán:

Nhập thông tin liên quan đến hợp đồng, hóa đơn. Người dùng có thể bỏ qua Tab này.

Tab Giá mua/bán

Thông tin chung | Hàng hóa dịch vụ | **Vị trí** | **Hợp đồng/hóa đơn** | **Giá mua/bán** | Chi phí Logistics | File đính kèm | Thông tin khác

Giá mua - giá bán

Lập phiếu chi tiền mua hàng

Chi phí			Thông tin chung								
Mã chi phí	Tên chi phí	Diễn giải	Mã nhà cung cấp	Tên nhà cu...	Số kiện mua	SL mua	Bảng giá	Loại giá mua	ĐVT mua	PTTT	Ghi chú
DOC	Phụ phí chứng từ		NONE		0	0	Chọn	Chọn	NONE	NONE	
TRUCKING	Phí vận tải		NONE		0	0	Chọn	Chọn	NONE	NONE	
OF	Cước vận chuyển đường biển		NONE		0	0	Chọn	Chọn	NONE	NONE	
▶ NONE			NONE		0	0	Chọn	Chọn	NONE	NONE	

Tab này ghi nhận giá mua, giá bán chi phí/dịch vụ. Nếu người dùng đã lập đơn hàng trước đó chương trình sẽ hiển thị tự động các chi phí trên đơn hàng vào Tab này và giá bán sẽ được cập nhật tại các cột nhóm Giá bán như hình dưới.

Giá mua - giá bán															
Lập phiếu chi tiền mua hàng															
Chọn từ báo giá Xóa															
Chi phí	Giá bán														
	Thông tin chung										Ngoại tệ			VND	
...	...	D.	Số kiện	SL cần ...	SL bán	ĐVT bán	PTTT	Ghi chú	Thuế bán (%)	Mã T.T.ê	Tỷ giá	ĐG N.t.ê bán	Tiền N.t.ê bán	Tiền thuế N.T.ê	Tổng ngoại tệ
...	P..		0	0	1.00	KGS	COLLECT		0	VND	1.00	0.00	0.00		0
...	P..		0	0	3.00	KGS	COLLECT		0	VND	1.00	0.00	0.00		0
...	C.		0	0	3.00	KGS	COLLECT		0	VND	1.00	0.00	0.00		0
*	...		0	0	0	NONE	NONE			VND	0	0	0		0

Lưu ý : Nếu Username nào không được phép xem giá bán chương trình sẽ tự động ẩn nhóm các cột giá bán này.

Ngoài nhóm cột giá bán chương trình còn có cột nhóm giá mua để tiện cho người dùng đối chiếu và nhập liệu dễ dàng như hình dưới.

Chi phí			Thông tin chung										
Mã chi phí	Tên chi phí	Diễn giải	Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	Số kiện mua	SL mua	Bảng giá...	Loại giá mua	ĐVT mua	PTTT	Ghi chú	Thuế mua (%)	
DOC	Phụ phí chứng từ		EVERGREEN	SUN HING FOOD...	0	345.00	Chọn	Chọn	NONE	COL...			
TRUCKING	Phí vận tải		NONE		0	0	Chọn	Chọn	NONE	COL...			
OF	Cước vận chuyển đường biển		NONE		0	0	Chọn	Chọn	NONE	COL...			
NONE			NONE		0	0	Chọn	Chọn	NONE	COL...			
*	NONE		NONE		0	0	Chọn	Chọn	NONE	NONE			

Giá mua										
nua (%)	Ngoại tệ						VND			
	Mã T.T.ê	Tỷ giá mua	ĐG N.t.ê mua	Tiền N.t.ê mua	Tiền thuế	Tổng ngoại tệ	Đơn giá mua	Thành tiền	Tiền thuế	Tổng tiền
	USD	23,325.00	1.50	517.50	0	517.50	34,988	12,070,688	0	12,070,688
	VND	1.00	0	0	0	0	0	0	0	0
	VND	1.00	0	0	0	0	0	0	0	0
	VND	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	VND	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Lưu ý : Nếu Username nào không được phép xem giá mua chương trình sẽ tự động ẩn nhóm các cột giá mua này.

Trường hợp không lập từ đơn hàng người dùng có thể nhập trực tiếp giá mua giá bán tại Tab này bằng cách chọn các chi phí, dịch vụ sau đó nhập bên nhóm cột giá mua và giá bán.

Nếu bạn có nhập giá mua và thông tin nhà cung cấp bạn có thể Thanh toán tiền mua hàng hóa dịch vụ bằng cách Click "Lập phiếu chi tiền mua hàng" chương trình sẽ tự động lập phiếu chi như hình dưới.

Xem/sửa thông tin vận đơn - Xem sửa - Thêm mới

Trước Sau Thêm Hoãn Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Loại phiếu CTG Số tài chính và quản trị

Chi tiền gửi

Thông tin chung

Mã đối tượng: EVERGREEN + SUN HING FOODS INC

Địa chỉ: 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM

TK/NH chi: Chọn +

Ngân hàng

Mã hợp đồng: Chọn N.Viên thu: A.SANG +

Nội dung TT: Chi tiền mua dịch vụ từ vận đơn SI17090001A

Chứng từ

Số phiếu: CG0001/09

Ngày lập phiếu: 24/09/2017 12:00:0

Chứng từ LH:

Ngày liên hệ: 24/09/2017 12:00:0

Chi tiết Nợ cũ: 0 Mã T.Tệ: USD 23,325...

1. Hạch toán 2. Thuế GTGT 3. Theo hóa đơn

Mục chi	Số Book/Bill	Số tiền	Mã T.Tệ	Tỷ giá	Ngoại tệ	Diễn giải	Mã KH nợ	Mã KH có	Mã hợp đồng	Số CT/LQ	Mã
Phụ phí chứng từ	SI17090001A	12,070,688	USD	23,325.00	517.50	Phụ phí chứng từ	EVERGREEN	NONE			
*		0		0	0						

Số dòng: 0 Số tiền: 0

Bạn kiểm tra lại sau đó nhấn "Lưu" để hoàn tất.

Tab Chi phí Logistics

Tab chi phí Logistics này do phòng kế toán thực hiện lập Debit Not, Credit Note và Quyết toán chi phí. Thay vì lập các chứng từ này trong tab này kế toán có thể vào Menu Kế toán => Nghiệp vụ => Debit Note/Credit Note.

Thông tin chung Hàng hóa dịch vụ Vị trí Hợp đồng/hóa đơn Giá mua/bán Chi phí Logistics File đính kèm Thông tin khác

Danh sách chi phí LƯU Ý: Nhấn Double vào dòng chứng từ tại danh sách... Refresh Debit Note Credit Note Quyết toán

Loại phiếu	Số phiếu	Ngày lập phiếu	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Tổng chi phí	Diễn giải	User thể
CTTH	TH0001/09	15/09/2017	QUOCANH	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC ANH	1,200,000	Quyết toán chi phí theo chứng từ SI17090001A	ADMIN

Hướng dẫn cách tạo nhanh Debit Note/Credit Note tại Tab Chi phí Logistics.

Tạo Debit Note



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Thông tin vận đơn - Xem sửa - Thêm mới

Trước Sau Thêm Hoàn Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Debit Note Loại phiếu TTD Sổ tài chính và quản trị

Thông tin chung

Mã đối tượng: A003 FREIGHTNET INTERNATIONAL PTY., LTD

Địa chỉ: PO BOX 537 TULLAMARINE VIC 3043, AUSTRALIA

Nộp vào TK: Chọn

Người nộp tiền:

Mã hợp đồng: Chọn N.Viên thu: A.SANG

Diễn giải:

Lô hàng

Loại Job: Sea Import

Số Job: SI17090001

Master Bill:

Số Book/Bill: SI17090001A

Gửi đến: Khác

Chứng từ

Số phiếu: DN0001/09

Ngày lập phiếu: 17/09/2017 12:00:0

Chứng từ LH:

Ngày liên hệ: 17/09/2017 12:00:0

Chi tiết Nợ cũ: 0 Mã T.Tệ: USD 23,325...

1. Hạch toán 2. Thuế GTGT 3. Theo hóa đơn										
Mục chi	Mã T.Tệ	Tỷ giá	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Đ.giá ntệ	Ngoại tệ	Thuế GTG...	Tiền thuế VAT	Diễn giải
Phụ phí chứng từ	USD	23,325.00	1.00	2,332,500	2,332,500	100.00	100.00	0.00	0	Phụ phí chứng từ
Cước vận chuyển đư...	USD	23,325.00	3.00	3,498,750	10,496,250	150.00	450.00	0.00	0	Cước vận chuyển đường biển
Phí vận tải	USD	23,325.00	3.00	1,749,375	5,248,125	75.00	225.00	0.00	0	Phí vận tải
			0	0	0	0	0	0	0	

Số dòng: 0 Số tiền: 18,076,875

Chương trình tự động lập các thông tin từ vận đơn qua. Người sử dụng kiểm tra lại và "Lưu".
Xem in Debit Note

CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

越南照航物流有限公司

158 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM

胡志明市第十郡第十五防鴻嶺街北海區RR6號

TEL : 1900 7202 - Fax: 028-3970.3905

DEBIT NOTE

To:

No : DN0001/09

TEL: (613) 9335 4511

MBL No :

Form: DANANG, VIETNAM

Volume : 1.00 Cont

HBL No : SI17090001A

To: ABURATSU, JAPAN

On- board: 17-Sep-2017

CUR: USD

ITEMS	QTY	PRICE	UNIT	AMT
Phụ phí chứng từ	1	100	KGS	100
Cước vận chuyển đường biển	3	150	KGS	450
Phí vận tải	3	75	KGS	225
TOTAL AMOUNT:				775

SAY

BANK INFORMATION :

Account :

Bank name :

Account No (USD):

Swift code:

Tạo Credit Not



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Thông tin vận đơn - Xem sửa - Thêm mới

Trước Sau Thêm Hoàn Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Credit Note Loại phiếu CTC Số tài chính và quản trị

Thông tin chung

Mã đối tượng: EVERGREEN + SUN HING FOODS INC

Địa chỉ: 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM

Ngân hàng

TK/CH: Chọn +

Mã hợp đồng: Chọn N.Viên thu: A.SANG +

Nội dung TT:

Lô hàng

Loại Job: Sea Import

Số Job: SI17090001

Master Bill:

Số Book/Bill: SI17090001A

Gửi đến: Khác

Chứng từ

Số phiếu: CN0001/09

Ngày lập phiếu: 17/09/2017 12:00:0

Chứng từ LH:

Ngày liên hệ:

Chi tiết Nợ cũ: 0 Mã T.Tệ USD 23,325...

1. Hạch toán		2. Thuế GTGT		3. Theo hóa đơn						
Mục chi	Mã T.Tệ	Tỷ giá	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Đ.giá ntệ	Ngoại tệ	Thuế GTG...	Tiền thuế VAT	Diễn giải
Phụ phí chứng từ	USD	23,325.00	345.00	34,988	12,070,688	1.50	517.50	0.00	0	Phụ phí chứng từ
		0	0	0	0	0	0	0	0	

Số dòng: 0 Số tiền 12,070,688

Chương trình tự động lập các thông tin từ vận đơn qua. Người sử dụng kiểm tra lại và "**Lưu**".

Xem in Credit Note

CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA
越南照航物流有限公司
 158 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM
 胡志明市第十郡第十五防鴻嶺街北海區RR6號
 TEL : 1900 7202 - Fax: 028-3970.3905

CREBIT NOTE

To:

TEL: 08-3512.1888

MBL No : Form: DANANG, VIETNAM

HBL No : SI17090001A To: ABURATSU, JAPAN

No : CN0001/09

Volume : 1.00 Cont

On- board: 17-Sep-2017

CUR: USD

ITEMS	QTY	PRICE	UNIT	AMT
Phụ phí chứng từ	345	2	KGS	518
TOTAL AMOUNT:				518

SAY

BANK INFORMATION :

Account :

Bank name :

Account No (USD):

Swift code:

Tạo Quyết toán

Là những chi phí phát sinh trong quá trình làm chứng từ. Người dùng có thể tạo một chứng từ quyết toán cho một tờ khai/lô hàng hoặc có thể tạo nhiều phiếu quyết toán khác nhau.

Quyết toán

Chứng từ

Số phiếu: TH0001/09 Ngày: 15/09/2017

Bill SI17090001A

Lô hàng: SI17090001 Tờ khai: Chọn Vận đơn: SI17090001A

Danh sách chi phí

Mục chi	Diễn giải	Giá chưa thuế	Tiền thuế VAT	Giá thanh toán	Ngoại tệ	Mã T.Tệ	Tỷ giá	Loại CP	Lấy
EXPRESS	Phí gửi thư	100,000	0	100,000	0 VND		1.00	Công ty	
ACI	Phí khai hải quan Canada	0	0	0	0 VND		1.00	Công ty	
AFR	Phí khai hải quan Nhật	0	0	0	0 VND		1.00	Công ty	
AMS	Phụ phí quản lý hàng tự động	0	0	0	0 VND		1.00	Công ty	
AWB	Phụ phí chứng từ hàng không	0	0	0	0 VND		1.00	Công ty	
BAF	Phụ phí biến động giá nhiên liệu	0	0	0	0 VND		1.00	Công ty	
CAF	CAF	0	0	0	0 VND		1.00	Công ty	
CAM	Phí truyền dữ liệu	0	0	0	0 VND		1.00	Công ty	
CFS	Phí đưa hàng vào kho	0	0	0	0 VND		1.00	Công ty	
CHUYENTAU	Phí chuyển tàu	750,000	0	750,000	0 VND		1.00	Công ty	
CIC	Phí mất cân đối vỏ container	0	0	0	0 VND		1.00	Công ty	
CLE	Phụ phí vệ sinh container	100,000	0	100,000	0 VND		1.00	Công ty	
CO	Phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa	0	0	0	0 VND		1.00	Công ty	
CUS	Phí dịch vụ hải quan	0	0	0	0 VND		1.00	Công ty	

Trong đó

Nhân viên quyết toán: ALAN Tổng chi phí: 1,200,000.00 Thanh toán

Lưu Xóa Xem in Đóng

Chương trình hiển thị các mục phí tự động từ trong danh mục Chi phí. Nếu phát sinh phí nào người dùng nhập vào số tiền của phí đó (Tiền VND hoặc nhập ngoại tệ). Sau khi nhập các khoản chi phí xong người dùng nhấn "Lưu" chương trình sẽ tự động xóa đi các chi phí không có giá trị như hình dưới.

Quyết toán

Chứng từ

Số phiếu: TH0001/09 Ngày: 15/09/2017

Bill SI17090001A

Lô hàng: SI17090001 Tờ khai: Chọn Vận đơn: SI17090001A

Danh sách chi phí

Mục chi	Diễn giải	Giá chưa thuế	Tiền thuế VAT	Giá thanh toán	Ngoại tệ	Mã T.Tệ	Tỷ giá	Loại CP	Lấy hóa đơn	Số hóa đơn
EXPRESS	Phí gửi thư	100,000	0	100,000	0 VND		1.00	Công ty	☐	
CHUYENTAU	Phí chuyển tàu	750,000	0	750,000	0 VND		1.00	Công ty	☐	
CLE	Phụ phí vệ sinh container	100,000	0	100,000	0 VND		1.00	Công ty	☐	
DET	Phí lưu container tại bãi	250,000	0	250,000	0 VND		1.00	Khách hàng	☐	
*		0	0	0	0		0		☐	

Trong đó

Nhân viên quyết toán: ALAN Tổng chi phí: 1,200,000.00 Thanh toán

Đã lưu thành công

Lưu Xóa Xem in Đóng

Ghi chú :



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

- Đối với các trường khoản màu cam
- Nhân viên quyết toán : Nếu kế toán chi tiền ứng cho nhân viên đi làm chứng từ và các nhân viên đó là người trực tiếp chi tiền cho các khoản chi phí của lô hàng khi lập Phiếu quyết toán chọn nhân viên đó. Ngược lại kế toán trực tiếp chi thì chọn mã nhân viên là kế toán.
 - Loại CP : Thông thường các chi phí quyết toán khi làm lô hàng là chi phí của công ty song có một số chi phí phát sinh mà chủ hàng phải trả. Những chi phí nào thuộc khách hàng phải trả hoặc chi hộ người dùng phải chọn lại Loại CP tương ứng. Nếu chi phí thuộc Khách hàng hoặc Chi hộ chương trình sẽ tự động đưa vào công nợ khách hàng theo hạch toán tài khoản tại danh mục Chi phí.
 - Nếu người dùng không muốn chương trình xuất hiện một loạt các chi phí sẵn mà sẽ tự chọn các chi phí nào phát sinh người dùng vào lại Danh mục Chi phí và bỏ Tick chọn "Tự động thêm vào QT" như hình dưới.

Chi phí						
Nhóm	Mã chi phí	Tên chi phí	định	Nghiệp vụ	Tự động thêm vào QT	Tự động thêm vào tạm ứng
<< Tất cả >>					☐	☐
Chi Phí						
CAF	EXPRESS	Phí gửi thư		Chứng từ	☒	☐
Cước vận chuyển đường biển	ACI	Phí khai hải quan Canada		Chứng từ	☒	☐
HCM -LOS ANGELES	AFR	Phí khai hải quan Nhật		Chứng từ	☒	☐
Hồ Chí Minh - Thái Lan	AMS	Phụ phí quản lý hàng tự động		Chứng từ	☒	☐
PHI	AWB	Phụ phí chứng từ hàng không		Chứng từ	☒	☐
Phí bảo hiểm hàng hóa	BAF	Phụ phí biến động giá nhiên liệu		Chứng từ	☒	☐
Phí cầm điện	CAF	CAF		Chứng từ	☒	☐
Phí chứng nhận xuất xứ hàng	CAM	Phí truyền dữ liệu		Chứng từ	☒	☐
Phí chuyển tàu	CFS	Phí đưa hàng vào kho		Chứng từ	☒	☐
Phí đảo chuyển container	CHUYENTAU	Phí chuyển tàu		Chứng từ	☒	☐
Phí dịch vụ hải quan	CIC	Phí mất cân đối vỏ container		Chứng từ	☒	☐
Phí đưa hàng vào kho	CLE	Phụ phí vệ sinh container		Chứng từ	☒	☐
Phí gửi thư	CO	Phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa		Chứng từ	☒	☐
Phí hải quan, phí CO, phí Phi	CUS	Phí dịch vụ hải quan		Chứng từ	☒	☐
Phí hun trùng						
Phí khai hải quan Canada						
Phí khai hải quan Nhật						
Phí kiểm dịch						

Tab File đính kèm

Thông tin chung	Hàng hóa dịch vụ	Vị trí	Hợp đồng/hóa đơn	Giá mua/bán	Chi phí Logistics	File đính kèm	Thông tin khác
-----------------	------------------	--------	------------------	-------------	-------------------	---------------	----------------

Danh sách File đính kèm

	Thêm	Xóa	Sửa	Tai	Loại	Nội dung	Tên	Ghi chú	User thêm	Ngày giờ thêm	User sửa	Ngày giờ sửa	
*													

Người dùng có thể đính kèm file (Word, Excel, hình ảnh,...) vào tờ khai này.

b) Vận đơn MBL – Master Bill

Nhập liệu và thao tác tương tự vận đơn HBL.

c) Tạo tờ khai hải quan nhập khẩu

Sau khi tạo Công việc. Người dùng muốn tạo tờ khai. Chọn như hình dưới



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Loại vận đơn	HLB + Tạo vận đơn
Mã khách nhận	Mã số Tên
TD NTBAY	MBL Vận đơn hãng tàu
	HLB Vận đơn Forwarder phát hành
	SBL Vận đơn Surrendered
	EBL Vận đơn Express
	CBL Vận đơn Customs
	FBL Vận đơn FIATA
	SEBL Vận đơn Seaway
	OTHER Vận đơn khác
	ICUS Tờ khai nhập khẩu
	ECUS Tờ khai xuất khẩu

Trên giao diện tờ khai bao gồm các tab :

Thông tin tờ khai	Thông tin khác	Danh sách hàng hóa	Container	Danh sách chi phí
-------------------	----------------	--------------------	-----------	-------------------

- Tab Thông tin tờ khai

Tại tab này người dùng khai các thông tin cần thiết liên quan tới thông tin :

Thông tin cục hải quan

Thông tin nhập khẩu

Vận đơn

Xem hình dưới:

TỜ KHAI HẢI QUAN

TỜ KHAI HẢI QUAN NHẬP KHẨU

Thông tin tờ khai

Thông tin khác

Danh sách hàng hóa

Container

Danh sách chi phí

Cục Hải Quan

Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh

+

-

Số tờ khai

Số lượng TK

1

+

-

Chi cục Hải Quan

Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV II

+

-

Ngày đăng ký

11/09/2017

Số TN

Loại hình

Nhập kinh doanh

+

-

Hạn tái xuất

Luồng tờ khai

Luồng

Ngày TN

Loại hàng

Chọn

+

-

Loại khách hàng

Chọn

+

-

Trạng thái

Nhập mới

Số tham chiếu

THÔNG TIN XUẤT NHẬP KHẨU

1. Người nhập khẩu (Mã)

Chọn

+

-

3. Người xuất khẩu (Mã)

Chọn

+

-

Tên người nhập

Tên người xuất

Địa chỉ nhập

Địa chỉ xuất

2. Người ủy thác nhập (Mã)

Chọn

+

-

4. Người ủy thác xuất (Mã)

Chọn

+

-

Đại lý hải quan trong nước (Mã)

CTMINHLONG

+

-

Đại lý hải quan nước ngoài (Mã)

Chọn

+

-

Công ty TNHH Minh Long

VẬN ĐƠN

Số vận đơn

Lô/Shipments

+

-

2

3

4

5

Số lượng kiện

0

ĐVT

Trọng lượng

Số khối

Điểm lưu kho

Chọn

Ký hiệu và số hiệu bao bì

Loại PTVC

2. Đường biển (container)

Tên, số hiệu

Ngày hết hạn

Địa điểm dỡ

Chọn

Địa điểm xếp

Chọn

Số lượng Cont

Cont20

0

Cont40

0

Cont45

0

Chứng từ kèm

Đề nghị

Lưu

Xem in

Đóng

Sau khi khai các thông tin người dùng chọn lưu.

- **Tab Thông tin khác**

Tờ khai hải quan

TỜ KHAI HẢI QUAN NHẬP KHẨU

Thông tin tờ khai
Thông tin khác
Danh sách hàng hóa
Container
Danh sách chi phí

Hóa đơn

Số hóa đơn
Ngày hóa đơn
Loại tiền
Chọn
Tỷ giá tính thuế
0
Phương thức thanh toán

Hợp đồng

Số HĐ
Ngày HĐ
Ngày hết hạn

Giấy phép (nếu có)

Số GPKD
Ngày hoạt động
Ngày hết hạn

Nước xuất khẩu
Nước XK

Điều kiện giao hàng

Lưu
Xem in
Đóng

Sau khi khai các thông tin người dùng chọn **Lưu**

- **Tab Danh sách hàng hóa**

Tờ khai Hải Quan - Xem sửa

TỜ KHAI HẢI QUAN NHẬP KHẨU

Thông tin tờ khai		Thông tin khác		Danh sách hàng hóa	Container	Danh sách chi phí				
Mã hàng	Tên hàng	Mã số hàng	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Trị giá t		
▶ CAMMY	Cám Mỹ			tấn	10,000.00	100,000	1,000,000,000	1,000,		
*					0	0	0			

Ghi chú

Thuế

Tổng cộng .. 1,000,000,000 Thuế nhập khẩu .. 0 Thuế GTGT .. 0 Thu khác .. 0

Tiền thuế .. 0 Bằng chữ Không đồng

Lưu Xem in Đóng

- Tab Container

Loại cont và số cont sẽ được lấy từ tab thông tin tờ khai sang

Tờ khai Hải Quan - Xem sửa

TỜ KHAI HẢI QUAN NHẬP KHẨU

Thông tin tờ khai		Thông tin khác		Danh sách hàng hóa		Container		Danh sách chi phí	
Loại cont	Số Cont	Cont rỗng	K.lượng	Số Seal	Ghi chú				
*		☐		0					

Lưu Xem in Đóng

- Danh sách chi phí sẽ tự động cập nhật khi quyết toán chi phí ở các tờ khai

d) Tờ Khai hải quan hàng xuất

Thao tác tương tự như hàng nhập khẩu

6. Ghi nhận doanh thu/Công nợ

Sau khi hoàn thành vận đơn kế toán ghi nhận doanh thu, công nợ đối với chủ hàng.
Click "Lập hóa đơn dịch vụ"

Chương trình tự động tạo hóa đơn dịch vụ như hình dưới.

Dịch vụ chứng từ hàng nhập - Thêm mới

Trước Sau Thêm Hoàn Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in Đóng lại

Hóa đơn dịch vụ chứng từ Loại phiếu: HDC Số tài chính và quản trị:

Thông tin chung

Mã đối tượng: NTBAY + CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY VINH NHA TRANG

Địa chỉ: 42 Cao Thắng - Phường Phước Long - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

Mã số thuế: 4200399766 Người giao dịch:

PTTT: CN Tài khoản NH:

Diễn giải:

Chứng từ

Mẫu số HD:

Ký hiệu HD: HDV/2018

Số hóa đơn: HC0001/09

Ngày HD: 30/09/2017 12:00:00 AM

Nghệp vụ	Đơn hàng số	Số Job	Số Book/Bill	Thuế GTGT	Tỷ lệ CK	Mã nhân viên	Nợ cũ	Số ngày nợ	Hạn trả
HCTS		SI17090001	SI17090001A	0	0		0		30/09/2017

Chi tiết Mã T.Tệ: VND 1

1. Hàng hóa 2. Hạch toán 3. Thông Tin Khác

Mã chi phí	Diễn giải	ĐVT	Mã T.Tệ	Tỷ giá	Số lượng	Đ.giá ntệ	Ngoại tệ	Đơn giá	Số tiền
OF	Cước vận chuyển đường biển	KGS	VND	1.00	3.00	0.00	0.00	3,000,000	9,000,000
TRUCKING	Phí vận tải	KGS	VND	1.00	3.00	0.00	0.00	1,500,000	4,500,000
DOC	Phụ phí chứng từ	KGS	VND	1.00	1.00	0.00	0.00	2,000,000	2,000,000
			VND	0	0	0	0	0	0

Số dòng: 0

Tiền hàng: 15,500,000 Tiền CK: 0 Tiền thuế VAT: 0 Thanh toán: 15,500,000

Kiểm tra lại thông tin sau đó nhấn "Lưu" để hoàn tất.

Mẫu in Hóa đơn dịch vụ



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

越南照航物流有限公司
158 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM
胡志明市第十郡第十五防鴻嶺街北海區RR.6號
TEL : 1900 7202 - Fax: 028-3970.3905

INVOICE / 發票

To:

No : **HC0001/09**

收件單位:

Bill No. / 提單編碼 SI17090001A:

On-board / 開航日:

Volume / 數量: 1 X 40RH

From / 裝貨港: DANANG, VIETNAM

To / 目的港: ABURATSU, JAPAN

ITEMS	QTY	PRICE	UNIT	CUR	AMT	% VAT	AMT (Incl. VAT)
OF	3	3,000,000.00	KGS	VND	9,000,000.00	0%	9,000,000.00
TRUCKING	3	1,500,000.00	KGS	VND	4,500,000.00	0%	4,500,000.00
DOC	1	2,000,000.00	KGS	VND	2,000,000.00	0%	2,000,000.00
TOTAL / 總計:					USD		\$0.00
					VND		15,500,000.00

Selling rate of Agribank is applied at the time of the payment / Tỷ giá thanh toán tính theo tỷ giá bán ra của NHNo & PTNT tại thời điểm thanh toán.

Please bear the transfer fee / Quý khách hàng vui lòng thanh toán chi phí chuyển khoản.

匯率由付款時按照農業銀行 (Agribank) 的銷售率計算。

煩請貴客在轉賬單包含手續費。

PAYMENT DATE

付款日期

30/09/2017

* The following documents are requested against the Original BL / Thủ tục yêu cầu khi nhận vận đơn gốc / 領取真本提單 程序:

☐

Company's letter of Recommendation / Giấy giới thiệu / 委托信

☐

Others / Chứng từ khác / 其它...

☐

Identify card / Chứng minh nhân dân / 身份證

Sau khi hoàn tất một vận đơn người dùng chọn "Xem in" chương trình hiển thị các loại phiếu như hình dưới.



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

	Vận đơn/House Bill Vận đơn gửi khách hàng xem trước	Ctrl+F1
	Phát hành vận đơn/House Bill In vận đơn phát hành cho khách	
	Chi tiết vận đơn/Cargo list Bảng kê chi tiết hàng hóa	Ctrl+F2
	Phiếu đóng gói/Packing list Phiếu liệt kê chi tiết đóng gói	Ctrl+F3
	Thông báo hàng đến/Arrival Notice Giấy báo nhận hàng của hãng tàu	Ctrl+F4
	Lệnh giao hàng/Delivery Order Giấy chứng nhận nhận hàng	Ctrl+F5
	Đề nghị thanh toán/Payment Request Giấy đề nghị thanh toán	Ctrl+F6
	Báo giá / Quotation Báo giá gửi đến người gửi/nhận/thông báo	
	Đơn hàng / Booking order Xem thông tin đơn hàng	

Một số phiếu xem in mẫu
Vận đơn

Date: 09/15/2017		BILL OF LADING		Page 1 of 1
SHIP FROM		Bill of Lading Number: SI17090001A		
[Name] : FREIGHTNET INTERNATIONAL PTY., LTD [Street Address] : PO BOX 537 TULLAMARINE VIC 3043, AUSTRALIA. [City, ST ZIP Code] : SID No:				
SHIP TO		Carrier Name:		
[Name] : NHA TRANG BAY TEXTILE AND GARMENT IMPORT-EXPORT ST [Street Address] : 42 CAO THANG STR, PHUOC LONG WARD, NHA TRANG [City, ST ZIP Code] CID No:		Trailer number: Serial number(s):		
THIRD PARTY FREIGHT CHARGES BILL TO		SCAC:		
[Name] [Street Address] [City, ST ZIP Code]		Pro Number:		
Special Instructions:		Freight Charge Terms (Freight charges are prepaid unless marked otherwise): Prepaid ☐ Collect ☐ 3rd Party ☐ ☐ Master bill of lading with attached underlying bills of lading.		
CUSTOMER ORDER INFORMATION				
Customer Order No.	# of Packages	Weight	Pallet/Slip (circle one)	Additional Shipper Information

Phát hành vận đơn

Phát hành vận đơn thường áp dụng đối với hàng xuất.

Chi tiết vận đơn/Cargo list



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

PAGE NO : 1

CARGO LIST

S: IDFD LOGISTICS SERVICES CO., LTD

RR6 HONG LINH ST., BAC HAI AREA, WARD 15, DIST. 10, HCMC

TEL : 028-3970.3901 - Fax: 028-3970.3905

Email: info@idfd-log.com

C: NHA TRANG BAY TEXTILE AND GARMENT IMPORT-EXPORT STOCK COMPANY

42 CAO THANG STR, PHUOC LONG WARD, NHA TRANG CITY, KHANH HOA PROVINCE, VIET NAM

TEL:

FAX:

N: SAME AS CONSIGNEE

VESSEL NAME :

PORT OF LOADING :
DAD

ETD :

PORT OF DISCHARGE :

PORT OF DELIVERY :
ARU

SVC :

MB/L NO. :

S/C NO.	Quantity	Description of goods	G.W	MEAS
Container No. And Seal No				
Mark & Nos				
Cont No : CCLU 8583673	20.00		0 KGS	8.00 CBM
Seal No : 3740780				

Phiếu đóng gói/Packing list



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Trang 119/134

PACKING LIST				
Seller FREIGHTNET INTERNATIONAL PTY., LTD PO BOX 537 TULLAMARINE VIC 3043, AUSTRALIA. TEL : (613) 9335 4511 FAX : (613) 9335 2482		No.& Date SI17090001A 15/09/2017		
		No.& Date of (Contract No.)		
Buyer NHA TRANG BAY TEXTILE AND GARMENT IMPORT-EXPORT STOCK COMPANY 42 CAO THANG STR, PHUOC LONG WARD, NHA TRANG CITY, KHANH HOA PROVINCE, VIET NAM TEL : (613) 9335 4511 FAX : (613) 9335 2482		Departure DAD		
		Via:		
Carrier And Vessel 008N		Final Destination ARU		
Goods: FCL/FCL FOR GOOD USE LOT NO : SI17090001				
No	Description of the goods	Number of PACKAGE	Net weight (kgs)	Gross weight (kgs)
1		20.00	3,450.00	0.00
TOTAL		20.00	3,450.00	0.00
Sáy: ONE FORTY FEET (1X40RH) REEFER HIGH-CUBE CONTAINER(S) ONLY				

Thông báo hàng đến/Arrival Notice





CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

158 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM

TEL : 1900 7202 - Fax: 028-3970.3905

Số (No.) SI17090001A
Lần (Time)

THÔNG BÁO HÀNG ĐẾN
Arrival Notice

KÍNH GỬI (To) **NHA TRANG BAY TEXTILE AND GARMENT IMPORT-EXPORT STOCK COMPANY**

42 CAO THANG STR, PHUOC LONG WARD, NHA TRANG CITY, KHANH HOA PROVINCE, VIET NAM

TEL: 84918515659 FAX:

Chúng tôi xin trân trọng thông báo lô hàng sau đây của Quý cơ quan được nhập về với các chi tiết sau:

We are pleased to inform you that your below shipment will import on:

Tàu (Vessel)	RIZHAOIRON	Chuyến (Voy.)	008N
Từ (From)	DAD	Đền cảng (Terminal)	ARU
Ngày đến (Estimated Arrival)		Vận đơn chính (M-B/L)	
Ghi chú (Note)	CFS-CFS	Vận đơn phụ (H-B/L)	SI17090001A

SỐ CONTAINER Container No.	SỐ LƯỢNG Quantity	TÊN HÀNG HÓA Description	TRỌNG/KHỐI LƯỢNG Weight/Measurement
CCLU8583673	3,450.00		8.00

GIAO HÀNG THEO: TELEX RELEASE

Vui lòng liên hệ với bộ phận hàng nhập của chúng tôi để nhận lệnh / Please contact with our import Dept to receive
(Air: Ms. Van-Ext: 105; HKG/Italia: Mr. Huy-Ext: 107; SIN: Ms. Nien-Ext: 102; SHA: Ms. Tam-Ext: 110; JPN/BUS/CHINA: Ms. Ly
/ Ms. Hoa-Ext: 106)

Please pick up D/O after the vessel's arrival 1 day. Thanks ! (Vui lòng nhận lệnh giao hàng sau 1 ngày tàu cập)

Lệnh giao hàng/delivery order



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

158 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM

TEL : 1900 7202 - Fax: 028-3970.3905

LỆNH GIAO HÀNG DELIVERY ORDER

KINH GỬI (TO):

Đề nghị giao cho: **NHA TRANG BAY TEXTILE AND GARMENT IMPORT-EXPORT STOCK COMPANY**

Lô hàng sau ở tàu/chuyến : **008N**
(The following goods discharged from)

Từ (from) : DAD

Cấp cảng (to) : ARU

Vào ngày (arrived on): 25/09/2017

Vận tải đơn số (B/L No.): **SI17090001A**

Số Container/ Seal Container No/ Seal	Số lượng Quantity	Chi tiết hàng Description of goods	Trọng lượng/ Thể tích Weight/ Measurement
CTRN : CCLU8583673 Seal : 3740780	20.00 PACKAGES		0.00 KGS 8.00 CBM

Giấy đề nghị thanh toán



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Trang 122/134

CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

158 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM

TEL : 1900 7202 - Fax: 028-3970.3905

Email: info@winta.com.vn

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Công ty : NHA TRANG BAY TEXTILE AND GARMENT IMPORT-E

SỐ TK :

Số lượng : Cont 20 : 0 - Cont 40 : 1 - Cont 45 : 0

HB/L : **SI17090001A**

Tôi tên là : **ALAN**

Kính đề nghị Ban lãnh đạo duyệt thanh toán số tiền gồm :

STT	Khoản mục	Tiền chưa thuế	Tiền thuế	Tổng thanh toán
1	Phí lưu container tại bãi	250,000	0	250,000
	Tổng cộng	250,000	0	250,000

Số tiền (Viết bằng chữ) : Hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Kèm theo : Chứng từ gốc

Thủ trưởng
(Đóng dấu, ký tên)

Kế toán
(Ký, họ tên)

Người đề nghị
(Ký, họ tên)

ALAN

Đơn hàng/Booking Order



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

Trang 123/134

SUBJECT:				
A/C	NHA TRANG BAY TEXTILE AND GARMENT IMPORT-EXPORT STOCK COMP/			
ATTN / MOBI	42 CAO THANG STR, PHUOC LONG WARD, NHA TRANG CITY, KHANH HOA			
TEL / FAX / EMAIL	84918515659			
LINE/COLOADER	FREIGHTNET INTERNATIONAL PTY., LTD			
AGENT				
POL / POD	DAD/ARU			
ETD/ETA	15-Sep-2017/			
VOLUME / GW	1 X 40'RH			
COMMODITY				
REMARK				
PICK UP / RETURN AT	DANANG, VIETNAM/ABURATSU, JAPAN			
STUFFING AT	DAD			
OTHERS				

NET	REMARK	PAY	USD	VND
TRUCKING		PT02		
OF		PT02		
DOC		PT02	518	12,070,688
OTHERS				

NET	REMARK	PAY	USD	VND
TRUCKING		PT02		2,000,000

7. Lập bảng kê dịch vụ vận chuyển

Người dùng lập bảng kê vận chuyển tại phân hệ Logistics => Báo cáo => Bảng kê vận chuyển khách hàng.

Bảng kê chứng từ khách hàng

Loại báo cáo: 1.Tổng hợp bảng kê theo khách hàng | Phân hệ: Chứng từ | Loại chứng từ: Tất cả

Thông tin truy vấn

Mã KH: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY VỊNH NHA TRANG | Lô hàng: |

Thời gian: Tháng này | Từ ngày: 01/09/2017 | Đến ngày: 25/09/2017 | Số Bill/book: |

Chi phí: | Loại tiền: VND | 1 | ☐ Chi hiển thị cột chứng từ

Danh sách chứng từ

Chọn	Ngày Book/Bill	Số Job	Số Book/Bill	Số hiệu chuyển	Bảng kê số	C. từ Dịch vụ	Ngày lập phiếu	Mã đối tượng	Tên đối tượng
☒	15/09/2017	SI17090001	SI17090001A	008N	XNK	HC0001/09	30/09/2017	NTBAY	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY VỊNH NHA TRANG

1.00 | 1 of 1 |

Thao tác:

Chọn khách hàng, thời gian cần lập bảng kê sau đó nhấn 'Lập báo cáo' chương trình sẽ xuất hiện các lô hàng đã làm trong thời điểm lập bảng kê.

Nhấn 'In bảng kê' và nhập số bảng kê cần gửi cho khách hàng. Hình dưới

Loại mẫu: Mẫu bảng kê 01

Bảng kê số: VT01

Nội dung: Bảng kê số VT01 .Từ ngày 01/09/2017 đến ngày 25/09/2017

Người lập: Chọn

Ngày lập: 25/09/2018

Nhấn "In" bảng kê để gửi khách hàng đối chiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA/ WINTA COMPANY
 越南照航物流有限公司
 158 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM
 越南胡志明市第十郡第十五坊北海區鴻領街 RR6 號

Tel: 1900 7202 Fax:

MONTHLY STATEMENT / 月結單
 Date / 日期: 25/09/2018

To / 收件人: **NHA TRANG BAY TEXTILE AND GARMENT IMPORT-EXPORT STOCK COMPANY**

PAY-DATE / 付款日期: 25/09/2018

CUR / 貨幣: USD

IDFD RECEIVABLE NOTES 應收票據															
NO. 序列	BOOKING NO. 訂單編號	MBL NO. 主提單編號	HBL NO. 分提單編號	POL 起運港	POD 目的港	ATD 開船日期	ATA 到港日期	VSL&VOY 船名&航次	VOL 數量	UNIT 單位	COMMODITY 品名	R-IV DATE 發票日期	R-IV NO. 發票編號	EX-RATE 匯率	AMOUNT 金額
1	SI17090001		SI17090001	DAD	ARU	09/17	25/09	008N	50.00		SAID TO CONT.			23,325.00	0.00
TOTAL 總額														0.00	

SAID IN WORDS: **Zero dong**
 Please bear the transfer fee.
 煩請貴客在轉賬單包含手續費。

Nếu khách hàng đồng ý với đối bảng kê vận chuyển và yêu cầu xuất hóa đơn GTGT người dùng chọn "Lập hóa đơn theo bảng kê". Chương trình sẽ xuất hiện như hình dưới.

Hóa đơn bán hàng - Thêm mới
Trước Sau Thêm Hoàn Xóa Sửa Lưu Refresh Tiện ích History Xem in **Đóng lại**

Hóa đơn bán hàng

Loại phiếu: **HDB** Số tài chính và quản trị:

Thông tin chung

Mã đối tượng: **NTBAY** CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY VINH NHA TRANG

Địa chỉ: **42 Cao Thắng - Phường Phước Long - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa**

Mã số thuế: **4200399766** Người giao dịch:

PTTT: Tài khoản NH:

Diễn giải: **Lập hóa đơn từ bảng kê vận chuyển số VT01 Từ ngày 01/09/2017 đến ngày 25/09/2017**

Chứng từ

Mẫu số HĐ: **01GKT**

Ký hiệu HĐ: **HĐV/2018**

Số hóa đơn: **000001**

Ngày HĐ: **25/09/2018 12:00:00 AM**

Nghiep vu	Thuế G...	KCT	Tỷ lệ CK	Mã kho	Mã bảng giá	Mã hợp đồng	Đơn hàng số	Mã nhân viên	Nợ cũ	Số ngày nợ	Hạn trả	Đã giao HĐ
BTM	0		0 NONE					NONE	15,500,000		25/09/2018	

Mã T. Tệ: **VND** 1

Chi tiết

1. Hàng hóa	2. Hạch toán	3. Thông Tin Khác	DVT	Số chuyển	K. lượng	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Tỷ
OF		CƯỚC VẬN CHUYỂN ĐƯỜNG BIỂN				0	1.00	15,500,000	15,500,000
* Chọn mã hàng ở đây		Chọn DVT				0	0	0	0

Số dòng: 0

Tiền hàng: 15,500,000 Tiền CK: 0 Tiền thuế VAT: 0 Thanh toán: 15,500,000

P. Xuất Lập phiếu thu

Kiểm tra và nhập thông tin hàng hóa dịch vụ và in hóa đơn GTGT gửi khách hàng.

II- Quy trình chứng từ xuất khẩu.



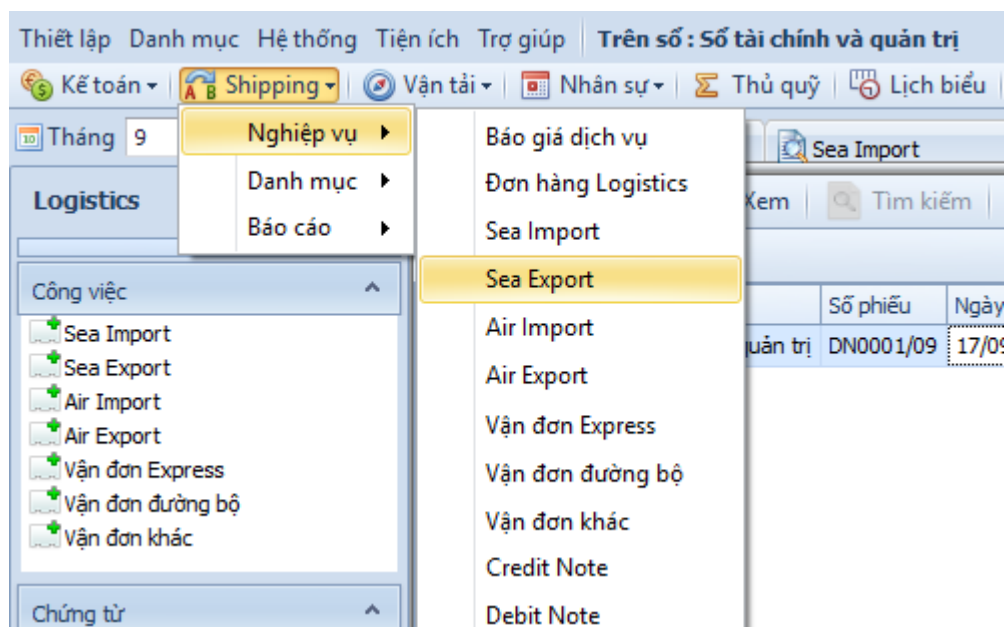
CÔNG TY CỔ PHẦN WINTA

Website : www.winta.com.vn - Email : info@winta.com.vn

Tổng đài CSKH : **19007202** Fax : 0871 080 314

a) Công việc/ Booking

Tạo Công việc/Booking cho hàng xuất khẩu tại thanh công cụ của chương trình.



Danh sách Sea Export

Sea Export											
Loại phiếu	Số Job	Ngày	Master Bill	Số vận đơn	C. từ Dịch vụ	Loại dịch vụ	Cảng xếp	Cảng dỡ	Trạng thái	Số kiện	
JSE	SE17090001	15/09/2017				CY-CY	CAT	AAH	OPEN	0	

Nhấn **"Thêm"** để thêm công việc/Booking mới

Sea Export - Thêm mới

Sea Export Trạng thái: **OPEN**

Thông tin công việc | Đơn hàng | Container | Giá mua/bán | Chi phí Logistics | Phải trả khác (Credit) | Phải thu khác (Debit) | Sales Profit | File đính kèm

Số Job: SE17090001 | Loại dịch vụ: CY-CY | Nhân viên KD: AKARI
 Ngày lập: 15/09/2017 12:00:00 AM | Bộ phận: SEA EXPORT | Loại tiền | Tỷ giá: USD | 23,325.00

Thông tin vận chuyển

Lịch tàu: Chọn | Cảng đi: CATLAI, HOCHIMINH CITY | Cảng chuyển tải: Chọn
 Hãng tàu: CÔNG TY CỔ PHẦN AN VÀ TOÀI | Cảng đến: AACHEN, GERMANY | PT chuyển tải: 0
 Tên tàu | Số chuyển: EVER PEARL | 1336-264N | Mã KH Booking: 247 | Ngày khởi hành: 15/09/2017 12:00 AM
 Vận đơn Master: | Số Booking: | Ngày đến: 25/09/2017 12:00 AM

Vận đơn, tờ khai | Hàng hóa | Đại lý hải quan

[Lập hóa đơn dịch vụ] [Xóa] [Xem] [Fresh]

Loại vận đơn: HBL [Tạo vận đơn]

Loại	Số vận đơn	Ngày vận đơn	Loại dịch vụ	Cảng xếp	Cảng dỡ	Mã khách gửi	Tên khách gửi	Mã khách nhận	Tên khách nhận	Tên khách thông báo	Tên chủ
------	------------	--------------	--------------	----------	---------	--------------	---------------	---------------	----------------	---------------------	---------

[Nhấn bản] [Lưu] [Lưu & Thêm] [Xem In] [Đóng]

b) Khai báo tờ khai và vận đơn: Tương tự như hướng dẫn trên quy trình nhập khẩu

SEA EXPORT - Thêm mới

BILL OF LADING - SEA EXPORT

Số vận đơn: **SE17090001A**

Người gửi		Người nhận		Người được thông báo	
Mã số	247	Mã số	A001	Mã số	A001
Tên	CÔNG TY CỔ PHẦN 247	Tên	WIN-WIN LOGISTICS KOREA CO., LTD.	Tên	WIN-WIN LOGISTICS KOREA CO., LTD.
Địa chỉ		Địa chỉ	301 Ogim Building 67, Jahamun-ro, Jongno-gu, SEOUL, KOREA	Địa chỉ	301 Ogim Building 67, Jahamun-ro, Jongno-gu, SEOUL, KOREA
Điện thoại		Điện thoại	82 02-701-1127	Điện thoại	82 02-701-1127
Fax		Fax	82 02-701-1488	Fax	
Liên hệ		Liên hệ		Liên hệ	
Email		Email		Email	

Thông tin chung | Hàng hóa dịch vụ | Vị trí | Hợp đồng/hóa đơn | Giá mua/bán | Chi phí Logistics | File đính kèm | Thông tin khác

Loại vận chuyển	FCL/FCL	Địa điểm nhận	CATLAI, HOCHIMINH CITY	Ghi chú
PT thanh toán	COLLECT	Địa điểm giao	AACHEN, GERMANY	
Loại tiền	USD	Tỷ giá	23,325.00	
Cước vận chuyển	0	Nơi phát hành	HO CHI MINH, VIETNAM	
Cước trả trước	0	Ngày phát hành	15/09/2017	
Cước trả sau	0	Loại xử lý	Draft	
Trả trước tại		Trạng thái	Nhập mới	
Thủ tục yêu cầu khi nhận vận đơn gốc				

Nhấn bản | Lập hóa đơn dịch vụ | Lưu | Lưu & Thêm | Xem in | Đóng

Vận đơn Sea Export

Mục xem in của Sea Export

	Vận đơn/House Bill Vận đơn gửi khách hàng xem trước	Ctrl+F1
	Phát hành vận đơn/House Bill In vận đơn phát hành cho khách	
	Chi tiết vận đơn/Cargo list Bảng kê chi tiết hàng hóa	Ctrl+F2
	Phiếu đóng gói/Packing list Phiếu liệt kê chi tiết đóng gói	Ctrl+F3
	Đề nghị thanh toán/Payment Request Giấy đề nghị thanh toán	Ctrl+F6
	Báo giá / Quotation Báo giá gửi đến người gửi/nhận/thông báo	
	Đơn hàng / Booking order Xem thông tin đơn hàng	

III- Quản lý phân lệnh

1. Quản lý người dùng:

Khi thêm/sửa người dùng có thêm chức năng.
Hình dưới

Quản lý người dùng

Tên User	Tên đầy đủ	ĐTĐD
ADMIN	Quản lý	

User - Sửa

Thông tin người dùng
 Cập nhật thông tin người dùng

Thông tin người dùng | Liên hệ | Mở rộng

☐ Không được xem giá mua
☐ Không được xem giá bán
☐ Chỉ quản lý khách hàng phụ trách
☒ Được phép duyệt phân lệnh

Cập nhật

Đóng

2. Phân lệnh

Chức năng phân lệnh sẽ được thực hiện tại Lô hàng cho những User nào được phép duyệt.

Thêm

Xóa

Sửa

Xem in

Xuất Excel

Phân lệnh

Refresh

Thoát

Lot hàng

Tất cả

Nhập khẩu

Xuất khẩu

	Loại	Cục hải quan	Chi cục	Lô hàng	Ngày lập phiếu	Số Book/Bill	Ngày Book/Bill	Tình trạng	User thêm	Ngày giờ thêm
▼										
▶	XK	HQ02		LHX00002	30/06/2016	BK00002	30/06/2016	Nhập mới	ADMIN	13/10/2016 Lúc 10:50 AM
	XK	HQ02	02CH	LHX00002	30/06/2016	BK00001	25/06/2016	Nhập mới	ADMIN	13/10/2016 Lúc 10:38 AM
	XK	HQ02	02CI	LHX00002	30/06/2016	BK00001	25/06/2016	Hoàn thành	ADMIN	12/10/2016 Lúc 6:07 PM
	NK	HQ02		LHN00002	30/06/2016	B99999	30/06/2016	Vận chuyển	ADMIN	13/10/2016 Lúc 10:42 AM
	NK	HQ02	02CV	LHN00002	30/06/2016	B123456	30/06/2016	Vận chuyển	ADMIN	13/10/2016 Lúc 2:28 AM

Sau khi nhấn thêm phân lệnh sẽ xuất hiện Form như hình dưới

Phân lệnh

Thông tin chung

Nhân viên phân lệnh: Lê Quốc Anh

Nhân viên nhận lệnh: Nguyễn Anh Dũng

Chứng từ

Số phiếu: PL0001/10

Ngày giờ: 13/10/2016 3:38 PM

Diễn giải:

Lô hàng

Số Book/Bill	Ngày Book/Bill	Tên đối tượng	Khu vực/tuyến	Số kiện	Trọng lượng	Số khối
BK00002	30/06/2016	Công ty TNHH TM DV Phú Xuân		0	0	0
*				0	0	0

0 0 0

Chọn nhiều lô hàng Cập nhật Xem in Đóng

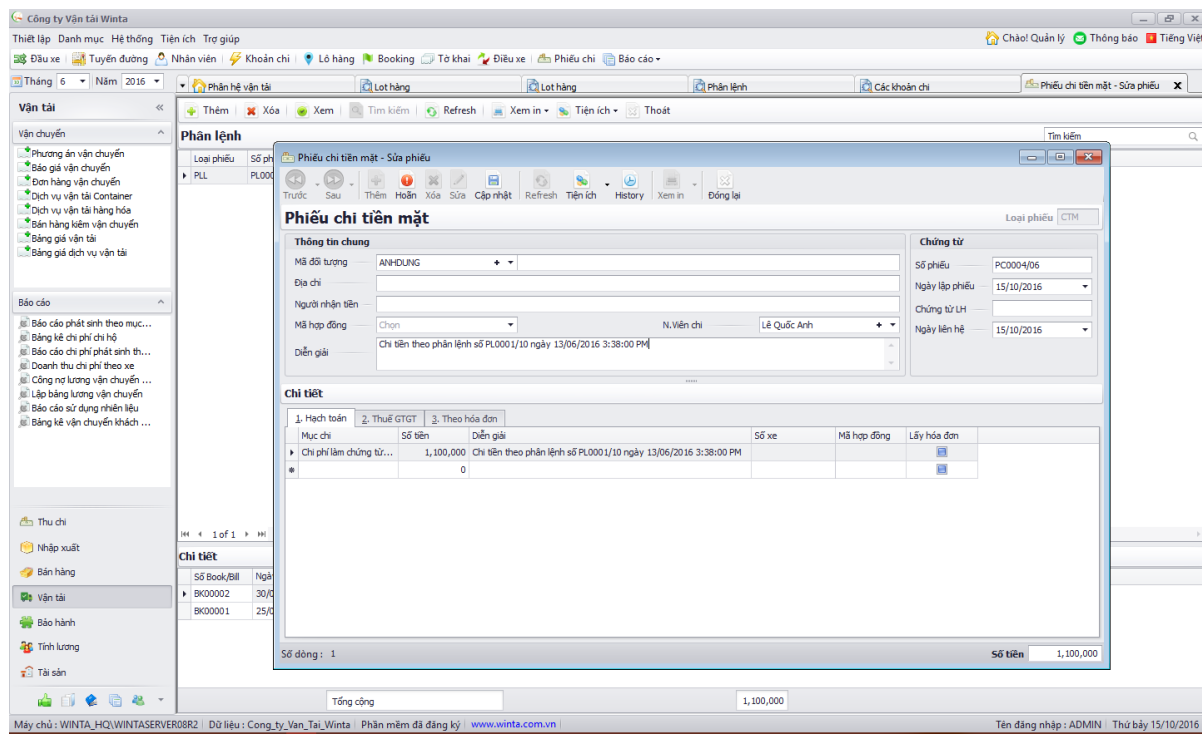
Lưu ý : Có thể chọn từng lô hoặc nhiều lô cùng lúc. Màn hình chọn nhiều lô

Chọn nhiều lô hàng phân lệnh

Chọn	Số Book/Bill	Ngày Book/Bill	Loại NX	Tình trạng	Khu vực/tuyến	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Đã phân	Xem	Số kiện	Trọng lượng
☒	BK00002	30/06/2016	XK	Nhập mới		CTPHUXUAN	Công ty TNHH TM DV Phú Xuân	☒	☐	0	0
☐	B999999	30/06/2016	NK	Vận chuyển		CTMANHHUNG	Công ty CP Thiết Bị Điện Mạnh Hùng	☐	☐	0	0
☐	B123456	30/06/2016	NK	Vận chuyển		CTMINHLONG	Công ty TNHH Minh Long	☐	☐	0	0
☐	BK00001	25/06/2016	XK	Nhập mới		CTCAMHUNG	Công ty TNHH Cẩm Hùng	☒	☐	0	0

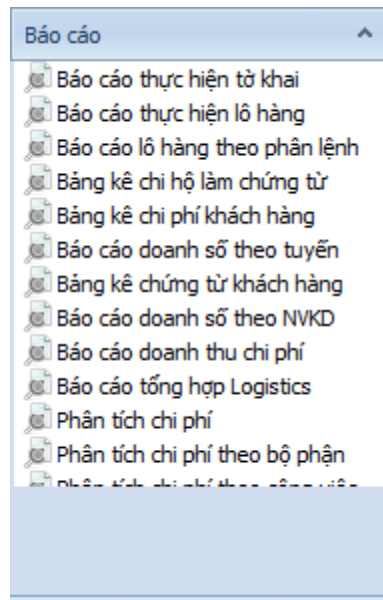
1 of 4

Chọn Hủy bỏ



4. Báo cáo nghiệp vụ Logistics

Phân hệ Logistics=> Báo cáo => chọn loại báo cáo => Lập báo cáo



Ghi chú : Phần mềm Winta Logistics là giải pháp toàn diện cho doanh nghiệp. Hướng dẫn trên đây chỉ là đơn giản và bao quát. Mỗi doanh nghiệp luôn có quy trình đặc thù riêng. Chính vì vậy sau khi triển khai với đơn vị nào chúng tôi sẽ có bản hướng dẫn cụ thể theo quy trình của doanh nghiệp.

=====HẾT=====

